

SIGMUND FREUD

*TƯƠNG LAI
CỦA
MỘT ẢO TƯỢNG*



Sigmund Freud - Tương lai của một Ảo tưởng

Die Zukunft Einer Illusion

Sigismund Schlomo Freud

(6 May 1856 – 23 September 1939)

Tương lai của một Ảo tưởng

Sigmund Freud



calibre 1.35.0

Lời Người Dịch

1.

Freud coi tôn giáo là một hiện tượng nhân văn trong xã hội văn minh. Tôn giáo là phó sản từ sự “gạt bỏ những bản năng” bằng những phương tiện “cấm đoán” tìm thấy trong mọi văn hóa. Tôn giáo nảy mầm từ mặc cảm Oedipus, và phơi bày sự bất lực của con người ở trần gian, phải đối mặt với số phận cuối cùng là cái chết, đối chọi với những cấm cản ràng buộc của xã hội, và những sức mạnh của tự nhiên.

Ông nhìn Gót như sự thể hiện của khát khao về một người cha thấy trong tâm lý con-trẻ. Các tôn giáo xoay quanh một hay nhiều Gót, trong ngôn từ của ông, chúng giữ một “nhiệm vụ gồm ba lớp: “phải ‘trừ tà trục quỷ’ cho những khiếm hải của con người trước thế giới tự nhiên”, “phải hòa giải con người với sự tàn ác của số phận, đặc biệt là khi được thể hiện qua cái chết”, và “phải đền bù cho những đau khổ và thiếu thốn vốn đời sống văn minh đã áp đặt lên con người nói chung”. Do đó, tôn giáo tạo nên một “kho tàng gồm các ý tưởng sinh ra từ nhu cầu xoa dịu những đau khổ của con người, khiến có thể kham chịu được”.

Tôn giáo mà Freud nói đến “tương ứng với hình thức cuối cùng trong sự tiến hóa của tôn giáo, là đạo Kitô thực hành trong nền văn minh da trắng hiện nay”. Khác với Jung, sau ông, là người đã dựa nhiều ý tưởng trên các tôn giáo phương Đông (chủ yếu là Ấn Độ giáo và Phật giáo). Về mặt lôgich, Freud nhấn mạnh trên một yếu tính đặc thù của Kitô giáo, đó là mối “quan hệ cha con”. Ông khẳng định rằng “Gót là một người cha cao vời, hoài mong về người cha là gốc của nhu cầu về tôn giáo”.

Freud phân biệt ảo tưởng (illusion) và sai lầm: một ảo tưởng, là sản phẩm của ao ước, không nhất thiết phải là sai lầm. Hơn nữa, ông nói thêm “Tôn giáo do đó có thể là chứng loạn thần kinh phổ quát của nhân loại, giống như ám ảnh nhiễu loạn thần kinh của trẻ con, khởi phát từ mặc cảm Oedipus, trong tương quan cha con”. Ông thậm chí còn cho rằng “những người sùng đạo được bảo vệ ở một mức độ cao trước các nguy cơ của một số bệnh thần kinh; sự chấp nhận của họ về bệnh thần kinh phổ quát đã tránh cho họ công việc phải xây dựng một bệnh loạn thần kinh cá nhân cho riêng họ”. Hiếu là

những tín đồ các tôn giáo đã mắc một thứ bệnh thần kinh phổ quát rồi, nên miễn nhiễm.

2.

Thực có Gót không, hay hình ảnh đó chỉ là một tưởng tượng, và cảm giác của chúng ta về hiện hữu đó chỉ không gì khác là một hy vọng thầm kín cho khát khao lớn nhất của con người được thành? Gót là có thực – hay chỉ là một tưởng tượng? Đó là câu trả lời tự nhiên và quen thuộc nhất, và cũng xa xưa nhất, ghi lại từ cổ thời Hylạp. Khoảng năm sáu trăm năm trước công nguyên, triết gia Xenophanes đã viết, “sự thật rõ ràng về các vị Gót là không có người nào từng nhìn thấy, cũng chẳng có bất kỳ người nào bao giờ sẽ biết”.

Đây là điều đương nhiên, nhưng ông tuyên bố biết những huyền thuyết về các Gót đến từ đâu. Ông giải thích “con người có xu hướng dựng hình ảnh của tất cả mọi người và tất cả mọi thứ giống như là chính họ. Người Ethiopia, ông nói, làm những Gót của họ có da xạm, mũi tẹt, trong khi người Thracian làm các Gót của họ có da trắng, tóc hung đỏ và mắt xanh. Tin tưởng rằng các vị Gót có bất kỳ loại hình thể nào của con người tất cả là thứ nhân dạng hóa ấu trĩ trẻ con”.

Thế nên, ông còn mỉa mai viết thêm “Nếu những con bò và những con ngựa, hay những con sư tử đã có tay, và nếu chúng có thể vẽ được, sau đó con ngựa sẽ vẽ các Gót của chúng có dạng như ngựa, bò như bò, làm thân thể các Gót của chúng có hình dạng tương tự như của riêng chúng”. Đó là Xenophanes với những Gót của dân Hylạp vẫn cho rằng cư ngụ trên ngọn núi cao nhất xứ họ là Olympus.

Thế nhưng sau đó, các tôn giáo Abraham ra đời, khái niệm Gót trở nên trừu tượng hơn, huyền nhiệm hơn, và vì những ngọn núi đã bị con người chinh phục, nên Gót được đẩy cho cao xa hơn nữa, ra ngoài cả thời gian lẫn không gian, ra khỏi thực tại vật chất trần gian. Câu hỏi trên nay được chuyển thành - Gót là có thực không - hay chỉ là một ảo tưởng, giống như một giấc mơ trong đêm dài đời người? Câu hỏi này đã gây tranh luận từ lâu trong triết học tôn giáo phương Tây. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ý tưởng

rằng Gót chỉ đơn giản là một sự làm đầy mong ước của con người đã ngày càng được chú ý và được phổ biến mạnh mẽ.

Hai triết gia đặc biệt gắn liền với lý thuyết này là Ludwig Feuerbach (1804-1872) và Sigmund Freud (1856-1939).

Công trình chính của Feuerbach là Yếu tính của Kitô giáo (The Essence of Christianity - 1841), trong đó ông cho rằng ý tưởng về Gót phát sinh từ kinh nghiệm có thể hiểu được của con người, nhưng đã bị hiểu nhầm lẫn. Tôn giáo nói chung chỉ đơn giản là sự phóng chiếu bản chất con người vào một không gian siêu nghiệm ảo. Con người đối tượng hóa những cảm xúc của chính mình.

Họ giải thích nhầm lẫn kinh nghiệm của họ như là một nhận thức về Gót, trong khi trong thực tế nó không là gì khác hơn kinh nghiệm về tự bản thân họ. Vậy Gót phát sinh từ kinh nghiệm con người, nhưng về chính con người, không về một-gì không con người, như đã nhầm lẫn. Con người gán cho Gót tất cả những phẩm tính tốt đẹp, và hậu quả là giữ lại và gán cho tự thân con người tất cả những phẩm tính xấu ác, tạo nên một sự vong thân (alienation).

Gót là sự khao khát của con người được nhân cách hóa.

Chúng ta khao khát có một hữu thể đáp ứng được tất cả những muốn và mơ của chúng ta - và chúng ta tạo ra một hữu thể, rồi đưa lên thành siêu thể, giống như vậy. Đối với Feuerbach, lý thuyết loại như Christ sống lại không gì khác hơn là một tiếng vang từ sâu thẳm con người đòi một trực tiếp an ủi chắc chắn về sự bất tử cá nhân. Kinh Thánh nói rằng Gót tạo dựng con người theo hình ảnh của mình; Feuerbach tuyên bố chúng ta tạo dựng Gót theo hình ảnh của chúng ta; “Con người là đầu, giữa và cuối của tôn giáo”. Trước sau chỉ có con người. Gót là một sự làm đầy mong ước của con người, và giữ bằng một ảo tưởng. Trong thế giới tôn giáo, con người đã không nhận ra rằng khi họ nói về Gót, họ phơi mở những hy vọng và sợ hãi sâu kín nhất của chính họ.

Lỗi nhìn “cách mạng” này, có tác dụng lớn trong lịch sử tư tưởng, làm vấn đề hiện hữu của Gót – từ nay không chỉ ở trong những luận chứng logic giữa những nhà thần học và triết học, lại thôi không ở trong những mặc khải từ não thức của một vài cá nhân nào đó, nhưng trên những kinh nghiệm tâm lý

của những tín đồ hiện đại. Thần học thành nhân loại học, điều tra thực hư về Gót rơi từ trời cao xuống đất thấp, trở thành một tìm tòi về bản chất con người.

Phân tích xuất sắc của Feuerbach có ảnh hưởng sâu dài. Câu hỏi Gót có hay không – nếu tạm giả định là có, đã chuyển sang – tại sao có? – và đến từ đâu? Lời Feuerbach đáp mở đầu là sự hiện hữu của Gót buộc chặt và có căn cứ trên kinh nghiệm của con người. Nhưng, như Feuerbach, nhấn mạnh, kinh nghiệm con người có thể là không gì khác hơn là kinh nghiệm về chính mình, hơn là về Gót. Chúng ta chỉ đơn giản phóng chiếu những kinh nghiệm riêng của chúng ta, và gọi tên kết quả là “Gót”, đáng lẽ phải nhận ra rằng chúng chỉ đơn giản là kinh nghiệm của tự thân bản tính rất đời con người. Cách nhìn của Feuerbach đánh một đòn chí tử vào những ý tưởng xoay quanh con người của đạo Kitô.

3

Những ý tưởng cơ bản của Feuerbach tái sinh trong Sigmund Freud. Ngày nay, khi nói về “phóng chiếu” hay “mong ước làm đầy” là nói về chúng cùng những biến thể trong khoa phân tâm học của Freud, chứ không phải trong Feuerbach nữa. Tuyên bố mạnh mẽ nhất của Freud có thể tìm thấy trong *The Future of an Illusion* (1927). Đối với Freud, những ý tưởng tôn giáo là “ảo tưởng”, lấp đầy những mong muốn lâu đời nhất, mạnh nhất và cấp thiết sâu kín nhất của loài người

Để hiểu *The Future of an Illusion*, chúng ta cần nhắc lại vài khái niệm chủ yếu. Trước hết là khái niệm *ontogenesis recapitulates phylogenesis*. Freud sử dụng *phylogenesis* để chỉ quá trình tiến hóa bao gồm của con người từ những nguồn gốc sớm nhất của nó. Ông đưa ra giả thuyết rằng sự phát triển cá nhân (*ontogenesis*) lặp lại trong thu tóm các giai đoạn chính của quá trình tiến hóa của nhân loại, với những biến cố chấn thương trong lịch sử của nó, do đó chúng xuất hiện lại và có ảnh hưởng về cơ cấu trên từng cá nhân. Điều này giải thích sự phổ quát của những ý tưởng lạ lùng nguyên thủy, mặc cảm Oedipus, và một dàn dựng cấu trúc trong hình thành và hoạt động của những chức năng tâm lý con người. Lý thuyết này, một cách vắn tắt, cho rằng tiến

trình phát triển sự sống ở mỗi đứa trẻ lặp lại lịch sử tiến hóa sự sống của toàn thể giống người.

Thêm nữa, Freud nhìn văn minh con người dựng trên sự chối bỏ những bản năng tự nhiên, đặc biệt là bản năng tình dục, qua một pha trộn từ dồn ép đến thăng hoa, dẫn đến những day dứt, uẩn ức – mỗi thế hệ lại bị buộc lặp lại quá trình dồn nén tâm lý này. Đến đây, sau khi Feuerbach đẩy thần học sang nhân chủng học, đến Freud, ông đẩy nó sang lĩnh vực chuyên môn của ông – tâm lý học và dùng phương pháp cùng kết quả của phân tâm học, một sáng tạo của chính ông, để giải thích nguồn gốc hình thành của nó.

Và trong đó, ngoài lý thuyết về bản năng, ông sử dụng ba khái niệm đặc biệt của phân tâm học – mặc cảm Oedipus trong quan hệ cha-mẹ-con, lòng-quá-yêu-chỉ chính mình (narcissism) của con người, và khái niệm – đã nói ở trên, nhưng được dùng với nội dung của Freud - “mong ước làm đầy” (wish-fulfillment). Làm đầy, thỏa mãn mong ước là một khao khát, một ám ảnh, hay có thể nói một động cơ thúc đẩy của những hình thành từ vô thức như những giấc mơ, những triệu chứng loạn thần kinh, và những mơ tưởng, ám ảnh dị thường.

Đặc biệt là những ước mong trẻ thơ về tính dục sẽ được biểu hiện và thỏa mãn ẩn dấu trong tưởng tượng với nhiều cải trang. Nhìn như vậy, mong ước làm đầy là hết sức năng động. Một mong ước không bao giờ cô lẻ, nó luôn luôn song hành hay đối nghịch với những mong ước khác, trong lẫn ngoài, kín lẫn mở. Như thế chúng luôn luôn chuyển vận trong những tiến trình sắp xếp, nghĩa là dâng co, đưa lên, chìm xuống những ý nghĩa.

Trước đó trong Totem và Tabu (1913). Freud phát biểu quan điểm táo bạo và sáng tạo của ông về một nguồn gốc của tôn giáo, nhìn trong phương diện lịch sử của tâm lý đám đông. Freud tuyên bố rằng tôn giáo về cơ bản là một hình thức biến dạng của một ám ảnh thần kinh (obsessional neurosis). Theo ông nguồn gốc tôn giáo có hai tầng: gốc của nó trong lịch sử tiến hóa tổng quát của xã hội loài người, và gốc của nó trong trường hợp của mỗi tâm lý cá nhân.

Freud tin rằng những yếu tố chính yếu trong tất cả tôn giáo Abraham là: sự tôn kính một chân dung người cha (Gót hay Christ), tin tưởng vào quyền

năng siêu nhiên thần linh, và một quan tâm với những nghi lễ nhất định nào đó sao cho đúng cách. Ông truy nguyên những nguồn gốc tôn giáo về mặc cảm Oedipus. Ở một thời điểm nào đó trong lịch sử nhân loại, khi loài người vẫn còn sống theo những bầy đàn, trong mỗi bầy đàn có một người nam – một tộc trưởng - lớn tuổi nhưng mạnh mẽ nắm toàn quyền thống lĩnh. Những người này độc quyền sở hữu những phụ nữ của thị tộc, hay bộ lạc.

Freud phỏng đoán một biến cố đã phải xảy ra trong đêm tối tiền sử sơ khai - trong đó những người nam trẻ tuổi, bất mãn với tình trạng này, đã một lần từng nổi dậy chống lại những tộc trưởng, lật đổ họ, giết những người cha, dành lấy những phụ nữ, trong đó có những người mẹ, cho mình. Sau đó, bị ám ảnh với biến cố này - một xúc cảm về tội lỗi thành hình. Tôn giáo có nguồn gốc từ biến cố tiền sử này, từ mặc cảm tội lỗi đó, nó đã là sức mạnh thúc đẩy chủ yếu, và nỗ lực chuộc tội cho biến cố đẫm máu đó đã trá hình sau những nghi lễ tôn giáo khác loại.

Phân tâm học làm chúng ta quen thuộc với liên hệ mật thiết giữa mặc cảm cha-con và tin tưởng vào Gót. Nó đã trình bày cho chúng ta Gót không có gì khác hơn là một người cha cao vợi. Tôn kính hình ảnh người cha có gốc từ thời thơ ấu. Khi trải qua giai đoạn “ghét cha yêu mẹ” gọi là Oedipus của mình, đứa trẻ phải đối phó với sự lo lắng sợ bị người cha trừng phạt. Phản ứng của đứa trẻ với đe dọa này là tôn kính người cha, đồng hóa với ông ta, và phóng chiếu những gì đã biết về ý muốn của người cha vào thành superego – hay lương tâm của cá nhân.

Trong *The Future of an Illusion*, Freud thăm dò nguồn gốc của sự phóng chiếu một người cha lý tưởng này. Tôn giáo đại diện cho sự kéo dài một mảng của ứng xử tâm lý trẻ con vào mãi trong đời sống người lớn. Tôn giáo là chỉ đơn giản là một phản ứng thiếu trưởng thành trước nhận thức về tình trạng bất lực, bơ vơ không tự cứu được của con người, bằng cách quay lại kinh nghiệm thời thơ ấu khi có một người cha bảo bọc chăm sóc: “Cha tôi sẽ bảo vệ tôi, ông nắm vững hết mọi sự”. Niềm tin vào một Gót cá nhân là như vậy, không gì khác ngoài một ảo tưởng trẻ con. Tôn giáo là đồng hóa những ước mong với hiện thực.

Trong ý hướng này, tôn giáo – nhìn trong lĩnh vực tâm lý - không là gì khác với tâm lý của những người bệnh thần kinh. Những bệnh nhân của chứng nhiễu loạn mơ rồ, họ đặt thực tại tâm lý lên trên thực tại vật lý, lấy tưởng/mê làm thực tại. Tôn giáo như thế là một thứ “tâm bệnh” chúng ta đã tạo ra để làm dịu sự sợ hãi lớn nhất của chúng ta. Như trẻ thơ, chúng ta cảm thấy bất lực trước rất nhiều những sự việc, không có khả năng tinh thần hoặc vật chất để đối mặt với thế giới của chúng ta riêng. May mắn thay, hay nên nói rằng hy vọng thay, chúng ta có cha mẹ hướng dẫn và bảo vệ chúng ta. Đặc biệt là người cha – con có cha như nhà có nóc - được xem như một trụ cột của sức mạnh cho cá nhân. Khi chúng ta lớn dậy, vào tuổi trưởng thành, chúng ta thấy những bất lực của chúng ta vẫn còn đó, lớn hơn chứ đã không giảm đi, và do đó, chúng ta hướng về Gót, như “Cha chúng ta ở trên Trời”, như thế Gót là “người Cha chung” của những tín đồ, người sẽ thực hiện vai trò thay thế người cha thực đầy quyền năng thời thơ ấu, cho tuổi trưởng thành - đến những ngày cuối của cuộc đời chúng ta.

Như thế, trong *The Future of an Illusion* này, Freud thêm một bước tiến xa hơn, đi đến nói rằng con người tạo ra Gót trong một ảo tưởng (có phần đáng thương), tôn giáo như thế là một thứ bệnh thần kinh phổ quát của loài người.

4.

Trước và sau, cả hai Feuerbach và Freud, đều tìm cách giải thích về tôn giáo dựa vào lịch sử, đặt câu hỏi – tôn giáo đã ra đời ra sao trong tiến hóa của nhân loại. Tìm được lịch sử của nó, là tìm được cách phủ nhận nó – cho thấy nó hoặc ấu trĩ, hoặc lạc hậu. Đó là cách tiếp cận đến nguồn gốc của tôn giáo, từ các căn nguyên hình thành tâm lý (psychogenesis) của con người nói chung. Feuerbach và Freud trong nỗ lực giải thích về những con đường tâm lý tự nhiên đưa đến tôn giáo, đã thiết lập hai lý thuyết có ảnh hưởng rất mạnh mẽ trong triết học tôn giáo.

Feuerbach, dựa trên Hegel, đề ra ý tưởng rằng quá trình mà tôn giáo được phát minh là mong thực hiện những khát vọng con người. Theo Feuerbach, Gót là sự phóng chiếu những ham muốn mạnh nhất của loài người. Thế nên sự thu hút hấp dẫn của các tôn giáo Abraham nằm trong hứa hẹn của nó về một thiên đàng, thỏa mãn khát khao bất tử và xoa dịu sự khiếp hãi cái chết

của con người. Con người có nhiều nỗi sợ hãi, nhưng hầu hết tất cả chúng ta sợ chết. Tôn giáo, như Kitô giáo, trong hứa hẹn sự sống đời đời, lấy đi sự lo sợ này ra khỏi chúng ta. Nếu chúng ta trao “linh hồn” cho tôn giáo, chúng ta thoát được nỗi sợ hãi lớn nhất, và có thể sống trong hạnh phúc mù lòa, vì hoàn toàn nhắm mắt trước sống chết vô thường. Điều này giải thích sự hấp dẫn của các tôn giáo Abraham, và sức mạnh khôn cưỡng của nó một khi bám hút được não thức con người yếu đuối.

5.

Freud chủ trương thực chất của văn minh không nằm trong sự chinh phục thiên nhiên của con người cho các phương tiện hỗ trợ sự sống, nhưng nằm trong lĩnh vực tâm lý, trong sự kiềm chế những bản năng của bản – bản năng khát sống, điển hình là bản năng tình dục, ông gọi là Eros, và phản đề của nó - bản năng Chết, ông gọi là Thanatos nơi mỗi người. Một trong những đề đập giúp ngăn cản, kiềm chế, và trấn áp những bản năng mà con người đã phát minh ra để duy trì văn hóa của nó là tôn giáo. Khía cạnh độc đáo này của tôn giáo đã vẫn được xem là phản ánh lương tâm đạo đức đã được Freud thừa nhận khi ông viết về một trong những chức năng của nó là cố gắng “. . . sửa chữa những bất toàn của văn hóa đã quá đau đớn cảm nhận được”.

Freud định nghĩa tôn giáo như một ảo tưởng, bao gồm các “tín điều nào đó, khẳng định về những sự kiện và điều kiện của thực tại trong và ngoài vốn bảo một người về một điều gì đó mà người ta đã chưa khám phá ra, và tuyên bố rằng người ta phải nên cho điều gì đó niềm tin. Những khái niệm tôn giáo được truyền đi theo ba cách, và đòi sự tin tưởng của chúng ta. “Thứ nhất, vì chúng đã được tổ tiên nguyên thủy của chúng ta tin tưởng; thứ hai, chúng ta sở hữu những bằng chứng vốn chúng đã được truyền lại cho đến chúng ta từ cùng một thời nguyên thủy ấy, và thứ ba là cấm tuyệt không được phép nêu câu hỏi nào hết về giá trị xác thực của chúng”.

Tôn giáo trong một phương cách cũng tương tự như với hệ tin tưởng totem (totemism). Nhìn trong tầm mức cá nhân, mỗi con người thực chất là một kẻ đối nghịch với xã hội theo ý hướng nó có những bản năng tự nhiên thôi thúc nhưng chúng phải bị kiềm chế để xã hội có thể sinh hoạt. Freud đưa ra một danh sách đen tối, nhưng không phải là không thực, chúng gồm loạn luân,

ăn thịt người, và gây hấn, hung hãn, đến phá hoại, giết chóc. Cái nhìn của ông về bản chất con người là nó là chống lại xã hội, nổi loạn, và có xu hướng tình dục và phá hoại rất cao.

Về quan điểm này Freud gần với một triết gia đồng thời với ông hơn là Emile Durkheim (1858-1917). Cả hai cùng xem hệ tin tưởng totem như là hình thức nếu không phải là hình thức tôn giáo nguyên thủy, thì cũng có liên hệ chặt chẽ với gốc tích của tôn giáo; nhưng với Freud có những lý do khác nhau. Với Durkheim, nhìn với con mắt của nhà xã hội học, ông tin hệ tin tưởng totem trong đó có một con vật totem (totemic animal) là trung tâm nguyên thủy của sinh hoạt tôn giáo, vì con vật totem là biểu tượng cho thị tộc, một cộng đồng, một xã hội.

Mặc dù hầu hết mọi người ngày nay tin rằng cách diễn giải trong nhiều dữ liệu trên hệ tin tưởng totem của Durkheim là không chính xác, thị kiến của ông về vai trò của tôn giáo dùng để tăng cường tình đoàn kết xã hội được chấp nhận rộng rãi, cũng như quan điểm cho rằng trong nhiều xã hội truyền thống, trật tự của ba thế giới nhân văn, tự nhiên, và siêu nhiên, chúng đều liên kết với nhau và củng cố lẫn nhau trong một hệ thống chung.

Freud đặc biệt chú ý đến sự “phá lệ” xảy ra còn thấy trong các dân tộc sinh hoạt theo hệ tin tưởng totem, đó là một nghi lễ cộng đồng, thường xảy ra hàng năm, đặc biệt trong đó con vật tổ bị đem ra giết và ăn thịt, trong khi sự kiện này bị tuyệt đối cấm ở mọi thời điểm khác.

Tại sao có “phá lệ” này? Ý nghĩa của lễ tiệc totem là gì? - Freud tin rằng totemism đã khởi phát trong một quá khứ rất xa xưa. Freud phỏng đoán biến cố loại Oedipus đã kể ở trên xảy ra, đưa bộ lạc vào hỗn loạn, và cá nhân có lẽ bị dày vò (giết cha, lấy mẹ), nên sau đó đi đến ngăn cấm vĩnh viễn cả hai: giết cha và loạn luân. Nhưng cảm giác tội lỗi và tình cảm mâu thuẫn của những đứa con trai – vừa thù ghét vừa kính yêu đối với người cha đã không mất, nhưng nó đã được tái thể hiện, được chuyển từ người cha sang một con vật totem, và totem thành biểu tượng của “tổ tiên”.

Toàn bộ quá trình và quá khứ này, Freud cho rằng, đã phai nhạt khỏi trí nhớ con người, nhưng dấu vết của nó vẫn có thể tìm thấy trong các tôn giáo nguyên thủy, và trong những tưởng tượng của trẻ con. Đến đây, cho thấy

Freud dựa vào thuyết thu tóm (recapitulation) đã nhắc ở trên – giúp chúng ta hiểu tại sao ông nghĩ rằng có thể biết về quá trình tâm lý, sự suy nghĩ của con người nguyên thủy từ tâm lý, suy nghĩ của những người bệnh nơ rô, của những trẻ em hiện đại.

6.

Cơ sở triết học Freud giải thích văn minh và tôn giáo là chủ nghĩa duy vật thực nghiệm (empiricist materialism), theo đó, Gót là một giả thuyết và không đứng vững. Lịch sử văn minh loài người là một đấu tranh dài chống tự nhiên, cả thiên nhiên ngoài lẫn nội tâm trong. Tin tưởng vào Gót được xem như một thứ nỗ lực hoà giải con người với sự nương tựa mật thiết của nó vào tự nhiên vốn hầu hết cảm nhận qua những kinh nghiệm đầy thương tổn.

Freud diễn dịch sự hình thành của những tôn giáo trong cái nhìn theo những chức năng hoà giải của nó trong sự xung đột này giữa tự nhiên và văn hoá, giữa con người và xã hội. Như dẫn chính ông ở đoạn trên, tôn giáo đem lại cho con người sự thú nhận những yếu đuối tự thân của chính nó và đồng thời cũng cho nó giữ lại một ý nghĩa ưu việt vượt trên thực tại vây quanh.

Cái giá của sự thoả hiệp này sự tuân phục một “ảo tưởng”. Các lý thuyết trong nội dung tôn giáo, đều phải tuân theo không chất vấn, chúng không phải là kết quả của suy tưởng siêu nghiệm, cũng không phải là từ kinh nghiệm tâm linh, lại càng không là những “mặc khải” thần bí, nhưng chúng chỉ là những tưởng tượng đã được tinh luyện của chính con người, là những ao ước-muốn thành trước những nhu cầu cơ bản nhất của con người.

Sức cuốn hút mạnh mẽ của “ảo tưởng” do đó là sức mạnh thôi thúc của những nhu cầu thầm kín này. Trung tâm điểm của tưởng tượng tôn giáo, một Gót-Người Cha (Father-God), dựng lên từ những vật liệu lấy từ kinh nghiệm thơ ấu của con người: đứa trẻ yếu đuối không tự bảo vệ được mình đã tạo ra nhu cầu muốn được bảo vệ; nhu cầu này là động lực của yêu thương và mong đợi của nó về một người cha và buộc nó phải chìm xuống tất cả những ác cảm nó có với ông như đối thủ của nó trong tương quan phức tạp tay ba – cha-mẹ-con – Freud gọi là mặc cảm Oedipus.

Nhưng vì người cha thực không thể chữa lành được những thương đau, thiếu thốn, và những thương đau thiếu thốn ấy còn mãi vì chính là phận người, nên dù đã trưởng thành, một người cha mạnh mẽ hơn, nhiều quyền năng hơn, thương yêu bảo bọc hơn – toàn năng, toàn trí và toàn thiện – là sự cần thiết, và từ đó con người trần gian “tạo” ra Gót – lý tưởng hoá và phóng chiếu những thuộc tính của một người cha thành Gót - một người Cha cao vời, vòi vọi.

Khát khao được bảo bọc, thúc đẩy từ những nhu cầu của sự sống trực tiếp đè nặng trên mọi cá nhân, và nhất là cái chết ở cuối đường không thể nào thoát, tất cả đã giải thích sức mạnh của tôn giáo, và sự tin tưởng – nhắm mắt, tự lừa chính mình - lâu dài của đông đảo con người vào nó.

Tôn giáo như thế, theo cái nhìn của Freud, không chỉ là sự tự vệ, nhưng còn là một triệu chứng của bệnh tâm thần, một thứ bệnh tâm thần tập thể, nó “hữu ích”, vì xoa dịu đau thương của kiếp người, vì giúp người ta chịu đựng được những khổ đau thất bại, và vực người ta đứng dậy đi cho hết con đường đời, đến cái chết hải hùng cuối cùng, và rồi ở đó, nó đem cho những ý tưởng để phủ nhận cái chết, bằng cách vẽ ra một “thiên đường” đằng sau cái chết.

Kinh nghiệm về những bất-khả-tự lực với tư cách nạn nhân đã chuyển đổi sang tin tưởng vững chắc có một sự che chở sau cùng với tư cách tín đồ. Một biện chứng cơ bản đã là động lực của chuyển đổi cơ cấu. Chuyển đổi từ nương tựa phụ thuộc sang cảm giác được bảo bọc lập lại một kinh nghiệm thơ ấu, đó là thế chỗ ông bố thực với một sản phẩm tưởng tượng. Chiều hướng của tiến trình là một loại “hủy-thực-thành-hư” (Entfremdungsgefühl) - de-realization của Freud là một thứ dồn nén, phủ nhận, nó “tha hóa” thực tại vật chất đời người, chuyển sang đối lập của nó, dựng trên sự xây dựng ảo tưởng về một “thực tại” thứ hai linh thiêng.

Sigmund Freud, đã thực sự đem Gót làm một chủ đề của giải cấu trúc siêu hình tâm lý (metapsychological deconstruction), và đã chọn một vị trí vô thần. Những người theo ông, cũng tiếp tục gắn bó với những luận chứng và tuyên bố của ông trong “Tương lai của một ảo tưởng” này, và tiếp sau trong “Văn minh và những bất mãn từ nó”. Chủ nghĩa khoa học thực chứng

(positivism) ở đầu thế kỷ XX đã đem lại một cổ vũ nồng nhiệt trước những vạch trần của Freud về Gót. Ông đã cất lên tiếng nói cho những gì đang nung nấu trong tâm trí của giới trí thức phương Tây. Những tội ác không kể xiết đã xảy ra ngay sau đó, nhân danh chủ nghĩa dân tộc đầy tôn giáo tính ở châu Âu, xác nhận rằng chủ nghĩa vị chủng (ethnocentrism) và khái niệm song sinh của nó, niềm tin tôn giáo, là những món hàng tối nguy hiểm cho loài người.

Chúng đã dẫn đến sự nhiễm độc với sự ưu thắng của trong-nhóm (in-group superiority) và đặt nền móng cho sự áp bức của những “người khác” ngoài-nhóm, và thậm chí cả sự tàn bạo và diệt chủng. Những nạn nhân của định kiến và bạo lực, tìm thấy hy vọng từ những phân tích của Freud rằng tôn giáo là một trò lừa bịp và khoa học sớm hay muộn sẽ đảm bảo vị trí ưu thế của lý trí con người trong tư tưởng cá nhân và sinh hoạt xã hội của cả toàn thể cộng đồng nhân loại.

Và như thế, Freud đã tiên đoán, rất lạc quan ở gần giữa thế kỷ trước; ảo tưởng sẽ tan vỡ, Gót và những tôn giáo Abraham thờ Gót sẽ nhường chỗ cho lý trí và khoa học.

7.

Freud xuất thân là một y sĩ chuyên về bệnh thần kinh, một khoa học gia, một bác học trong ngành của ông, là nhà tâm lý nổi danh nhất cho đến nay của nhân loại, người khai sinh môn phân tâm học, nhưng ông có ảnh hưởng hết sức lớn lao và sâu rộng trong lĩnh vực tư tưởng và nghệ thuật từ hai thế kỷ qua. Tương lai của một Ảo tưởng, cũng như cái-ta và Cái-Đó, và Văn minh và những Bất mãn từ nó là những bản văn nay đã thành cổ điển, đều được giảng dạy rộng rãi trong các trường đại học, trong có những quan điểm đã bị thử thách, được đánh giá lại, hay có phần đã bị thời gian đào thải, nhưng ngoài giá trị lịch sử, chúng đều là những ý tưởng hết sức sáng tạo, đáng suy ngẫm, đáng nghiên cứu, nhất là với những ai quan tâm về tư tưởng, triết học tôn giáo và văn minh phương Tây.

Tôi không tìm được một bản tiếng Việt, nên khi dịch bản văn Văn minh và những Bất mãn từ nó, tôi thấy Tương lai của một Ảo tưởng này cũng cần được dịch và nên giới thiệu trước, Người đọc sẽ thấy chúng liên hệ ra sao,

sau khi đọc cả hai. Riêng tập Cái-Ta và cái-Đó có thể dành giới thiệu sau với lý thuyết đặc biệt của Freud về những bản năng con người – trong đó có Libido, cùng cấu trúc tâm lý Ý thức, tiền-ý-thức và Vô thức.

Dịch từ bản dịch tiếng Anh: Freud, S. (1927). The Future of an Illusion trong The Standard Edition of the Complete Psychological Works of Sigmund Freud, Volume XXI (1927-1931): The Future of an Illusion, Civilization and its Discontents, and Other Works, 1-56.

Đối chiếu với bản dịch tiếng Pháp: L'avenir d'une illusion. Trad. franç., 1932. par Marie Bonaparte revue par l'auteur, 1932. Les Presses Universitaires de France, 1973, 3^e édition.

Lê Dọn Bàn
(Feb/2011)

I

Khi một người đã sống một thời gian khá lâu trong một văn minh cá biệt [1] và đã thường cố gắng để khám phá xem những nguồn gốc của nó là gì, và nó đã phát triển dọc theo con đường nào, một người đôi khi cũng cảm thấy muốn thử có một cái nhìn về một hướng khác, và hỏi đâu là số phận xa hơn nằm đợi nó ở trước, và những chuyển hóa nào sẽ là định mệnh để nó trải qua. Nhưng một người sớm thấy rằng giá trị của một điều tra giống như thế bị nhiều những yếu tố làm giảm thiểu ngay từ khởi đầu.

Trên hết tất cả, bởi vì chỉ có một số ít là những người có thể khảo sát hoạt động nhân văn trong đầy đủ địa bàn của nó. Hầu hết mọi người đã chính họ buộc phải tự hạn chế vào chỉ một, hoặc một ít, những lĩnh vực của nó. Nhưng một người biết về quá khứ và hiện tại càng ít bao nhiêu, phán đoán của ông về tương lai càng phải chịu thử thách bấp bênh hơn bấy nhiêu.

Và có khó khăn thêm nữa là đích xác trong một phán đoán thuộc loại này, những kỳ vọng chủ quan của cá nhân đóng một phần vốn khó khăn để lượng giá, và những điều này quay ra là phụ thuộc vào những yếu tố thuần túy cá nhân trong kinh nghiệm của riêng ông, vào ít hơn hay nhiều hơn ở sự lạc

quan của thái độ của ông với cuộc sống, như nó đã được tính khí, hoặc thành công, hay thất bại của ông đã phán định cho ông.

Cuối cùng, sự kiện lạ lùng làm cho tự nó được cảm thấy rằng nói chung người ta kinh nghiệm hiện tại của họ một cách ngây thơ, như nó là, mà không có khả năng hình thành một ước lượng về những nội dung của nó, đầu tiên họ phải đặt chính họ ở một khoảng cách với nó - đó là nói rằng, hiện tại phải trở thành quá khứ - trước khi nó có thể mang lại những điểm thuận lợi để từ đó phán xét tương lai.

Do thế, bất kỳ ai là người chịu thua cám dỗ để đem lại một ý kiến về tương lai có thể xảy ra cho văn minh của chúng ta sẽ là khéo nên tự nhắc nhở mình về những khó khăn tôi đã vừa chỉ ra, cũng như của sự không chắc chắn vốn chắc chắn thường gắn với bất kỳ sự tiên tri nào. Từ điều này nó dẫn đến, cho đến mức như tôi quan tâm, rằng tôi sẽ làm một rút lui chóng vánh trước một công việc mà nó là quá lớn lao, và tôi sẽ nhanh nhẩu tìm cho ra một mảnh nhỏ của địa hạt vốn đã dành được chú ý của tôi từ trước đến nay, ngay sau khi tôi đã xác định vị thế của nó trong kế hoạch tổng quát của những sự vật.

Văn minh loài người, qua đó tôi hiểu nghĩa là tất cả những phương diện trong đó đời sống loài người đã tự nâng nó cao lên khỏi trạng thái loài vật của nó, và khác với đời sống của những giống thú - và tôi khinh thường phân biệt giữa văn hóa và văn minh [2], như chúng ta biết, trình bày hai phương diện với người quan sát. Nó bao gồm một mặt tất cả những kiến thức và khả năng mà con người đã thu thập ngõ hầu để kiểm soát những sức mạnh thiên nhiên và bòn rút ra sự giàu có của nó để thỏa mãn những nhu cầu con người, và, mặt khác, tất cả những quy định cần thiết nhằm để điều chỉnh những quan hệ của con người với nhau và đặc biệt là phân bố những tài sản có thể kiếm được.

Hai xu hướng của văn minh không phải là độc lập với nhau: thứ nhất, bởi vì những tương hệ của con người chịu ảnh hưởng sâu sắc của mức lượng thỏa mãn bản năng vốn của cải hiện có làm nên có thể; thứ hai, bởi vì cá nhân một người có thể chức năng như của cải trong quan hệ với một người khác, trong chừng mực mà người khác đem dùng khả năng lao động của người ấy, hoặc chọn người ấy là một đối tượng tình dục; và thứ ba, hơn nữa, bởi vì

mỗi cá nhân là hầu như là một kẻ thù của văn minh, mặc dù văn minh được giả định là một đối tượng của lợi ích của con người phổ quát [3].

Đáng chú ý là, con người rất ít có khả năng có thể tồn tại trong cô lập, dẫu thế đi nữa họ vẫn sẽ cảm thấy như là một gánh nặng văn minh đã mong đợi họ thực hiện những hy sinh ngõ hầu tạo một đời sống cộng đồng có thể có được.

Thế nên văn minh đã được bảo vệ để chống lại với cá nhân, và những quy định, những tổ chức và những mệnh lệnh của nó được hướng tới nhiệm vụ đó. Chúng không chỉ nhằm đến hiệu quả một phân phối nhất định nào đó về tài sản, nhưng nhằm duy trì sự phân phối đó, thực sự, chúng phải bảo vệ tất cả những gì góp phần vào việc chinh phục thiên nhiên và sản xuất ra của cải, chống lại những xung lực thù địch của con người. Những sáng tạo của con người dễ dàng bị phá hủy, và khoa học và kỹ thuật, vốn đã đỡ bồi chúng lên, cũng có thể được sử dụng để tiêu diệt chúng.

Một người như vậy có một ấn tượng rằng văn minh là một cái gì đó vốn được áp đặt trên một đa số đối kháng bởi một thiểu số vốn đã hiểu cách thế nào để lấy được sở hữu của những phương tiện về quyền lực và cưỡng chế. Dĩ nhiên, đó là tự nhiên để giả sử rằng những khó khăn này không phải là thừa kế trong bản chất của tự văn minh, nhưng được xác định bởi sự không hoàn hảo trong những hình thức văn hóa mà đã được phát triển. cho đến nay. Và trên thực tế, không phải là khó khăn để chỉ ra những khiếm khuyết này. Trong khi nhân loại đã tạo những tiến bộ liên tục trong sự kiểm soát của nó trên thiên nhiên và có thể mong đợi sẽ còn tạo những tiến bộ còn lớn lao hơn nữa, là điều không có thể thiết lập được một cách chắc chắn rằng một tiến bộ tương tự đã được làm trong việc quản lý những công việc về con người, và có lẽ trong tất cả mọi giai đoạn, cũng như bây giờ lại một lần nữa, nhiều người đã tự hỏi không biết những gì ít ỏi văn minh đã thu tập nên đó, thực sự có đáng giá để bảo vệ chút nào tất cả hay không.

Một người sẽ nghĩ rằng một sự dàn xếp lại những quan hệ của con người nên là có thể có được, vốn sẽ loại bỏ những nguồn gốc của sự bất mãn với văn minh bằng cách từ bỏ sự cưỡng chế và đàn áp những bản năng, do như thế, không bị quấy rầy bởi bất hòa nội bộ, con người có thể cống hiến hết

mình cho việc thu tập của cải thịnh vượng và sự vui hưởng nó. Đó sẽ là thời hoàng kim, nhưng nó là câu hỏi hoài nghi nếu như một tình trạng dường thế về những vấn đề có thể thực hiện được.

Đúng hơn nó có vẻ là tất cả mọi văn minh phải được xây dựng trên sự cưỡng chế và sự từ bỏ bản năng, nó thậm chí không có vẻ chắc chắn rằng nếu như thôi không cưỡng chế, đa số con người sẽ sửa soạn cam kết thực hiện những công việc cần thiết cho sự thu đạt của cải mới. Tôi nghĩ, một người đã tính đến với sự kiện là có hiện diện trong tất cả mọi con người những xu hướng phá hoại, và do đó phản xã hội và phản văn hóa, và điều đó ở trong một số lớn con người những điều này đủ mạnh để xác định hành vi của họ trong xã hội con người.

Sự kiện tâm lý này có một tầm quan trọng quyết định cho phán đoán của chúng ta về văn minh của con người. Trong khi chúng ta có thể thoát đầu nghĩ rằng bản chất của nó nằm trong việc kiểm soát thiên nhiên với mục đích thu hoạch của cải và những nguy hiểm vốn đe dọa nó có thể được loại trừ bằng một sự phân phối phù hợp về tài sản đó giữ con người, bây giờ nó có vẻ như sự nhấn mạnh đã chuyển từ vật chất qua trí não.

Câu hỏi quyết định là liệu có hay không và ở mức độ nào có thể giảm bớt gánh nặng của sự hy sinh bản năng áp đặt trên con người, để hòa giải con người với những gì đó thiết yếu phải còn lại và để cung cấp một bồi thường cho họ. Nó đúng là cũng không thể nào làm mà không có kiểm soát của đám đông [4] bởi một thiểu số, cũng như để miễn trừ với cưỡng chế trong công việc của văn minh.

Đối với quần chúng lười biếng và không thông minh, họ không có tình yêu nào dành cho sự từ bỏ bản năng, và họ không thuyết phục được bởi lý lẽ về sự tất yếu của nó, và những cá nhân bao gồm những bản năng hỗ trợ lẫn nhau trong việc đưa ra sự thả lỏng với tính vô kỷ luật của họ. Nó chỉ là qua ảnh hưởng của những cá nhân là những người có thể thiết lập một thí dụ và người mà đám đông xem như những nhà lãnh đạo của họ rằng họ có thể được cảm ứng để thực hiện những công việc và trải qua những từ bỏ mà trên đó sự tồn tại của văn minh phụ thuộc.

Tất cả là tốt đẹp nếu những nhà lãnh đạo này là những cá nhân họ có được thâm hiểu ở mức tối cao vào những nhu cầu thiết yếu của đời sống và người đã vượt lên đến đỉnh cao của sự làm chủ những khao khát bản năng của chính họ. Nhưng có một nguy cơ là để không làm mất ảnh hưởng của họ, họ có thể nhường cho đại chúng nhiều hơn đám đông nhường cho họ, và do đó nó có vẻ như cần thiết rằng họ phải sẽ độc lập với đại chúng bằng những phương tiện họ tùy nghi sử dụng đi đến quyền lực.

Để nói cho vắn tắt, có hai đặc điểm phổ biến của con người vốn chúng trách nhiệm cho sự kiện là những quy định của văn minh chỉ có thể được duy trì bởi một mức độ nào đó nhất định về cường chế, cụ thể là, con người không ưa thích làm việc và rằng những luận chứng là vô ích nếu chống với những đam mê của họ.

Tôi biết những phản đối vốn sẽ được nêu lên chống lại những khẳng định này. Điều sẽ được nói là cá tính của đám đông nhân loại được miêu tả ở đây, vốn nó giả định đã chứng minh rằng cường chế không thể miễn trừ được trong công việc của văn minh, tự nó chỉ là kết quả của những khiếm khuyết trong những quy định văn hóa, do từ đó con người đã trở nên cảm thấy bức dọc, hay thù oán và không thể tiếp cận.

Những thế hệ mới, những người đã được nuôi lớn trong sự tử tế và dạy dỗ để đánh giá cao về lý trí, và những người đã có kinh nghiệm về những tiện ích của văn minh từ một tuổi rất trẻ, sẽ có một thái độ khác biệt với nó. Họ sẽ cảm thấy nó như là một sở hữu riêng của họ và sẽ sẵn sàng vì lợi ích của nó để làm những hy sinh về phương diện công việc và sự thỏa mãn bản năng vốn là cần thiết cho sự bảo tồn nó. Họ sẽ có thể làm mà không có sự ép buộc và sẽ khác biệt một ít với những nhà lãnh đạo của họ. Nếu như không có văn hóa nào cho đến nay đã sản xuất những đám đông nhân loại có phẩm chất như vậy, đó là vì không văn hóa nào đã nghĩ ra được rồi những quy định vốn sẽ ảnh hưởng con người theo cách này, và đặc biệt từ thời thơ ấu trở đi.

Điều có thể nghi ngờ là không biết có thể có được tất cả chút nào, hoặc dẫu ở bất kỳ tỷ lệ nào hay không, trong ở giai đoạn kiểm soát hiện nay của chúng ta với thiên nhiên, để thiết lập những quy định văn hóa của loại hình này. Nó có thể được hỏi số lượng những người giám sát, không lay chuyển

và vô tư là từ đâu đến để đóng vai những người giáo dục của những thế hệ tương lai, và nó có thể là đáng báo động để nghĩ về số lượng cường chế khổng lồ mà sẽ không thể nào tránh không phải đòi hỏi trước khi những ý định này có thể được đem ra thực hành.

Sự vĩ đại của kế hoạch và tầm quan trọng của nó cho tương lai của văn minh con người là không thể tranh cãi. Nó thì vững chãi dựa trên sự khám phá về tâm lý rằng con người được trang bị với những phân bố bản năng khác loại nhất, chúng có dòng diễn biến cơ bản được xác định bởi những kinh nghiệm của thời thơ ấu. Nhưng bởi cùng một lý do, những giới hạn của khả năng của con người với giáo dục bị giới hạn với sự hữu hiệu của một chuyển đổi như vậy trong văn hóa của nó.

Một người có thể đặt câu hỏi liệu không biết có hay không, và trong mức độ nào, sẽ có thể có được một môi trường văn hóa khác biệt để làm tắt đi [5] hai đặc điểm này của đám đông con người vốn chúng làm cho sự hướng dẫn của công việc của nhân sự rất khó khăn như thế. Dầu thế, thí nghiệm vẫn còn chưa được thực hiện. Có thể là một tỷ lệ phần trăm nhất định của nhân loại (có gốc do một phân bố bệnh lý hoặc một thái quá của sức mạnh bản năng) sẽ luôn luôn phi-xã hội, nhưng nếu nó đã là khả thi chỉ đơn thuần là để làm giảm cái phần đa số thù địch đối với văn minh đó của ngày nay để vào thành một thiểu số, rất nhiều sẽ đã được hoàn thành - có lẽ tất cả chúng có thể được hoàn thành.

Tôi không nên mong tạo ấn tượng rằng tôi đã lạc một chặng đường dài từ cái dòng viết xuống về điều tra của tôi. Thế nên, hãy để tôi đưa ra một bày tỏ bảo đảm rằng tôi đã ít nhất không có một ý định tạo những phán đoán trên thí nghiệm lớn lao trong văn minh hiện nay đang tiến triển trong vùng đất nước rộng lớn trải dài giữa châu Âu và Châu Á [6].

Tôi không có những kiến thức đặc biệt cũng như năng lực để quyết định về tính hữu dụng thực hành của nó, để thử nghiệm tính thiết thực của những phương pháp đã sử dụng, hoặc để đo chiều rộng của khoảng cách không thể tránh khỏi giữa ý định và thực hiện. Những gì là trong chuẩn bị có chưa hoàn thành và do đó tránh khỏi một điều tra vốn với nó văn minh đã củng cố từ lâu của chúng ta riêng có khả năng cho chúng ta vật liệu.

II

Chúng ta đã trượt khỏi lĩnh vực kinh tế vào trong lĩnh vực tâm lý học mà không hay biết. Lúc đầu chúng ta đã bị nhử toan tìm kiếm những tài sản của nền văn minh trong sự giàu có sẵn có và trong những quy định về phân phối của nó. Nhưng với việc nhìn nhận rằng mọi văn minh dựa trên một sự cưỡng bách làm việc và một sự từ bỏ của bản năng, và do đó không thể tránh không kích động sự chống đối từ những người bị tác dụng bởi những yêu cầu này, nó đã trở nên rõ ràng rằng văn minh không thể bao gồm chủ yếu hoặc duy nhất trong tự thân sự giàu có và những phương tiện để thu tập nó và những sắp xếp để phân phối nó; bởi vì những điều này bị đe dọa bởi sự nổi loạn và tính cuồng điên phá hoại của những người can dự trong văn minh.

Song song với sự giàu có, bây giờ chúng ta đến với những phương tiện vốn chúng có thể bảo vệ được văn minh - những biện pháp của cưỡng chế và những biện pháp khác vốn được dự định để hòa giải con người với nó, và để bù đắp cho họ vì những hy sinh của họ. Những điều kể sau này có thể được mô tả như là những tài sản tinh thần của văn minh.

Vì lợi ích của thống nhất về thuật ngữ, chúng ta sẽ mô tả sự kiện một bản năng [7] không được thỏa mãn là một “thất vọng” [8], những quy định mà bởi đó sự thất vọng này được thiết lập như là một “ngăn cấm” [9] và điều kiện vốn được sản xuất bởi sự ngăn cấm như là một “thiếu thốn” [10]. Bước đầu tiên là phân biệt giữa những thiếu thốn có ảnh hưởng đến tất cả mọi người, và những thiếu thốn không ảnh hưởng đến tất cả mọi người, nhưng chỉ với những nhóm, những lớp, hoặc thậm chí những cá nhân đơn lẻ.

Những cái kể trước là sớm nhất, cùng những sự ngăn cấm đã thiết lập chúng, văn minh – ai có thể biết được hàng bao nhiêu nghìn năm xưa trước? đã bắt đầu tách con người khỏi tình trạng động vật nguyên thủy của mình. Chúng ta sẽ tìm thấy với ngạc nhiên của chúng ta là những thiếu thốn vẫn còn tác động và vẫn tạo thành lõi ruột của sự thù địch với văn minh.

Những ước muốn bản năng bị chúng làm tổn hại lại được tái sinh mới nguyên với mỗi đứa trẻ. Có một lớp gồm những người, những kẻ bị nhiễu loạn thần kinh [11], những người đã phản ứng trước những thất vọng này

với hành vi phi xã hội. Trong số những ước muốn bản năng này là loạn luân, ăn thịt người, và dục vọng về giết chóc. Nghe lạ tai khi đặt cạnh nhau những ước muốn vốn tất cả mọi người dường như thống nhất phủ nhận nó, và những ước muốn khác vốn có quá nhiều tranh cãi sôi nổi về chúng trong văn minh của chúng ta về phần không biết chúng sẽ được cho phép hay phải bị thất vọng, nhưng làm như vậy là biện minh được về tâm lý.

Cũng không phải thái độ của văn minh đối với những mong muốn bản năng lâu đời nhất dưới bất kỳ phương thức nào là đồng nhất. Tục ăn thịt người một mình có vẻ là bị cấm phổ quát - và với cái nhìn phi phân tâm học – là đã từng được khắc phục hoàn toàn [12]. Sức mạnh của những ước muốn loạn luân vẫn có thể phát hiện được đằng sau sự cấm đoán đối với nó [13], và trong những điều kiện nhất định nào đó, giết chóc vẫn còn thực hành, và văn minh của chúng ta thực sự ra lệnh đòi hỏi nó. Có thể là những phát triển văn hóa nằm ở trước chúng ta, trong đó những mong muốn khác vốn đã vẫn được thỏa mãn, hoàn toàn được cho phép đến ngày nay, sẽ xuất hiện chỉ như là không thể chấp nhận được nữa, như tục ăn thịt người thời bây giờ.

Những từ bỏ bản năng sớm nhất này đã liên quan rồi đến một yếu tố tâm lý cũng vẫn còn quan trọng cho tất cả những từ bỏ bản năng về sau.

Là không đúng khi nói rằng não thức con người đã không trải qua phát triển nào kể từ những thời đại xưa cổ nhất, và rằng tương phản khác với những tiến bộ của khoa học và kỹ thuật, nó hôm nay cũng là một như nó đã là trong những ngày đầu của lịch sử. Chúng ta có thể chỉ ra ngay lập tức một trong những tiến bộ về tinh thần này. Đó là trong lần hồi giữ tương ứng với quá trình phát triển của con người mà cường chế bên ngoài dần dần thành chủ quan hóa; với một cơ quan não thức đặc biệt, siêu-ngã [14] của con người, chiếm lấy nó và bao gồm nó trong số những giới răn của nó.

Mỗi một đứa trẻ trình bày quá trình chuyển đổi này với chúng ta; chỉ bằng những phương tiện đó mà nó trở thành một sinh vật đạo đức và xã hội. Một sự củng cố cho vững mạnh như vậy của siêu-ngã là một tài sản văn hóa quý giá nhất trong lĩnh vực tâm lý. Những ai ở trong họ, nó đã chiếm chỗ, họ đã được chuyển từ tư cách những đối thủ của văn minh vào thành những phương tiện truyền bá của văn minh.

Con số của họ càng lớn hơn trong một đơn vị văn hóa, văn hóa của nó càng an toàn hơn, và nó càng có thể phân bố với những mức độ cường chế từ bên ngoài. Giờ đây, mức độ của sự chủ quan hóa này khác biệt rất lớn giữa những cảm đoán về bản năng khác loại. Liên quan đến những nhu cầu văn hoá sớm nhất, mà tôi đã đề cập, sự chủ quan hóa xem dường như đã đạt được rất rộng rãi, nếu chúng ta bỏ qua một bên kết toán ngoại lệ không được hoan nghênh của những người bị bệnh rối loạn thần kinh [15].

Nhưng trường hợp có thay đổi khi chúng ta quay sang những yêu sách bản năng khác. Ở đây, chúng ta quan sát với sự ngạc nhiên và lo ngại rằng một đa số của người ta tuân hành những cảm đoán văn hóa về những điểm này chỉ dưới áp lực của cường chế, từ bên ngoài - đó là, chỉ ở nơi vốn cường chế có thể làm tự nó có hiệu quả, và miễn là chừng nào nó là điều làm người ta sợ hãi. Điều này cũng đúng với những gì được gọi là những đòi hỏi luân lý của văn minh, vốn áp dụng cũng vậy với tất cả mọi người.

Hầu hết những kinh nghiệm của một người về sự không đáng tin cậy về luân lý của con người rơi vào phạm trù này. Có vô số không đếm được những người văn minh, những người sẽ giảm thiểu từ giết người hoặc loạn luân, nhưng những người này không phủ nhận sự hài lòng của chính mình trên sự tham lam của họ, những thôi thúc hung hãn của họ, hoặc thèm khát tình dục của họ, và họ không ngần ngại làm tổn thương người khác bằng những gian lận, dối trá và vu khống, miễn là chừng nào họ có thể giữ cho vẫn không bị trừng phạt vì thế, và điều này, không có nghi ngờ gì, đã luôn luôn là như vậy qua nhiều thời đại của văn minh.

Nếu chúng ta hướng đến những hạn chế vốn chúng chỉ áp dụng với những giai cấp nhất định của xã hội, chúng ta gặp một tình trạng của những sự vật vốn chúng là trắng trợn và đã luôn luôn được công nhận. Nó có thể được dự kiến rằng những giai cấp chịu thiệt thòi này sẽ ghen tị với những giai cấp được ưu đãi với những đặc quyền và sẽ làm tất cả những gì họ có thể làm được để tự giải phóng họ khỏi từ đó – sự thặng dư của riêng họ về thiếu thốn. Ở chỗ nào điều này không thể làm được, một mức độ bất mãn thường trực sẽ dai dẳng bên trong nền văn hóa có liên quan và điều này có thể dẫn đến những nổi loạn nguy hiểm.

Tuy nhiên, nếu một nền văn hóa đã không đi quá khỏi một điểm mà ở đó sự hài lòng của một phần của những thành viên của nó phụ thuộc trên sự đàn áp của một phần khác, và có lẽ, phần lớn hơn - và đây là trường hợp của tất cả những nền văn hóa ngày nay - nó là có thể hiểu được rằng những người bị đàn áp nên phát triển một thái độ thù địch dữ dội đối với một nền văn hóa mà sự tồn tại nó họ đã có thể là được tạo dựng bằng lao động của họ, nhưng sự giàu có của nó, họ có một phần chia quá nhỏ trong đó. Trong những điều kiện như vậy sự chủ quan hóa của những điều cấm kỵ văn hóa trong số những người bị đàn áp là không mong gì có được.

Ngược lại, họ đã không được chuẩn bị để thừa nhận những điều cấm kỵ, họ có ý định phá hủy tự thân nền văn hóa, và thậm chí có thể xóa sạch đi những tiên đề mà văn hóa ấy đã dựa trên. Sự thù địch của những giai cấp này với văn minh thì quá hiển nhiên khiến nó đã là nguyên nhân sự thù địch càng tiềm ẩn hơn với những giai tầng xã hội vốn tốt hơn được đem cho để đừng nhìn thấy. Không cần phải nói rằng một văn minh vốn nó để một số quá lớn như thế gồm những thành viên của nó không hài lòng và đẩy họ vào nổi loạn, thì không có cũng không đáng được có triển vọng của một sự tồn tại lâu dài.

Phạm vi tới đó mà những mệnh lệnh giáo huấn của một văn minh đã được chủ quan hóa – diễn tả nó một cách phổ thông và phi tâm lý: mức độ luân lý của những thành viên của nó - thì không phải là hình thức duy nhất của sự giàu có về tinh thần vốn đi vào trong xem xét khi ước đoán giá trị của một văn minh. Có cộng thêm những tài sản của nó trong hình dạng của những lý tưởng và những sáng tạo nghệ thuật - đó là, những thỏa mãn có thể được thu được từ những nguồn này.

Mọi người sẽ là chỉ quá sẵn sàng có khuynh hướng bao gồm trong những tài sản tinh thần của một nền văn hóa những lý tưởng của nó - những ước tính của nó về những thành tích nào là cao nhất là được hầu hết dám đồng hết sức gắng gỏi chạy theo. Thoạt đầu, có vẻ như những lý tưởng ấy nghĩ là sẽ xác định những thành tựu của đơn vị văn hóa, nhưng quá trình thực tế của những sự kiện sẽ xuất hiện được rằng những lý tưởng đã được dựa trên những thành tựu đầu tiên vốn chúng đã được thực hiện được bởi một sự kết

hợp của những quà tặng nội bộ của nền văn hóa và những hoàn cảnh bên ngoài, và rằng những thành tựu đầu tiên này, sau đó được bám lấy bởi lý tưởng như là một cái gì đó được đẩy lên tiến xa hơn.

Sự thỏa mãn mà lý tưởng cung cấp cho những người tham gia trong nền văn hóa, như vậy là có bản chất quá-yêu-chỉ-mình [16], nó dựa trên tự hào của họ trong những gì đã thành công đạt được. Để làm cho sự thỏa mãn này trọn vẹn kêu gọi một sự so sánh với những văn hóa vốn chúng đã nhắm vào những thành tích khác biệt và đã phát triển những lý tưởng khác biệt. Trên sức mạnh của những khác biệt này mỗi văn hóa tuyên đòi được quyền nhìn xuống những văn hóa còn lại. Trong lối này, những lý tưởng văn hóa trở thành một nguồn của bất hòa và thù hận giữa những đơn vị văn hóa khác nhau, như có thể thấy rõ nhất trong trường hợp của những quốc gia.

Sự thỏa mãn mang tính Narcissus được cung cấp bởi lý tưởng văn hóa cũng là một trong những sức mạnh vốn thành công trong việc chống lại sự thù địch với văn hóa ở bên trong đơn vị văn hóa. Sự thỏa mãn này có thể được chia sẻ không chỉ bởi những giai cấp được ưu đãi, được hưởng những lợi ích của văn hóa, mà cũng còn bởi những người chịu phạt bị áp bức, vì quyền khinh miệt người ngoài nhóm đã đền bù cho họ về những sai trái mà họ phải gánh chịu trong đơn vị riêng của họ.

Không ai nghi ngờ là một tiện dân khốn khổ, đã bị quấy nhiễu bởi những khoản nợ chồng chất, và nghĩa vụ quân sự, nhưng để đền bù cho nó, một kẻ là một công dân LaMã, một kẻ được có phần của hảnh trong công việc cai quản những quốc gia khác và ban phát pháp luật cho chúng.

Sự đồng nhất hoá này của những giai cấp bị áp bức với giai cấp cai trị và bóc lột họ, tuy nhiên, chỉ là một phần của một toàn bộ lớn hơn. Bởi vì về một mặt khác, những giai cấp bị áp bức có thể gắn bó một cách xúc cảm với những chủ nhân của họ, bất kể sự thù địch của họ, họ có thể thấy trong những người này những lý tưởng của họ, trừ khi những quan hệ như vậy thuộc về một loại cơ bản được thỏa mãn đã tồn tại, sẽ không thể hiểu được - như thế nào một số văn minh đã tồn tại lâu như vậy bất chấp thái độ thù địch chính đáng của những đám đông lớn rộng con người.

Một thỏa mãn thuộc một loại khác được nghệ thuật đem lại cho những người tham gia trong một đơn vị văn hóa, mặc dù như một quy luật, nó vẫn không thể tiếp cận được với đám đông, những người chìm đắm trong lao động kiệt lực và đã không được hưởng bất kỳ giáo dục cá nhân nào.

Như chúng ta đã khám phá từ trước, lâu rồi [17], nghệ thuật cung cấp những thỏa mãn thay thế cho những sự từ bỏ văn hóa lâu đời nhất và sâu sắc nhất vẫn còn cảm thấy, và vì lý do đó, nó đã phục vụ như là không-gì khác đã làm, để hòa giải một người với những hy sinh mà người ấy đã làm nhân danh văn minh. Một mặt khác, những sáng tạo nghệ thuật nâng cao cảm xúc của người ấy về sự đồng nhất, vốn với nó tất cả mọi đơn vị văn hóa đại diện cho, cần rất nhiều, bằng cách cung cấp một cơ hội để chia sẻ những kinh nghiệm xúc cảm được đnah giá rất cao. Và khi những sáng tạo đó mô tả một cách sinh động những thành tựu của nền văn hóa đặc biệt riêng của người ấy, và mang đến não thức của người ấy những lý tưởng của nó trong một cách gây ấn tượng nguy nga, chúng cũng chăm chóc đến sự thỏa mãn Narcissus của người ấy.

Vẫn còn chưa đề cập đến những gì có lẽ là điều quan trọng nhất trong sự kiểm kê tinh thần của một nền văn minh. Điều này bao gồm trong những ý tưởng tôn giáo của nó trong ý nghĩa rộng rãi nhất – nói một cách khác (sẽ minh chứng sau này) trong những ảo tưởng của nó.

III

Những giá trị đặc biệt của những ý tưởng tôn giáo nằm trong những gì?

Chúng ta đã nói về sự thù địch với văn minh vốn nó được tạo ra từ áp lực mà văn minh vận hành, những sự từ bỏ bản năng mà nó đòi hỏi. Nếu một người tưởng tượng những cấm đoán của nó được nâng bỏ, nếu thế, sau đó, một người có thể lấy bất kỳ một phụ nữ nào người ấy thích như là một đối tượng tình dục, nếu một người có thể không do dự giết chết tình địch để chiếm lòng yêu của người đẹp, hay giết bất cứ ai đứng cản đường của người ấy, cũng vậy, nếu như một người có thể chở đi bất kỳ những tài sản nào của một người khác mà không phải xin phép – tuyệt vời làm sao, thật là một chuỗi những thỏa mãn một đời có thể có được!

Đúng thế, một người nhanh chóng chạm với khó khăn đầu tiên: tất cả mọi người khác ai ai cũng có cùng một mong muốn chính xác như tôi có, và sẽ đối xử với tôi không cần nhắc nhở nhiều hơn tôi đã đối xử với anh ta. Và như vậy, trong thực tế, chỉ có một người là có thể thực hiện được hạnh phúc không hạn chế, bằng cách loại bỏ như thế những hạn chế của văn minh, và người ấy sẽ là một bạo chúa, một nhà độc tài, người đã nắm giữ tất cả những phương tiện đến quyền lực. Và ngay cả ông ta sẽ có mọi lý do để mong rằng những người khác sẽ thực hiện ít nhất một giới răn văn hóa: “người sẽ không giết người”.

Nhưng cuối cùng sau tất cả, thật là vô ơn làm sao, thiên cận làm sao, để phần đầu cho việc huỷ bỏ văn minh! Những gì sẽ còn lại là một trạng thái của tự nhiên, và điều đó sẽ là càng khó hơn để chịu đựng.

Đúng là tự nhiên sẽ không đòi hỏi chúng ta bất kỳ những hạn chế bản năng nào, nó sẽ để mặc chúng ta làm những gì chúng ta thích, nhưng nó có phương pháp hiệu quả đặc biệt của nó về hạn chế chúng ta. Nó phá hủy chúng ta - lạnh lùng, tàn nhẫn, không ngừng, như nó xem ra với chúng ta, và có thể qua chính những sự việc mà thỉnh thoảng làm chúng ta hài lòng. Đã đích xác là chính những nguy hiểm này vốn với chúng mà thiên nhiên đã đe dọa chúng ta, khiến chúng ta đã đến với nhau và tạo ra văn minh, mà vốn nó cũng là, trong số những thứ khác, nhằm mục đích làm cho cuộc sống cộng đồng của chúng ta có thể có được. Đối với những nhiệm vụ chủ yếu của văn minh, lý do tồn tại thực sự của nó, là để bảo vệ chúng ta chống lại thiên nhiên.

Chúng ta đều biết rằng trong nhiều phương cách văn minh đã thực hiện điều này rất tốt rồi, và rõ ràng như thời gian tiếp tục trôi, nó sẽ làm điều đó thêm tốt hơn nhiều. Nhưng không có ai là dưới ảo tưởng rằng thiên nhiên đã được chế ngự, và ít có ai dám hy vọng rằng nó có bao giờ sẽ hoàn toàn bị con người khuất phục. Có những yếu tố, chúng xem dường chế nhạo tất cả kiểm soát của con người: trái đất, nó chấn động và xé nát và chôn vùi tất cả mạng sống con người và những công trình của họ; nước, mà lũ lụt và nhận chìm tất cả mọi thứ trong một hỗn loạn, những cơn bão, cuốn đi tất cả mọi thứ đứng trước chúng; có những bệnh tật, mà chúng chỉ gần đây mới được nhìn

nhận như những tấn công bởi những sinh vật khác, và cuối cùng có bí ẩn đau đớn về cái chết, đã chưa tìm thấy được thuốc nào chống lại nó, và có lẽ cũng sẽ chẳng bao giờ.

Với những sức mạnh này, thiên nhiên trỗi dậy chống chúng ta, hùng vĩ, độc ác và không mủi lòng, nó đem đến nỗi thức chúng ta lại một lần nữa sự yếu đuối và bất lực của chúng ta, vốn chúng ta đã nghĩ rằng đã thoát khỏi qua công trình của văn minh. Một trong số ít những biểu tả hài lòng và đề cao mà nhân loại có thể đem cho là khi, trong đối mặt với một thảm họa thiên nhiên, nó quên đi những bất hoà với văn minh của nó và tất cả những khó khăn nội bộ và những thù hận, và nhớ lại những nhiệm vụ lớn lao chung của sự bảo tồn chính nó chống lại sức mạnh siêu phàm của thiên nhiên.

Đối với cá nhân, cũng thế, đời sống là gánh nặng, đúng như nó là với nhân loại nói chung. Văn minh trong đó anh tham gia áp đặt một số lượng thiếu thốn trên anh ta, và những người khác mang lại cho anh một mức lượng của đau khổ, hoặc là bất kể những giới luật của văn minh của anh, hoặc vì những bất toàn của nó. Cộng thêm vào điều này là những thương tích mà thiên nhiên không thuần hoá - anh gọi nó Số Mệnh – bắt anh phải chịu.

Một người có thể giả định rằng điều kiện này của những sự vật sẽ kết quả trong một trạng thái mong đợi lo lắng thường trực ở anh ta và làm tổn thương trầm trọng đến sự quá-chỉ-yêu-mình tự nhiên của anh. Chúng ta đã biết cá nhân phản ứng như thế nào với những thương tích mà văn minh và những người khác gây ra trên người ấy: anh phát triển một mức độ tương ứng của đối kháng với những quy định của văn minh và thù địch với nó. Nhưng làm thế nào anh bảo vệ mình chống lại những sức mạnh siêu phàm của thiên nhiên, của Số mệnh, vốn chúng đe dọa anh như chúng đe dọa tất cả những người còn lại?

Văn minh cất đi gánh nặng cho anh về công việc này; nó thực hiện điều đó trong cùng một cách giống nhau cho tất cả, và đáng ghi nhận rằng trong điều này gần như tất cả những văn minh hành động như nhau. Văn minh không gọi một ngừng nghỉ trong nhiệm vụ bảo vệ con người chống lại tự nhiên, nó chỉ đơn thuần theo đuổi điều ấy bằng những cách khác. Công việc này là một công việc đa tạp nhất. Vị kỷ của con người bị đe dọa nghiêm trọng, kêu

gọi đến sự an ủi, phải cướp đi những khiếp đảm khỏi cuộc sống và vũ trụ, hơn nữa sự tò mò của anh ta chuyển động, đó là sự thật, bởi sự quan tâm thiết thực mạnh nhất, đòi hỏi một trả lời.

Một số lượng lớn đã đạt được rồi với bước đầu tiên: sự nhân hoá [18] thế giới tự nhiên. Những sức mạnh phi nhân và những định mệnh không thể đến gần được, chúng còn là vĩnh viễn xa vời. Nhưng nếu sức mạnh thiên nhiên có đam mê vốn cuồng nộ như chúng xảy ra trong tâm hồn của chúng ta, nếu tự thân cái chết không phải là một điều gì đó đột phát ngẫu nhiên, nhưng là hành động tàn bạo của một Ý chí độc ác, nếu ở khắp mọi nơi trong tự nhiên có những Sinh-linh xung quanh chúng ta, thuộc loại mà chúng ta biết trong xã hội riêng của chúng ta, thì sau đó chúng ta có thể hít thở tự do, có thể cảm thấy an ổn như ở nhà trong sự kỳ lạ, huyền bí và có thể giải quyết sự lo lắng vô nghĩa của chúng ta bằng những phương tiện thuộc về tinh thần.

Chúng ta vẫn còn là không có khả năng tự vệ, có lẽ, nhưng chúng ta không còn bị tê liệt một cách bất lực, ít nhất chúng ta có thể phản ứng. Có lẽ, quả thật vậy, chúng ta thậm chí không là không có khả năng tự vệ. Chúng ta có thể áp dụng cùng những phương pháp chống lại những siêu nhân bạo hành bên ngoài, giống như chúng ta đã sử dụng trong xã hội của chúng ta riêng, chúng ta có thể cố gắng cầu khẩn họ, dỗ dành họ, để hối lộ họ, và do ảnh hưởng đến họ như thế, chúng ta có thể tước đi một phần sức mạnh của họ. Một thay thế như thế này của khoa học tự nhiên bằng tâm lý học không chỉ đem cho cứu trợ ngay lập tức, nhưng cũng chỉ ra cách để làm chủ xa hơn nữa đối với tình thế.

Bởi tình thế này không có gì mới. Nó có một mẫu thức trẻ con, từ đó nó là chỉ sự tiếp tục trong thực tế. Bởi một lần trước đó một người đã tìm thấy chính mình trong một tình trạng bất lực tương tự: khi là một đứa trẻ nhỏ, trong quan hệ với cha mẹ của người ấy. Một người có lý do để sợ hãi họ, và đặc biệt là cha của mình, và tuy thế một người đã chắc chắn về sự bảo vệ của ông này chống lại những nguy hiểm người ấy đã biết. Thế nên, nó đã là tự nhiên để đồng hóa hai tình huống. Ở đây, cũng vậy, ước muốn đã đóng vai trò của nó, như nó đóng trong đời sống-mơ ước.

Người nằm ngủ có thể bị thất kinh với một linh cảm về cái chết, vốn nó đe dọa đặt anh ta vào trong mộ. Nhưng sự đổi-mộng [19] biết làm thế nào để lựa chọn một điều kiện nó sẽ thậm chí chuyển biến cố hải hùng đó thành ra một sự hoàn thành ước muốn: người nằm mơ nhìn thấy mình trong một ngôi mộ cổ Etruscan mà ông đã trèo xuống vào trong, vui sướng tìm thấy những thích thú về khảo cổ được thỏa mãn [20].

Theo cùng một cách, một người làm những sức mạnh của tự nhiên không chỉ đơn giản trở thành những người mà với họ ông ta có thể liên kết như anh ta có thể với những đồng đẳng của mình – làm như thế sẽ không công bằng với những ấn tượng áp đảo quá mạnh vốn những sức mạnh ấy tác động trên anh ta - nhưng anh ta đem cho chúng cá tính của một người cha. Ông chuyển chúng thành ra những Gót, đi theo lối này, như tôi đã cố gắng để cho thấy [21] không chỉ là một mẫu thức trẻ con, nhưng là một mẫu thức loại phát sinh [22].

Trong quá trình thời gian, những quan sát đầu tiên được làm bằng sự đều đặn và phù hợp với luật trong những hiện tượng tự nhiên, và với điều này, những lực lượng của tự nhiên bị mất những dấu vết con người của chúng. Nhưng sự bất lực của con người vẫn còn và cùng với nó là sự khát khao của con người về người cha của mình, và những Gót. Những Gót còn giữ nhiệm vụ gồm ba lớp của họ: họ phải “trừ tà trục quỷ” [23] những khủng khiếp của thiên nhiên, họ phải hòa giải con người với tàn nhẫn của Số phận, đặc biệt như khi nó được cho thấy trong cái chết, và họ phải đền bù cho những đau khổ và thiếu thốn vốn một đời sống văn minh nói chung đã áp đặt lên trên con người.

Nhưng ở trong những chức năng này có một dần dần chuyển dịch [24] sắc thái. Đã quan sát thấy được rằng những hiện tượng tự nhiên phát triển tự động theo những nhu cầu nội bộ. Không nghi ngờ gì, những Gót đã là những chúa tể của thiên nhiên, họ đã sắp xếp nó là như nó đã là và bây giờ họ có thể để mặc nó lại với chính nó. Chỉ thỉnh thoảng, trong những gì được biết là những “phép lạ” [25], họ đã can thiệp vào quá trình của nó, như thế để làm cho minh bạch rằng họ đã không có từ bỏ chút-gì từ lĩnh vực quyền lực của họ có ban đầu.

Về phương diện phân bố những định mệnh, một nghi ngờ khó chịu đã tồn tại rằng phức tạp khó hiểu và sự bất lực của loài người không thể chữa chạy được. Đó đã là chỗ này mà những Gót đã vừa nhất để bị xem là thất bại. Nếu tự chính họ đã tạo ra Số phận, sau đó những khuyên giúp của họ phải được coi là rất khó hiểu. Khái niệm đã xuất hiện đầu tiên ở chân trời với những giống dân tài năng nhất của thời cổ rằng Moira [Số phận] đứng trên những Gót, và rằng những Gót chính họ có những số phận riêng của họ.

Và thiên nhiên càng trở nên tự trị nhiều hơn và những Gót đã càng trở thành rút ra khỏi nó, tất cả những kỳ vọng đã càng tha thiết hướng đến chức năng thứ ba của những Gót – đạo đức đã trở thành lĩnh vực thực sự của họ càng nhiều hơn [26]. Bây giờ đã trở thành nhiệm vụ của những Gót để làm cho ngang bằng tất cả những khiếm khuyết và những tệ nạn của văn minh, để can dự vào những khổ đau mà con người gây ral lẫn cho nhau trong cuộc sống cùng với nhau của họ, và để canh chừng trên việc thực hiện những giới luật của văn minh, mà con người tuân theo hết sức cầu thả, bất toàn. Những giới luật đó tự thân chúng đã được gán cho một nguồn gốc thần thánh [27], chúng được nâng lên cao hơn xã hội loài người và đã được mở rộng ra với thiên nhiên và vũ trụ.

Và như vậy, một kho hàng của những ý tưởng được tạo ra, sinh ra từ nhu cầu của con người để làm cho bất lực của mình có thể chịu được và xây dựng từ những vật liệu của những kỷ niệm của tuổi thơ bất lực của chính mình, và thời thơ ấu của loài người [28]. Nó rõ ràng có thể thấy rằng việc sở hữu của những ý tưởng bảo vệ anh ta trong hai hướng - chống lại những nguy hiểm của thiên nhiên và Số phận, và chống lại những bất công, thương tổn vốn đe dọa anh ta từ chính xã hội nhân loại.

Đây là thực tính [29] của vấn đề. Đời sống trong thế giới này phục vụ một mục đích cao hơn, không nghi ngờ gì, không phải là dễ dàng để đoán biết mục đích ấy là gì, nhưng chắc chắn nó có nghĩa là hoàn thiện bản chất của con người. Nó có lẽ là một phần tinh thần của con người, linh hồn, mà trong quá trình thời gian đã quá chậm chạp và miễn cưỡng tự tách ra khỏi thể xác, đó là đối tượng của sự nâng cao này và sự thăng vút cao.

Tất cả mọi việc xảy ra trong thế giới này là một biểu hiện của những ý định của một trí thông minh vượt trội hơn so với chúng ta, mà cuối cùng, mặc dù những cách thức và những nẻo đường của nó là khó theo dõi, truyền lệnh đặt để tất cả mọi sự việc vào trong toàn hảo nhất - đó là, để làm cho chúng thành thú vị với chúng ta. Trên mỗi chúng ta có một Gót-bảo-bọc [30] nhân từ mà chỉ có vẻ nghiêm nghị và sẽ không để chúng ta bị trở thành một đồ chơi của những lực lượng thiên nhiên quá hùng mạnh và tàn nhẫn.

Cái Chết tự nó không là một dập tắt, chấm hết, không phải là một trở về với (thế giới) vô cơ không sự sống, nhưng bắt đầu của một loại hiện hữu mới, nó nằm trên con đường phát triển đến một cái gì đó cao hơn.

Và, nhìn theo một hướng khác, cái nhìn này thông báo rằng cùng những luật đạo đức mà những văn minh của chúng ta đã thành lập, chúng cũng chi phối toàn bộ vũ trụ, ngoại trừ việc chúng được duy trì bởi một tòa án tối cao của công lý nhiều sức mạnh hơn và nhất quán hơn không thể nào so sánh được. Đến tận cùng, tất cả tốt lành được khen thưởng và tất cả ác độc bị trừng phạt, nếu không thực sự trong hình thức này của sự sống, vậy thì là sau đó trong những kiếp bắt đầu sau cái chết. Bằng cách này, tất cả những khiếm hãi, những thống khổ và những nhọc nhằn của đời sống được trừ tính xóa cho sạch, thành tiêu ma.

Cuộc sống sau khi chết, vốn vẫn tiếp tục như cuộc sống trên trái đất, giống đúng như phần vô hình của quang phổ tham gia vào phần nhìn thấy được, mang đến cho chúng ta tất cả sự hoàn hảo mà chúng ta có lẽ có thể đã bị thiếu sót ở đây trên trái đất.

Và sự khôn ngoan tối thượng vốn nó điều khiển tiến trình này của những sự vật, sự tốt lành vô hạn mà nó thể hiện tự thân ở trong đó, công lý mà đạt được mục tiêu của nó trong đó – những điều này là những thuộc tính của những hữu thể linh thiêng vốn cũng tạo ra chúng ta và thế giới như một toàn bộ, hay đúng hơn, của chỉ một hữu thể linh thiêng, trong văn minh của chúng ta, vốn tất cả những Gót cổ xưa đã được cô đọng vào trong đó.

Dân tộc đầu tiên đã thành công trong sự tập trung cô đọng những thuộc tính của Gót đó, không phải là không có một chút tự hào về sự tiến bộ. Nó đã đặt mở ra để thấy người cha vốn đã được ấn dấu đằng sau tất cả mỗi thần thánh

linh thiêng như là hạt nhân của nó. Về cơ bản đây là một sự trở lại sự khởi đầu lịch sử của những ý tưởng về Gót. Bây giờ Gót là một nhân vị duy nhất, quan hệ của con người với ông ta có thể khôi phục lại sự thân mật và cường độ của mối quan hệ của trẻ con với cha của mình.

Nhưng nếu một người đã làm quá nhiều cho cha của mình, người ấy muốn có một phần thưởng, hoặc ít nhất là đưa con yêu quý duy nhất của ông ta, đám Con dân được Lựa chọn của ông [31]. Rất muộn về sau này, những người Mỹ ngoan đạo tuyên bố quyền để được là “Quốc gia riêng của Gót”, và, đối với phương diện về một trong những hình dạng, trong đó con người tôn thờ những thần linh, tuyên bố (này) chắc chắn là hợp lệ [32].

Những ý tưởng tôn giáo đã được tóm tắt ở trên, dĩ nhiên đã thông qua một quá trình phát triển lâu dài, và đã được dính chặt với những giai đoạn khác nhau của những văn minh khác nhau. Tôi đã chỉ tách ra lấy một giai đoạn loại giống như vậy, vốn nó gần tương ứng với những hình thức cuối cùng được văn minh da trắng Kitô giáo của chúng ta hiện nay thể hiện. Nó rất dễ dàng để thấy rằng không phải tất cả những phần của bức tranh này đếm kiểm cộng trừ lại đều tốt như nhau, với lẫn nhau, rằng không phải tất cả những câu hỏi thúc dục một câu trả lời đã nhận được một trả lời, và rằng đó là khó khăn để loại bỏ sự mâu thuẫn từ kinh nghiệm hàng ngày.

Tuy nhiên, như đang có chúng đây, những ý tưởng đã nói đó - những ý tưởng vốn đó là tôn giáo theo nghĩa rộng nhất - đã được đánh giá cao như là sở hữu quý giá nhất của văn minh, như là điều quý giá nhất nó cung cấp cho những kẻ tham gia vào nó. Nó được đánh giá cao thêm rất nhiều hơn tất cả những dụng cụ để chiến thắng được của cải quý giá từ trái đất, hay cung cấp dinh dưỡng cho con người, hoặc phòng ngừa bệnh tật cho họ, và vv.

Mọi người cảm thấy rằng cuộc sống sẽ không thể chịu đựng được nếu họ không gắn với những ý tưởng này giá trị vốn được tuyên xưng cho chúng. Và bây giờ câu hỏi đặt ra: những ý tưởng này trong ánh sáng của tâm lý học là gì? Từ đâu chúng lấy được sự đề cao, trong đó chúng được giữ? Và, để có một bước rụt rè xa hơn, có giá trị thực sự của chúng là gì?

IV

Một điều tra sẽ tiến hành như một độc thoại, không bị gián đoạn, thì không phải là hoàn toàn tránh khỏi nguy hiểm. Một người bị cám dỗ quá dễ dàng vào việc đẩy sang một bên những suy nghĩ đe dọa đột nhập vào phá vỡ nó, và để đổi lại một người bị bỏ lại với một cảm giác của không chắc chắn mà cuối cùng một người cố gắng giữ nó yên xuống bằng sự quá-quyết đoán. Do đó tôi sẽ tưởng tượng rằng tôi có một đối thủ là người theo sau những luận chứng của tôi với lòng không tin, và rải rác chỗ này chỗ kia, tôi sẽ để ông ta xen vào một số nhận xét [33].

Tôi nghe ông ta nói: ‘Bạn đã sử dụng lặp lại nhiều lần những diễn tả “văn minh tạo ra những ý tưởng tôn giáo này”, “văn minh đặt chúng vào sự phân bố của những người tham gia của nó”. Có một điều gì đó về điều này có vẻ lạ lùng với tôi. Tự tôi không thể nói lý do tại sao, nhưng nghe ra không tự nhiên như khi nói rằng văn minh đã tạo những luật lệ về phân phối những sản phẩm lao động, về những quyền liên quan đến phụ nữ và trẻ em’.

Tất cả đều giống nhau, tôi nghĩ rằng tôi có lý do chính đáng để tự mình diễn tả theo cách này. Tôi đã cố gắng để cho thấy rằng những ý tưởng tôn giáo đã nổi lên từ cùng nhu cầu giống như tất cả những thành tựu khác của văn minh có: từ sự cần thiết bảo vệ mình chống lại những sức mạnh nghiền nát tối cao của thiên nhiên. Một động cơ thứ hai đã được thêm vào với điều này – dục già để khắc phục những thiếu sót của văn minh vốn làm chính họ cảm thấy một cách đau đớn.

Hơn nữa, nó đặc biệt thích đáng để nói văn minh đem cho cá nhân những ý tưởng này, bởi vì ông tìm thấy chúng đã ở đó rồi, chúng được làm-sẵn đem trình bày với ông ta, và ông sẽ không có khả năng khám phá ra chúng cho chính mình. Những gì ông đang đi vào là di sản của nhiều những thế hệ, và ông nhận lấy chủ quyền về nó cũng như ông nhận với những bảng nhân, với hình học, và những thứ tương tự.

Thực sự có một sự khác biệt trong chuyện này, nhưng sự khác biệt nằm ở nơi nào khác và tôi chưa có thì giờ xem xét. Cảm giác lạ mà bạn đề cập đến có thể là một phần do sự kiện rằng khối lượng của những ý tưởng tôn giáo này thường được đưa ra như một sự mặc khải thần linh [34]. Nhưng sự trình bày này của nó là tự thân nó là một phần của hệ thống tôn giáo, và nó hoàn

toàn bộ qua sự phát triển lịch sử được biết của những ý tưởng này và những khác biệt của chúng trong những kỷ nguyên và văn minh khác nhau.

‘Đây là một điểm, mà dường như với tôi là quan trọng hơn. Bạn cho rằng sự nhân hóa thiên nhiên có nguồn gốc từ sự cần thiết phải chấm dứt sự khó hiểu lúng túng và sự bất lực của con người khi đối mặt với những sức mạnh đáng sợ của nó, để thành được một mối quan hệ với chúng, và cuối cùng là ảnh hưởng đến chúng. Tuy nhiên, một động cơ loại này có vẻ như quá dư thừa. Con người nguyên thủy không có lựa chọn, hẳn không có cách suy nghĩ nào khác.

Nó là tự nhiên với anh ta, một cái gì đó bẩm sinh, như nó đã là, để phóng chiếu sự hiện hữu của mình ra ngoài, vào trong thế giới, và coi tất cả mọi biến cố mà anh quan sát thấy như là sự biểu hiện của những sinh vật ở dưới đáy giống như tự thân anh ta. Nó là phương pháp duy nhất để anh ta có thể hiểu được. Và nó không là hiển nhiên chút nào tất cả, ngược lại là đáng khác, nó là một sự trùng hợp hết sức đáng chú ý, nếu như vậy thỏa mãn tính khí tự nhiên của mình, hẳn thành công trong việc đáp ứng một nhu cầu lớn nhất của hẳn’.

Tôi không thấy điều đó là quá đáng. Có phải bạn giả định rằng suy nghĩ của con người không có những động cơ thực tiễn, rằng nó chỉ đơn giản là biểu hiện của một sự tò mò vô tư? Điều đó chắc chắn là rất khó xảy ra. Tôi tin rằng đúng hơn là khi con người nhân cách hóa những sức mạnh thiên nhiên, anh ta một lần nữa theo sau một mẫu thức trẻ con. Anh đã học được từ những người trong môi trường sớm nhất của anh rằng cách để ảnh hưởng đến chúng là thiết lập một mối quan hệ với chúng, và vì thế, sau này, với cùng một cứu cánh trong cái nhìn, anh ta đối xử với tất cả mọi thứ khác mà anh gặp trên đường trong cùng một cách như anh đối xử với những người đó.

Thế nên, tôi không mâu thuẫn với quan sát mô tả của bạn, nó là trong sự kiện tự nhiên với con người để nhân cách hóa tất cả mọi thứ mà anh ta muốn hiểu ngõ hầu sau đó để kiểm soát chúng (làm chủ về tinh thần như là một chuẩn bị cho làm chủ về vật lý), nhưng tôi cung cấp thêm một động lực và một nguồn gốc cho sự đặc biệt này của tư duy con người.

‘Và bây giờ tuy nhiên ở đây có một điểm thứ ba nữa. Bạn đã bàn bạc với nguồn gốc của tôn giáo đã một lần trước đây, trong Totem và Taboo [1912-1913] của bạn [35]. Nhưng ở đây, nó đã xuất hiện dưới một ánh sáng khác biệt. Tất cả mọi thứ đã là quan hệ cha-con. Gót đã là người cha cao vời, và hoài mong về người cha đã là gốc rễ của nhu cầu về tôn giáo [36]. Kể từ sau đó, có vẻ như, bạn đã khám phá ra những yếu tố của sự yếu đuối và bất lực của con người, mà thực sự vai trò chính trong sự hình thành của tôn giáo nói chung được giao cho chúng, và bây giờ bạn chuyển vị tất cả những gì vốn một lần từng là mặc cảm về người cha vào những điều khoản của sự bất lực. Tôi có thể hỏi bạn giải thích sự chuyển đổi này?’.

Với thích thú. Tôi chỉ đương chờ lời mời này. Nhưng là nó thực sự là một chuyển đổi hay không? Trong Totem và Taboo, không phải là mục đích của tôi để giải thích về nguồn gốc của những tôn giáo nhưng chỉ về tục thờ vật tổ [37]. Bạn có thể nào, từ bất kỳ những quan điểm được biết đến với bạn, giải thích sự kiện là hình dạng đầu tiên mà trong đó thần linh bảo vệ tự phơi mở bản thân cho con người thấy sẽ là của một con vật, rằng có một sự ngăn cấm giết và ăn thịt con vật này và ấy thế mà vẫn có tập quán trang nghiêm là cả cộng đồng giết và ăn nó cứ mỗi năm một lần? Điều này là chính xác là những gì xảy ra trong totemism.

Và khó mà dẫn đến đâu để tranh luận về việc liệu totemism nên được gọi là một tôn giáo hay không. Nó có những nối kết mật thiết với những tôn giáo thờ Gót muộn hơn về sau. Những con vật totem trở thành những con vật thiêng liêng của những vị Gót, và sớm nhất, nhưng cơ bản nhất về hạn chế đạo đức, - những điều cấm đối với tội giết người và tội loạn luân, bắt nguồn từ totemism. Dù bạn có hoặc không chấp nhận những kết luận của Totem và Taboo, tôi hy vọng bạn sẽ thừa nhận rằng một số những sự kiện không kết nối với nhau, rất đáng chú ý, được đem lại cùng với nhau trong nó, thành một toàn bộ phù hợp nhất quán.

Câu hỏi về tại sao trong lâu dài, Gót thú vật đã không đủ thoả mãn, và đã được thay thế bởi một con người, là hầu như đã không đề cập đến chút nào trong Totem và Taboo, và những vấn đề khác liên quan đến sự hình thành của tôn giáo đã không được nhắc nhở gì trong cuốn sách cả. Bạn có xem là

một hạn chế thuộc loại như thế như là điều tương tự với sự từ chối hay không?

Công việc của tôi là một thí dụ tốt về sự cô lập nghiêm ngặt của những đóng góp cụ thể mà thảo luận phân tích tâm lý có thể làm được cho giải pháp của vấn đề tôn giáo. Nếu bây giờ, tôi đang cố gắng cộng thêm một phần khác, cái phần ít ấn dấu sâu kín hơn, bạn không nên buộc tội tôi là tự mình mâu thuẫn, cũng đúng như trước đã buộc tội tôi là thiên vị một chiều. Đó là, tất nhiên, nhiệm vụ của tôi chỉ ra những liên kết kết nối giữa những gì tôi đã nói trước đó và những gì tôi đưa ra bây giờ, giữa cái sâu xa hơn và những động cơ hiển lộ, giữa mặc cảm về người cha và sự bất lực và nhu cầu cần được bảo vệ của một người.

Những kết nối này không khó tìm. Chúng bao gồm trong quan hệ của sự bất lực của đứa trẻ với sự bất lực của con người trưởng thành vốn là tiếp tục của đứa trẻ. Vì vậy mà, như đã được dự kiến, những động cơ cho sự hình thành của tôn giáo mà phân tích tâm lý phơi mở cho thấy bây giờ bật ra cùng là một như giống như sự đóng góp ấu trĩ thuộc trẻ con với những động cơ hiển lộ. Chúng ta hãy cùng chuyển chính chúng ta vào trong đời sống tinh thần của một đứa trẻ. Bạn có nhớ những sự lựa chọn của những đối tượng theo kiểu anaclitic [đính kèm], trong đó phân tích tâm lý nói về? [38].

Libido [39] ở đó đi theo những đường của những nhu cầu có tính quá-chỉ-yêu-mình và tự gắn nó với những đối tượng đảm bảo sự hài lòng của những nhu cầu đó. Bằng cách này, người mẹ, người thỏa mãn cơn đói của đứa trẻ, trở thành đối tượng-yêu thương đầu tiên của nó, và chắc chắn cũng là sự bảo vệ đầu tiên cho nó chống lại tất cả những nguy hiểm chưa được xác định vốn chúng có cơ đe dọa nó trong thế giới bên ngoài - sự bảo vệ đầu tiên cho nó chống lại sự khắc khoải lo lắng, chúng ta có thể nói.

Trong chức năng này [về bảo vệ] người mẹ được sớm thay thế bởi người cha mạnh mẽ hơn, người sẽ giữ vị trí đó cho phần còn lại của tuổi thơ. Nhưng thái độ của đứa trẻ với cha của nó thì nhuộm màu của một mâu thuẫn yêu lẫn ghét đặc biệt. Tự thân người cha tạo dựng nên một mối nguy hiểm cho đứa trẻ, có lẽ vì mối quan hệ trước đó của nó với người mẹ của nó. Thế nên, nó sợ ông không ít hơn nó mong ngóng ông ta và ngưỡng mộ ông ta. Những

dấu hiệu của sự mâu thuẫn của vừa yêu, vừa ghét này trong thái độ với người cha đã in dấu sâu đậm trong mọi tôn giáo, như đã được cho thấy trong Totem và Taboo.

Khi cá nhân tưởng thành lớn dậy tìm thấy rằng anh ta bị định mệnh giữ mãi mãi là một đứa trẻ, rằng anh ta không bao giờ có thể làm gì mà không có sự bảo vệ chống lại những sức mạnh tối cao xa lạ, anh ta đem cho những sức mạnh đó mượn những nét đặc trưng thuộc về hành ảnh người cha của mình, anh tạo ra cho chính mình những Gót vốn anh khiếp sợ, vốn anh tìm cách thân thiện làm lành, và tuy nhiên là kẻ vốn anh uỷ thác cho sự bảo vệ chính mình.

Như thế, mong mỏi của anh về một người cha là một động cơ đồng nhất với nhu cầu của anh về sự bảo vệ chống lại những hậu quả của sự yếu đuối của con người của anh ta. Việc bảo vệ chống lại bất lực trẻ con là những gì đem những đặc trưng cho vay của nó với phản ứng của người lớn với sự bất lực mà ông đã phải thừa nhận - một phản ứng vốn một cách chính xác nó là sự hình thành của tôn giáo. Nhưng không phải là ý định của tôi để thăm dò xa thêm nữa về ý tưởng về Gót, những gì chúng ta quan tâm ở đây là khối lượng đã hoàn thành của những ý tưởng tôn giáo như là nó được văn minh truyền đi đến từng cá nhân.

V

Bây giờ chúng ta hãy cùng tiếp nối dòng mạch của cuộc điều tra của chúng ta [40]. Vậy ý nghĩa tâm lý của những ý tưởng tôn giáo là gì, và chúng ta có thể phân loại chúng dưới những tiêu đề nào? Câu hỏi không phải là dễ dàng để trả lời ngay lập tức. Sau khi từ chối một số công thức, chúng ta sẽ lấy chỗ đứng của chúng ta trên một điều sau đây.

Những ý tưởng tôn giáo là những giảng dạy và những khẳng định về sự kiện và điều kiện thực tại bên ngoài (hoặc bên trong) vốn chúng bảo cho một người một điều gì đó người ấy đã không tự tìm ra được cho chính mình và chúng đưa ra tuyên đòi một người phải tin. Bởi vì chúng cung cấp cho chúng ta thông tin về những gì là quan trọng nhất và đáng chú ý nhất với chúng ta trong đời sống, chúng được đánh giá cao đặc biệt. Bất cứ một ai

không biết gì về chúng là rất chẳng-biết-gì-cả, và bất cứ ai là người thêm chúng vào kiến thức của mình có thể tự xem là người giàu có hơn nhiều.

Dĩ nhiên, trong thế giới có nhiều những giảng dạy như vậy về những điều khác loại nhất. Chúng có đầy ở mỗi bài dạy trong trường học. Chúng ta hãy lấy môn địa lý. Chúng ta được cho biết rằng thị trấn Constance nằm trên hồ Bodensee [41]. Một bài hát của học sinh cho biết thêm “nếu bạn không tin điều đó, đến mà xem”. Xảy ra cho tôi là đã có dịp từng ở đó, và tôi có thể xác nhận sự kiện rằng thị trấn xinh xắn đó nằm trên bờ của một vùng nước trải dài rộng, mà tất cả những người sống quanh nó gọi là Bodensee; và bây giờ tôi hoàn toàn được thuyết phục về tính chính xác của khẳng định địa lý này.

Trong kết nối này, nhắc nhở tôi về một kinh nghiệm khác, rất đáng chú ý. Tôi đã là một người luống tuổi, khi tôi đã lần đầu tiên đứng trên đồi Acropolis ở Athens, giữa những di tích của đền thờ, nhìn ra trên biển xa màu xanh. Một cảm giác ngạc nhiên trộn lẫn với niềm vui của tôi. Nó dường như muốn nói: “Như thế là thực đúng thực, đúng như chúng ta đã được học trong trường!” Phải đã là nông cạn và yếu đuối biết bao sự tin tưởng của tôi lúc đó vào sự thật từ những gì tôi được nghe, nếu tôi bây giờ có thể ngạc nhiên được như vậy! Nhưng tôi sẽ không nhấn mạnh quá nhiều vào ý nghĩa của kinh nghiệm này, vì sự ngạc nhiên của tôi đã có thể đã có một giải thích khác, vốn nó đã không xảy ra với tôi vào thời điểm đó, và nó thuộc về một bản chất chủ quan hoàn toàn và nó đã có dính líu với tính chất đặc biệt của địa điểm [42].

Tất cả những giảng dạy như thế này, sau đó, đòi hỏi niềm tin vào những nội dung của chúng, nhưng không phải không có căn cứ cho những tuyên đòi của chúng. Chúng được đưa ra như là kết quả cô đọng của một quá trình suy tưởng lâu dài dựa trên quan sát, và chắc chắn cũng trên những suy luận. Nếu bất cứ ai muốn tự mình đi qua quá trình này, thay vì chấp nhận kết quả của nó, họ chỉ cho anh ta thấy làm thế nào để bắt đầu về nó.

Hơn nữa, nguồn gốc của kiến thức truyền đạt từ họ, thêm nữa, luôn luôn được đem cho chúng ta, chỗ nào mà nguồn đó không phải là hiển nhiên, như là trong trường hợp những khẳng định về địa lý. Thí dụ, trái đất có hình

dáng như một hình cầu, những chứng cứ viện dẫn cho việc này là thí nghiệm con lắc Foucault [43], trạng thái của đường chân trời và khả năng có thể đi vòng quanh trái đất. Vì nó là không thể thực hiện, như tất cả mọi người quan tâm nhận ra, để gửi tất cả từng học sinh lên một chuyến đi vòng quanh thế giới, chúng ta hài lòng với sự để cho những gì được giảng dạy trong trường được chấp nhận với sự tin cậy, nhưng chúng ta biết rằng con đường để có được một niềm tin cá nhân vẫn mở rộng đó.

Chúng ta hãy cùng cố gắng áp dụng những thử nghiệm cùng với những giáo lý của tôn giáo. Khi chúng ta hỏi những tuyên xưng của họ để tin tưởng đã được thành lập trên những gì, chúng ta được đáp ứng với ba câu trả lời, đáng chú ý là chúng đã hài hòa với nhau rất tệ hại.

Thứ nhất, những giáo lý này xứng đáng được tin tưởng bởi vì chúng đã được tổ tiên nguyên thủy của chúng ta tin tưởng; thứ hai, chúng ta sở hữu những bằng chứng vốn chúng đã được truyền lại cho đến chúng ta từ cùng một thời nguyên thủy ấy; và thứ ba, cấm tuyệt không được phép nêu lên câu hỏi về giá trị xác thực của chúng gì hết tất cả. Trong những thời trước đây, bất cứ gì quá tự tin như thế đã được những hình phạt khốc hại đến thăm, và thậm chí xã hội ngày nay nhìn tránh đi qua một bên, trước bất kỳ nỗ lực nào những câu hỏi lại được nêu lên một lần nữa.

Điểm thứ ba này cam đoan gây ra nghi ngờ của chúng ta mạnh nhất. Sau cùng, một cấm đoán giống như thế này chỉ có thể được một lý do – rằng xã hội ý thức rất rõ về sự bất trắc của những tuyên xưng nó đã đòi hỏi với tư cách đại diện cho những lý thuyết tôn giáo của nó. Nếu không thế, chắc chắn nó sẽ rất sẵn sàng đặt những dữ liệu cần thiết vào tay bất cứ ai là người muốn đi đến xác tín. Điều này đã là như vậy, nên có một cảm giác không tin tưởng vốn thật khó lắng xuống khi chúng ta bước qua xem xét hai cơ sở bằng chứng khác.

Chúng ta phải tin bởi vì ông cha [44] của chúng ta đã tin tưởng. Nhưng những tổ tiên này của chúng ta đã có hiểu-biết lại còn ít hơn rất nhiều so với chúng ta. Họ đã tin vào những điều ngày nay chúng ta có thể không thể nào chấp nhận; và có khả năng xảy ra với chúng ta rằng những giáo lý tôn giáo có thể cũng thuộc về loại đó. Họ đã để lại cho chúng ta những bằng chứng

chép xuống trong những văn bản vốn chúng phải in nặng mọi dấu hiệu của sự không đáng tin cậy.

Chúng có đầy rẫy những mâu thuẫn, những sửa đổi và giả tạo, xuyên tạc, và chỗ nào chúng nói đến xác nhận những sự kiện, những sự kiện là không chứng thực được. Không có giúp được gì nhiều cho lắm để có khẳng định rằng những lời những chữ của chúng, hoặc thậm chí chỉ kể nội dung của chúng, là bắt nguồn từ sự mặc khải linh thiêng của Gót, vì sự khẳng định này tự bản thân nó là một trong những giáo lý đang được kiểm tra tính xác thực, và không có tuyên bố nào lại có thể là một bằng chứng của chính nó.

Thế nên, chúng ta đi đến duy chỉ một kết luận là tất cả thông tin được những tài sản văn hóa của chúng ta cung cấp, nó đích xác là những yếu tố vốn chúng có thể có tầm quan trọng lớn lao nhất đối với chúng ta và nó có công việc giải quyết những câu đố khúc mắc bí hiểm của vũ trụ, và của hoà giải chúng ta với những đau khổ của đời sống - nó đích xác là những yếu tố này vốn chúng nếu như có một giá trị xác thực nào thì chúng là có ít nhất. Chúng ta không có thể nào đẩy chúng ta tới chấp nhận ngay cả bất cứ điều gì dù điều ấy có ít quan tâm với chúng ta đến bao nhiêu đi nữa, như sự kiện cá voi sinh con thay vì sinh trứng, nếu như điều này đã không có khả năng có chứng minh tốt hơn thế.

Tình trạng này của sự việc trong tự thân nó là một vấn đề tâm lý rất đáng chú ý. Và hãy đừng để cho một ai nghĩ rằng những gì tôi đã nói về việc sự không thể nào chứng minh cho được sự thật của giáo lý tôn giáo chứa đựng bất cứ một điều gì mới mẻ. Nó đã được cảm nhận ở tất cả mọi thời - chắc chắn, cũng với những tiên nhân đã để lại cho chúng ta những di sản này. Nhiều người trong số họ có thể đã nuôi dưỡng cùng những nghi ngờ như của chúng ta, nhưng áp lực với họ đã quá mạnh không cho họ dám thốt chúng ra thành lời. Và bởi vì sau đó có vô số người đã bị dày vò bởi những nghi ngờ tương tự, và đã cố gắng đè nén chúng, bởi vì họ nghĩ rằng nhiệm vụ của họ là phải tin, nhiều những trí thức lỗi lạc đã tuyệt vọng, đau khổ đã ngã gục trong xung đột này, và nhiều những nhân vật đã bị tàn tật vì những thỏa hiệp mà với chúng họ đã cố gắng tìm một cách thoát ra khỏi .

Nếu tất cả những bằng chứng đưa ra cho tính xác thực của những lời dạy tôn giáo bắt nguồn trong quá khứ, nó là tự nhiên để nhìn chung quanh và xem liệu hiện tại, vốn dễ dàng hơn để tạo thành những phán đoán, hiện tại cũng có thể không có khả năng cung cấp bằng chứng thuộc cùng loại. Nếu qua cách này chúng ta có thể thành công trong khai quang thậm chí một phần duy nhất của hệ thống tôn giáo cho hết nghi ngờ, toàn bộ của nó sẽ lấy thêm được tín nhiệm vô cùng lớn lao.

Những cách tiến hành của những người theo thuyết duy linh [45] gặp chúng ta ở điểm này, họ được thuyết phục về sự tồn tại của linh hồn cá nhân và họ tìm cách chứng minh cho chúng ta hết nghi ngờ về sự thật của một học thuyết tôn giáo này. Đáng tiếc thay là họ không thể thành công trong việc bác bỏ một sự kiện là sự xuất hiện và những phát biểu của những linh hồn của họ chỉ là những sản phẩm của hoạt động não thức của chính họ.

Họ đã gọi hồn của những con người vĩ đại nhất và của những nhà tư tưởng nổi tiếng nhất, nhưng tất cả những tuyên bố và thông tin mà họ đã nhận được từ những người này đã rất xuẩn ngốc và quá thảm hại vô nghĩa hết sức mà một người không thể tìm thấy được một điều gì đáng tin cậy trong chúng, ngoại trừ khả năng của những tinh thần đã tự thích ứng với những đám người đương vây quanh vốn là những người đã gọi hồn họ lên.

Bây giờ tôi phải đề cập đến hai cố gắng đã được thực hiện - cả hai đều truyền đạt ấn tượng của những nỗ lực trong tình huống tuyệt vọng - để né tránh vấn đề. Một cố gắng, thuộc về một bản chất bạo lực, thì cổ xưa; cố gắng kia là tinh tế và hiện đại. Cố gắng thứ nhất là cái “Credo quia absurdum” [46] của những người ban đầu thành lập hội Nhà thờ [47]. Nó chủ trì rằng những giáo lý tôn giáo nằm ngoài lĩnh vực phán xét của lý trí – chúng là nằm trên lý trí.

Chân lý của chúng phải được cảm nhận trong nội tâm thầm kín, và chúng không cần phải được thấu hiểu. Nhưng cương lĩnh này chỉ đáng quan tâm như là một tự thú. Xét như một tuyên bố thẩm quyền nó không có sức mạnh buộc chấp nhận.

Tôi bị buộc vào tin tưởng tất cả mọi phi lý hay sao đây? Và nếu không thế, tại sao đặc biệt điều này?

Không có một kháng cáo nào lên một tòa án ở trên tòa án của lý trí. Nếu sự thật của những giáo lý tôn giáo là phụ thuộc vào một kinh nghiệm nội tâm vốn nó làm chứng cho sự thật đó, một người làm gì đây về việc nhiều người họ không có kinh nghiệm hiếm hoi này? Một người có thể yêu cầu mỗi người sử dụng món quà của lý trí mà mỗi người sở hữu, nhưng người ta không thể dựng lên, trên cơ sở của một động cơ vốn chỉ hiện hữu với một số rất nhỏ, một bốn phần mà rồi sẽ đem áp dụng cho tất cả mọi người. Nếu một người đã đạt được một niềm tin không lay chuyển về thực tại chân thực của những học thuyết tôn giáo từ một trạng thái xuất thần, vốn đã xúc động anh ta sâu xa vô cùng, điều đó với những người khác có ý nghĩa gì không?

Nỗ lực thứ nhì là một nỗ lực được thực hiện bởi những triết lý của “Nếu như”. Điều này khẳng định rằng hoạt động tư tưởng của chúng ta bao gồm một số lượng lớn những giả thuyết mà không có căn cứ, và thậm chí còn là phi lý, vốn chúng ta hoàn toàn nhận thức. Chúng được gọi là “hư cấu” [48], nhưng vì nhiều lý do thực tế chúng ta phải cư xử “nếu như” chúng ta tin vào trong những hư cấu này. Đây là trường hợp với giáo lý tôn giáo vì tầm quan trọng vô song của chúng để duy trì xã hội con người [49]. Dòng biện luận này không phải là xa cách khác biệt với “Credo quia absurdum”.

Nhưng tôi nghĩ rằng đòi hỏi được thực hiện bởi luận chứng “nếu như” là một nhu cầu trong đó chỉ có một nhà triết học có thể đưa ra. Một người có suy nghĩ không bị ảnh hưởng bởi những giả định của triết học sẽ không bao giờ có thể chấp nhận nó, trong quan điểm của một người như thế, việc thừa nhận rằng điều gì là phi lý hay mâu thuẫn với lý trí là không để lại gì để nói thêm nữa.

Không thể mong đợi được ở ông rằng đích xác trong giải quyết những lợi ích quan trọng nhất của mình, ông phải từ bỏ những đảm bảo ông đòi hỏi cho tất cả những hoạt động bình thường của mình. Tôi nhớ đến một trong những con tôi là một đứa đã được phân biệt lúc tuổi còn rất nhỏ bởi một sự thẳng thắn đơn giản rõ nét đặc thù. Khi đám trẻ con đã được kể cho nghe một câu chuyện thần tiên và đã lắng nghe với chú ý say mê, em này sẽ tiến lên và hỏi: “Đó có phải là một chuyện có thật?” Khi nói với nó là không, em sẽ quay lưng lại với một cái nhìn đầy vẻ khinh thường. Chúng ta có thể hy

vọng rằng mọi người sẽ sớm hành xử theo cùng một cách tương tự đối với những câu chuyện thần tiên của tôn giáo, bất chấp những bào chữa của “nếu như”.

Nhưng hiện nay họ vẫn cư xử khá khác biệt, và trong những thời quá khứ, những ý tưởng tôn giáo, mặc dù chúng rành rành thiếu xác thực không thể chối cãi được, chúng đã tác động ảnh hưởng mạnh nhất có thể có được trên loài người. Đây là một vấn đề tâm lý mới mẻ. Chúng ta phải tự hỏi những sức mạnh bên trong của những giáo lý này nằm ở chỗ nào, và chúng nhờ vào từ những gì mà có được hiệu quả, vốn được nhìn nhận là độc lập với sự kiểm soát của lý trí.

VI

Tôi nghĩ rằng chúng ta đã sửa soạn đầy đủ cho đường đi đến một câu trả lời cho cả hai câu hỏi này. Nó sẽ được tìm thấy nếu chúng ta chuyển sự chú ý của chúng ta về nguồn gốc tâm lý của những ý tưởng tôn giáo. Những ý tưởng tôn giáo này, chúng được đưa ra như những giáo lý, chúng không phải là những kết tinh của kinh nghiệm, hoặc kết quả sau cùng của suy nghĩ: chúng là những ảo tưởng, những thực hiện của những mong muốn lâu đời nhất, mạnh nhất và cấp thiết nhất của nhân loại. Bí mật về sức mạnh của chúng nằm trong sức mạnh của những mong muốn này.

Lê Dọn Bàn dịch

Chú thích:

[1] Các chú thích trong bài nếu còn trong ngoặc vuông [...] là của bản tiếng Anh. Tôi tạm giữ lại. Thí dụ:

[Xem chú thích của người biên tập, p. 4.]

Các chú thích còn lại là của tôi – chắc chắn không thể tránh được sai lầm – hướng đến một độc giả phổ thông, người Việt. Không nhất thiết phải am hiểu tâm lý học hay triết học.

Tôi sẽ lần lượt dịch ba tập Tương lai của một Ảo tưởng, Văn minh và những Bất mãn từ nó, Ego và Id – Sau đó, ít nhất mới có thể giới thiệu Freud chỉ về tôn giáo mà thôi, và có thể nói dăm điều về Freud cùng tâm lý học Phật giáo. Và cũng để sau đó có thể giải thích con đường “giác ngộ” của tư tưởng phương Tây, đi từ Nietzsche God is dead, qua Freud The Future of an Illusion, Rồi Russell Why I am not a Christian , cho đến rất gần đây Richard Dawkins với The God Delusion. Một chặng đường từ Illusion đến Delusion – từ cái “giả” không thật, đến khẳng định mạnh mẽ hơn – cái “sai lầm lừa dối” tai hại.

[2] Kultur und Zivilisation” – trong nguyên bản Freud dùng từ “Kultur”. Từ này có khi dịch là “văn hóa” có khi dịch là “văn minh”, tùy ngữ cảnh.

Chúng ta vẫn hiểu và phân biệt thông thường - Văn hóa là một hệ thống những tin tưởng chung, các giá trị, phong tục, cách ứng xử, và những tạo tác (từ khí cụ đến thơ ca, âm nhạc,...) mà các thành viên của một xã hội sử dụng

để ứng phó với nhau và với thế giới của họ, và chúng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ sau chủ yếu qua giáo dục.

Văn minh là trạng thái của một xã hội đã phát triển phức tạp về văn hoá, kỹ thuật và tổ chức; có các đô thị, tầng lớp xã hội, và chính phủ, trong đó con người có những hiểu biết và kỹ thuật khai thác tài nguyên thiên nhiên. Hiểu theo nghĩa này, văn hóa chỉ là một khía cạnh của văn minh. Và có thể có văn hóa tồn tại mà không có văn minh, nhưng một nền văn minh không thể tồn tại mà không có văn hóa. Ngoài ra, một nền văn minh có thể bao gồm nhiều hơn là một văn hóa.

Văn minh là một khái niệm tích cực, tĩn từ “văn minh” được hiểu như có văn hoá, giáo dục và có xã hội hoàn chỉnh trật tự. Đây là một từ cổ “civis” chỉ một công dân La mã, một thành viên tự do của xã hội La mã trong các xã hội cai quản bởi các chính phủ của đế quốc này. (Chúng ta dùng từ này theo người Nhật (hay Tàu) dịch từ civilization, nhưng đừng quên nghĩa của nó không ở trong văn hay minh của tiếng Tàu! Đừng tìm cách giảng giải văn là gì, minh là gì, rồi văn minh là gì, ở đây không là chỗ của các ông đồ Tàu!).

Đối nghịch với văn minh là “dã man” – nghĩa của từ này là một từ gốc Hylạp – “barbaros” – đầu tiên chỉ những ai không nói tiếng Hylạp, với người Greek, tiếng không Greek, nghe như “bar-bar-bar”! Nguyên thủy cũng đã có ý tiêu cực, những ai không là dân Greek, các nhà tư tưởng Hylạp thời cổ đại đều đồng ý là họ chỉ đáng làm nô lệ trong xã hội. Đến thế kỷ XIX, các nhà nhân loại học – dùng từ “dã man” – để đối lập với văn minh – chỉ những xã hội còn chưa phát triển, hay chỉ tình trạng phát triển trong những thời ban đầu của nhân loại. Thí dụ Engels dùng từ “barbarism” để chỉ thời kỳ con người bắt đầu học cách nuôi gia súc, thực hành canh nông, còn “civilization” là thời kỳ phát triển kỹ nghệ và mỹ thuật tiếp sau đó.

Trong cái nhìn của Freud, ông bỏ những tính chất cục bộ địa phương của văn hóa, mở rộng nó và đặt nó gần đồng nghĩa với văn minh, ông cũng gạt bỏ sự phân biệt thông thường, vẫn cho văn minh là vật chất, còn văn hóa là phi vật chất. Như giải thích trên, Freud xem văn minh là giữa con người với thiên nhiên, còn văn hóa là giữa con người với xã hội, với những con người khác. Chúng đều là hai phương diện của cùng một tương quan – con người

và những gì không phải là nó – con người và không-con người – ngã và phi ngã cùng phi-nhân – đồng loại hay thiên nhiên.

Đọc Freud, không thể không tránh được cái nhìn của ông về con người - đó là một con thú hoang, sống bằng những bản năng, chúng ta gọi là những thú tính, những gì là nhân tính đến sau, khi kết hợp thành cộng đồng, xã hội. Con thú người đó đơn độc trước thiên nhiên nên đã quần tụ tạo lập những xã hội, bớt được những gánh nặng từ thiên nhiên phi-nhân, nhưng lại gánh thêm những nhọc nhằn từ tha nhân, những tổ chức, định chế, nghi thức, khuôn phép.

Nhân tính không thay thế thú tính, chỉ đẩy nó xuống dưới, đàn áp nó. Thế nên nó luôn luôn nổi loạn, cả ngoài xã hội lịch sử, lẫn bên trong từng cá nhân. Từ ấu thơ đến trưởng thành, thế giới nội tâm là thế giới giông bão, nói theo Freud trong bài này, thế giới bên trong mỗi người cũng đầy những động đất, lũ lụt, sóng gió như ngoài thiên nhiên, chúng ta có thể thêm cả thèm khát những gì không được xã hội cho phép, dâm loạn, chém giết - “giết người trong mộng” - thù hận - “còn tình đâu nữa là thù đấy thôi”

- Thế giới bên trong con người, cái thế giới nội tâm mà Freud đã là người tiên phong ở phương Tây mở đường chính thức thăm dò, đã vẽ ra mô thức tâm lý với ý thức, tiền-ý thức, và vô thức,... nhắc sau. Nhìn như thế sẽ hiểu tại sao Freud luôn nói tới “thái độ thù nghịch của con người cá nhân với văn minh”.

Như thế, ở đầu thế kỷ XX, Freud dùng từ văn minh một cách rộng rãi, đồng nghĩa với từ văn hoá, trong ý hướng nhân loại – chỉ về những thực hành, lối sống, tin tưởng và những khí cụ vật chất hay sản phẩm mỹ thuật (thí dụ tranh, tượng) – tất cả có thể xác định một tập thể, một tập hợp lớn hay nhỏ (đơn vị văn hoá) gồm những con người thường còn trong tình trạng đồng chủng. Do đó chúng ta nói đến một văn minh hay văn hoá của một bộ lạc sống ở một vùng núi hẻo lánh, hay văn minh của một sắc dân trong vùng Amazon còn ở thời đồ đá, hay cũng có khi “văn minh” chỉ toàn nhân loại, như khi chúng ta thường nói – một ngày nào đó “chiến tranh nguyên tử sẽ huỷ hoại nền văn minh”.

Thập niên trước, khi chiến tranh lạnh giữa hai khối Nga và Mỹ vừa chấm dứt, một tác giả S. Huntington tạo dư luận ồn ào vì ông nhắc nhở – xung đột của nhân loại không chấm dứt đâu – lần này nó sẽ xuất hiện trong dạng khác, đó là “xung đột giữa những nền văn minh” (clash of civilization) – theo ông, đó là các văn minh: phương Tây, Nam Mỹ Latin, châu Phi da đen, Islamic (Trung đông và bắc Phi), Tàu (Sinic), Ấn (Hindu), Đông âu theo đạo Orthodox (có Nga), Phật giáo (Burma-Thai-Lao-Khmer) và Nhật.

Tôi nhắc để chứng minh, cho đến nay, vẫn có tác giả dùng văn minh và văn hoá như đồng nghĩa – như Freud đương dùng trong tập sách này. Mặc dù, tập sách và ý kiến của Huntington không có giá trị kinh điển, lâu dài, nhưng cứ giả định như đó là một cách phân chia các khu vực văn minh cho bản đồ nhân loại trong thế kỷ này. Chúng ta thấy sự phân biệt của ông chính yếu dựa trên những gì chúng ta gọi là văn hóa; vì ông xếp Australia/N Zealand với phương tây (Western) - nhưng ở phương Tây, ông xếp bắc Mỹ với Tây Âu, còn nam Mỹ Latin đứng riêng.

Ở Châu Á - nước Nhật - đã học rất nhiều từ Tàu, bắt đầu qua Hàn - nhưng nay đứng ngang riêng biệt, trong khi Hàn và Việt vẫn bị xem là những vệ tinh của văn minh, văn hóa Tàu. Các quốc gia Burma-Thai-Lao-Khmer - theo văn minh Phật giáo Nam phương - dù từ Ấn mà ra - nhưng vẫn độc lập về văn hóa, có văn minh riêng. Ranh giới của Huntington tuy gọi là văn minh, nhưng thực ra là văn hóa, và chủ yếu là tôn giáo, cho thấy quan điểm của Freud vẫn còn được sử dụng. Về phần chúng ta, những điều này đáng làm chúng ta suy nghĩ. Chúng ta không đặt nặng và quan tâm sâu xa với sự độc lập văn hóa. Đặc biệt là tôn giáo, tín ngưỡng.

Độc lập sau một nghìn năm bị Tàu đô hộ, hơn một nghìn năm sau, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa rũ sạch được những nô lệ văn hoá từ phương Bắc. Từ hai ba thế kỷ trước, chúng ta ngã gục trước phương Tây, khi họ đi xâm lăng khắp thế giới. Chủ nghĩa thực dân phương Tây, trong nội dung có phần không nhỏ của đạo Kitô. Chúng ta đã lấy xương máu trả lại mỗi thù của thành bị phá, cửa biển bị chiếm, anh hùng hào kiệt bị bắt giết.

Nhưng còn những tôn giáo tàn độc đến từ cứng bức, những tín ngưỡng mê tín đến từ áp đặt, tuyên truyền tinh xảo, và văn hoá đầy chia rẽ, vọng ngoại,

phi nhân vẫn ở lại, chúng ta vẫn chưa ý thức được rằng chúng cần phải đánh giá lại, xem xét và tẩy rửa cho tương lai dân tộc. Để thôi không còn sinh sản thêm những kẻ lạc loài đòi “tổ quốc ăn năn” vì “tổ quốc” đã có lần đối xử tệ hại với một lớp người mê tín, mù quáng, bám vào một tôn giáo đánh lừa, trong quá khứ lịch sử thực dân, đã bị lợi dụng, nên đã “ngây thơ” trắng trợn phản quốc. Đã là những “Tả” đáng thương đứng bên cạnh “Tây” đáng ghét, nên thành nguyên rủa đáng ghét, nên đã là đối tượng của những văn thân yêu nước, lúc ấy đòi “bình Tây sát Tả”.

[3] Thái độ thù nghịch của con người cá nhân với văn minh đáng một vai trò lớn trong những phần đầu của tác phẩm này. Freud đã trở lại với vấn đề và bàn luận nó đầy đủ hơn hai năm sau, trong tác phẩm sau của ông *Civilization and its Discontents* (1930a).

[4] [“Masse.” The German word has a very wide meaning. It is translated “group” for special reasons in Freud’s *Group Psychology* (1921c). See *Standard Ed.*, 18, 69 n. Here “mass” seems more appropriate.]

[5] bản dịch tiếng Pháp – “éteindre les deux caracteres des foules humaines”.

[6] [See, however, some remarks in Chapter V of *Civilization and its Discontents* (1930a), p. 112 ff. below, and at two points in *Why War?* (1933b) and a long discussion in the last of the *New Introductory Lectures* (1933a).]

[7] Instinct

[8] Frustration

[9] prohibition

[10] privation

[11] neurotics

[12] Chúng ta đều biết là không đúng – trong chiến tranh Việt Mỹ vừa qua, có rất nhiều trường hợp các lính viễn chinh Mỹ tự thú nhận đã phạm những hình thức ăn thịt người, nạn nhân là các chiến sĩ người Việt thất thế.

[13] Trong xã hội phương Tây, nạn loạn luân tuy bị cấm đoán rất mạnh mẽ, nhưng vẫn không hết. Ngày nay, những trường hợp “sexual abuse” của cha mẹ với con cái vẫn không phải là không phổ thông, thường gây dư luận nhất

là cha với con trai. Một người không thể không đặt câu hỏi khi quyển sách được xem như cẩm nang cho đạo đức của phương Tây là quyển kinh Thánh, trong đó nhan nhản những chuyện loạn luân đủ loại.

[14] superego – cùng với “ego” và “id” – là những từ của Freud, nay đã thành rất phổ thông, thâm nhập sâu rộng vào mọi phương diện của đời sống, thành nội dung của folk culture ở xa hội Âu Mỹ.

Ego: từ trong tiếng Anh để dịch Freud “das Ich”, hay còn dịch là “the I.” Một trong ba phần của tâm thần (psyche), đây là phần đương đầu với thực tại bên ngoài. Id: dịch từ “das Es”, hay “the It.” Phần này chịu trách nhiệm với những thúc dục bản năng và hoàn toàn vô thức. Superego: dịch từ “Über-Ich”, hay “over-I.” Superego đại diện cho những qui luật xã hội được cá nhân và chủ quan hóa, nửa vô thức, nửa hữu thức; đây là phần bắt tôn trọng luật lệ, phép tắc, ... và áp đặt mặc cảm tội lỗi.

Cái-Ta-Lý tưởng hay superego đóng vai quan tòa, tự phê bình, một thứ tương tự như lương tâm, đó là tích thành và kết quả của những giá trị phổ thông tiếp thụ, học hỏi được từ giáo dục gia đình và xã hội, qua tôn giáo, cha mẹ và nhà trường. “Id” là cái-Đó, một cái Ta-bản năng, ham muốn ích kỷ. Id (wild desires - innate drives, now) và SuperEgo (ideal) cùng tác động trên Ego (real) - vì những vai trò đối nghịch giữa Id và SuperEgo, nên Ego hiếm khi được quân bình, nhưng luôn luôn ở trong trạng thái mâu thuẫn của những dằng co, phân vân, tranh chấp, và đẩy dòn nén, uẩn ức, khủng hoảng nội tâm, tạo thành những hiện tượng thay thế, hay thăng hoa. Đây là một mô hình của Freud về nhân cách (personality).

Ông còn một mô hình quen thuộc khác, trong mô hình này, dựa trên mức độ ý thức, Freud chia não thức cá nhân vào thành ba lĩnh vực: ý thức, tiền-ý thức, và vô thức, tôi tạm gọi ở đây là: cái biết sống động, cái biết không sống động, và cái không-biết nhưng sống động.

Phần vô thức - cái không-biết nhưng sống động – là cống hiến mới lạ của ông với tâm lý học phương Tây, lần đầu tiên con người nhìn vào nội tâm, thấy những hố sâu thăm – từ đó tác động đời sống chính mình – nhưng không rõ hình dạng của chúng ra sao. Và đáng sợ hơn, là có lẽ chính tự thân mình cũng, ít nhất đã, không muốn biết chúng là những gì, vì chính mình đã

có phần tự chôn vùi chúng dưới sâu thẳm đó. Bao nhiêu lần trong đời chúng ta muốn chôn dấu, muốn quên đi, muốn tự dối mình, tin giả làm thật để sống còn.

Một hình ảnh sống động nhất biểu trưng cho cả ba là một băng sơn nổi trên biển – phần nổi, phần chìm còn nhìn thấy, và phần chìm sâu xuống hết tận đáy không bao giờ nhìn thấy, không biết lớn rộng đến đâu – phần nổi chỉ là một mẩu cón con của khối băng sơn. Như thế, băng sơn chuyển động, trôi nổi là tác động từ phần đáy, phần nổi (hữu thức) ở trên nếu đem so – có thể xem như hoàn toàn “vô can”.

Những ego, superego, id, cùng những ý thức, tiền-ý thức, vô thức nay được dùng với những nghĩa rất rộng rãi, đến mức hết sức lỏng lẻo; và người ta dùng chúng để nói về cái phần cũng còn rất lở mờ “psyche”; chúng không phải là những từ “khoa học” hay “tâm lý” nữa. Chúng thành những metaphor – những ẩn dụ; và như thế, Freud đã đi vào nghệ thuật, tư tưởng, ngày càng sâu vào văn hóa dân gian, và vào văn chương, và đó là chỗ đứng đặc biệt của ông, có một không hai trong lịch sử khoa học, triết học. Chúng ta sử dụng mô thức của ông, như thế cái nhìn của chúng ta và những gì chúng ta nhìn được cũng chịu ảnh hưởng của cái khuôn nhìn, cái mô thức của Freud.

[15] Neurotic – neurosis

[16] Narcissistic – không yêu ai ngoài mình và hết sức mê đắm chính mình như Narcissus – một trạng thái tâm lý bất thường.

[17] [Gf., lấy thí dụ. “Creative Writers and Day-Dreaming” (1908e).]

[18] Humanization – từ đông sang tây đằng sau những sức mạnh thiên nhiên đều là những Gót, thần, và thường khoác khuôn mặt người. Đây là “nhân hoá” thiên nhiên.

Thí dụ cụ thể nhất và quen thuộc nhất có lẽ là trong Kiêu “Mặc người mưa Sở mây Tần, Những mình nào biết có xuân là gì” - hiện tượng thiên nhiên được nhân hóa: mây kéo đến phủ núi rồi mưa xuống – thành “mây mưa” chỉ chuyện nam nữ giao phối – Xa khỏi đất Hylạp và đỉnh Olympia, chúng ta có chuyện một ông vua Tàu, bị bệnh (ít nhất theo Freud) - vua nước Sở đi chơi ở đầm Vân Mộng, mơ thấy cùng một người con gái giao hoan. Khi từ biệt

vua, nàng nói: “Thiếp là thần nữ núi Vu Sơn, buổi sớm làm mây, buổi chiều làm mưa”.

Trong đồng dao Việt – hiện tượng thiên nhiên – lấy thí dụ - thông thường và đơn giản như mưa và nắng - cũng được xem như có nguồn từ những tác nhân siêu nhiên: “Vừa mưa vừa nắng, ông Cánh đánh nhau - bà Cau ra chữa, tí nữa lại mưa”

[19] dreamwork hay dreamwork (l'élaboration du rêve): the processes by which the unconscious mind alters the manifest content of dreams in order to conceal their real meaning from the dreamer.

[20] [Đây đã là một giấc mộng thực xảy ra của Freud, trình bày trong Chương VI (G) của The Interpretation of Dreams (1900a). Standard Ed., 5, 454-5.]

[21] [Xem section 6 của bài luận thuyết thứ tư trong Totem and Taboo (1912-13), Standard Ed., 13, 146 ff]

[22] phylogenetic – tiến trình các sự kiện liên quan đến sự tiến hóa của một loài, giống. khác với của cá nhân là ontogeny

[23] exorcist: trừ tà trục quỷ - the expulsion or attempted expulsion of an evil spirit from a person or place.

[24] Displacement: the unconscious transfer of an intense emotion from its original object to another one.

[25] Miracles

[26] Trong lĩnh vực thứ ba – các vị Gót, rồi sau này chỉ còn lại một vị Gót theo các tôn giáo Abraham (đi đôi với sự thống nhất, hợp nhất các bộ lạc có các Gót khác nhau – nay thành một quốc gia – nên chỉ cần một Gót để thờ phụng cho tiện, và giữ sự thống nhất – thế nên sự hình thành của một Gót, tương ứng với những (12/10) bộ lạc của Israel hợp nhất ở vùng Canaan với Solomon – hay sự hợp nhất phát triển của đế quốc Lamã về sau này với Constantine) –

Gót như thế khởi đi là hình ảnh của một kẻ thưởng phạt về đức hạnh và tội lỗi. rồi thành kẻ cầm châu, giữ nhịp cho luân lý, cương thường khi xã hội từ trạng thái thị tộc, bộ lạc mở ra thành những xã hội đông đảo lớn rộng phức tạp, rồi cùng với tâm lý con người ngày càng phát triển, Gót mang những

tính chất siêu hình trừu tượng khác nhau, để đáp ứng với sự thay đổi của nhận thức con người. Nhưng khởi đi là hình ảnh người cha, bảo bọc và thưởng phạt.

Quan niệm đạo đức dựa trên thưởng phạt là quan niệm rất ấu trĩ và sơ đẳng nhất, khởi đi từ tâm lý trẻ con, cũng là khởi đi mãi mãi còn lại như là yếu tính của đạo đức trong các tôn giáo Abraham, như Freud đã thảo luận chỉ ra – và theo đó Gót – người cha trước kia của đứa trẻ nhân loại – trước kia vẫn cho roi cho búa, nay thành cha ở trên trời cao kia của nhân loại – cho quà thiên đường và roi địa ngục, dù thay đổi nhưng chỉ là những hình thức là được làm lớn rộng, nhưng khái niệm cơ bản vẫn là khái niệm một ông bố lúc hiền lúc dữ - thưởng phạt đả con cái, chỉ mở quyển “sách tốt” (kinh Thánh) đọc vài trang là thấy ngay một ông bố, hay đúng hơn một ông trưởng tộc vùng Trung Đông, trọng nam, khinh nữ, đa thê nếu không nói là đa dâm, thiện ác tùy tiện, và rất mê tín và dị đoan.

[27] Thí dụ - mười điều răn hết sức tầm thường về luân lý cho người Do thái – Moise nói là do Gót ban cho họ.

[28] nguyên văn “So wird ein Schatz von Vorstellungen geschaffen, geboren aus dem Bedürfnis, die menschliche Hilflosigkeit erträglich zu machen, erbaut aus dem Material der Erinnerungen an die Hilflosigkeit der eigenen und der Kindheit des Menschen geschlechts”.

Bản tiếng Pháp cũng theo sát hơn “un trésor d'idées, né du besoin ...”

[29] Gist

[30] Providence: sự bảo bọc của Gót hay thiên nhiên (trời sinh voi sinh cỏ) – cũng chỉ một Gót nào đó – thay thế cho sức mạnh thiên nhiên – bảo bọc chúng ta.

Nhìn theo Darwinism, không phải “trời sinh trời dưỡng” nhưng chúng ta đã thay đổi cho hợp với “trời”, những ai không thể đã chết từ bao đời rồi, chúng ta là những kẻ sống sót, hay là con cái của những thế hệ người đã sống sót, đã thay đổi “ứng hợp” với “trời” (tự nhiên) nên vẫn được “trời dưỡng”.

Vậy nếu có mang ơn ai, chính là tổ tiên, dòng giống của chính mình, những người đã tranh đấu với lũ lụt vùng châu thổ sông Hồng, chẳng hạn, đã dựng

nhà sàn, đã trồng lúa nước miền Thủy tinh thấp, lúa nếp miền Sơn tinh cao, .. để ở để ăn, và sống còn, ... đã giữ sự sống và công thức cho sự sống tạo hình nên xương thịt và phát triển, tồn tại (DNA) rồi truyền mãi không dứt xuống đến tận chúng ta.

Không có Gót nào từ sa mạc Trung Đông, sản phẩm mơ tưởng từ trí tuệ ấu trĩ của đám dân còn sống đời bộ lạc mông muội, lúc ấy có lẽ còn ở hang đá, ăn lúa mì, sống lang thang, (một trong những bản khoản của họ là không biết làm sao giữ cho phân mình thải ra đừng lẫn với thức ăn - S. Harris. Sự Hy sinh Lý trí). Gót phát sinh từ đám dân lúc còn man dã ấy không có thể nào bảo bọc, cứu trợ những người đương thời ở mãi tận phương Đông, là những tổ tiên chúng ta, mà chính họ - hay Gót của họ cũng thế - cũng không thể nào biết tới, hay có biết cũng không thèm hay có thể đoái hoài đến được. Ngay cả Gót của họ - dân Do thái - “Yahweh” cũng không giúp họ giữ được mảnh đất hứa, chịu hai nghìn năm lưu vong nô lệ, khổ ải cho đến nay vẫn chưa yên. Vẫn không học được bài học thương yêu - khi nắm được quyền lực, họ cũng độc ác, tham lam, tàn tệ với những người anh em yếu đuối (khác tôn giáo) sống cùng trên một mảnh đất - tàn tệ còn không kém gì những tàn tệ chính họ đã hứng chịu trong quá khứ bị kỳ thị ở châu Âu. Đọc lịch sử của đám dân được Gót chọn riêng đó - và nhìn theo cái nhìn tôn giáo - thờ Gót của Abraham đó - không thấy một hy vọng nào cho tương lai loài người.

[31] Freud nói về dân tộc ông – chúng ta có thể xem dân Do thái là dân tộc đã làm một “cách mạng” trong thực hành tôn giáo – ở giữa những dân tộc Trung đông và Hy Lạp, và cả chính họ, vốn có rất nhiều Gót, họ đã chuyển từ nhiều Gót sang độc thần – một Gót – và tự nhận mình là “The Chosen People” – dân tộc duy nhất có “thỏa ước” với Gót và được Gót riêng chọn. Thỏa ước của dân Do thái với Gót (sau đạo Kitô mở rộng ra là “nhân loại” với Gót” - vì lý do tuyên truyền) bắt đầu với ông tổ dân này là Abraham, sau đó lại làm mới với con cháu ông là Isaac, Jacob, cuối cùng Moses thêm vào 10 điều răn. Tất cả chỉ là giữa dân Jewish với Gót của họ, vị này có “bí danh” là “Yahweh”.

Rất cơ bản và đơn giản, dân Do thái nguyện tuân phục chỉ một Gót, theo 10 điều răn, God đồng ý sẽ thương yêu bảo bọc họ, giúp họ chiến thắng những kẻ thù của họ, họ là dân tộc được chọn riêng và được ước hẹn cho vùng đất Hứa – tức là vùng Canaan – (Promised land & chosen people).

Freud có giải thích của riêng ông về sự xuất hiện khái niệm tôn giáo độc thần – ý tưởng chỉ có một Gót duy nhất - trong nghiên cứu cuối cùng về tôn giáo của ông là Moses and Monotheism (1939).

[32] Chúng ta thấy những điều buồn cười như trên vẫn tái diễn, ngay cả trong những người Việt trên đất Việt, muốn làm con riêng, con ngoan, muốn làm con đặc biệt của Gót, dâng đất nước cho Gót, cho mẹ Gót,...

Ở đây, chỉ nói về một điều là – nguồn gốc của chiến tranh, bất hòa là từ đây mà ra. Ngoài khái niệm trong/ngoài với những người khác tôn giáo, trong các tôn giáo độc thần, còn tranh dành nhau địa vị con riêng, con cưng,.. ai đúng “ý cha” ai sai “ý cha”, nên anh em một nhà đánh giết nhau thảm khốc còn hơn với người ngoài. Thế nên, không phải cùng thờ một Gót thì thôi không còn đánh nhau nữa, nhưng lại còn đánh nhau to hơn. Như trong những cuộc chiến giữa Tin lành và Catô thời Phục hưng, ở châu Âu.

[33] [Freud đã tiếp nhận cùng một phương pháp trình bày trong bàn luận mới của ông về phân tâm với nguwoif không chuyên môn – lay analysis (1926e) và mặc dù trong những trường hợp có phần khác biệt, một phần tư thế kỷ trước đó trong những văn bản nghiên cứu của ông “Screen Memories” (1899a)]

[34] Divine revelation: một thần linh nào đó cho biết mình có với một người nào đó bằng một cách riêng tư – hiểu theo nghĩa - chỉ duy người đó nhận biết được “thông điệp” –Sự biểu hiện về thần linh hay chân lý như thế có hai tính chất: riêng tư và huyền bí (manifestation of divine will or truth).

[35] Vật Tổ và Điều Cấm Ky: Gồm bốn tiểu luận đầu tiên được Freud công bố trên tạp chí Imago (1912-1913) trong đó trình bày sự sử dụng các ứng dụng của phân tâm học vào nhân chủng học, khảo cổ học, và nghiên cứu tôn giáo. Bốn bài tiểu luận: The Horror of Incest; Taboo and Emotional Ambivalence; Animism, Magic and the Omnipotence of Thoughts; and The Return of Totemism in Childhood.

[36] “Dieu est un père exalté, la nostalgie du père est la racine du besoin religieux”.

[37] Totemism: Hệ tin tưởng tô tem : Một tin tưởng phổ biến còn tìm thấy trong các bộ lạc dân bản xứ bắc Mỹ và châu Đại dương ở đầu thế kỷ trước. Dân chúng trong các bộ lạc này tin rằng thị tộc của mình có nguồn gốc từ một động vật, khác nhau tùy bộ lạc. Con vật này là vật-tổ, biểu tượng cho bộ lạc hay những thị tộc tôn thờ nó, và nó trở thành sức mạnh đặc biệt bảo vệ cho thị tộc.

Freud tin rằng những tin tưởng của tục thờ vật tổ thường được liên kết với một nghi lễ cộng đồng xảy ra hàng năm, đặc biệt trong đó con vật thuộc loài vật tổ bị đem ra giết và ăn thịt, nhưng giết hại và ăn thịt nó bị cấm vào các thời điểm khác trong năm. Đây là dịp “phá lệ” duy nhất đối với vật tổ – cũng có những “phá lệ” khác đi kèm, tùy bộ lạc.

[38] [Xem những bài luận văn của Freud về narcisim (1914c). Standard Ed., 14]

[39] libido

[40] [Từ cuối chương III, p.20.]

[41] [Tên gọi theo tiếng Đức của hồ Constance.]

[42] [Điều này đã xảy ra năm 1904, khi Freud đã gần năm mươi. Ông đã viết một kết toán toàn bộ về giai đoạn này, trong một lá thư ngỏ gửi Romain Rolland, khoảng mười năm sau khi hoàn tất công trình chúng ta đang đọc này – (1936a)]

[43] [J.B.L. Foucault (1819-68) chứng minh chuyển động ngày đêm của quả đất bằng cách dùng quả lắc đồng hồ, năm 1851]

[44] Freud nói về những dân tộc châu Âu, và những tôn giáo trong đó nhận Abraham làm tổ - và thờ một Gót, có các tên gọi khác nhau - đó là ba tôn giáo lớn phát sinh từ Trung Đông: Kitô, Islam, và Do-thái.

[45] Duy linh - 唯靈 – spiritualism - thuyết duy linh

[46] [“Tôi tin bởi vì nó thì phi lý” Điều này được cho là của Tertullian].

[47] Credo quia absurdum est (Lat., 'I believe because it is absurd') cũng còn gọi là nghịch lý hay châm ngôn của Tertullian. Nghĩa đen, “tôi tin bởi vì nó thì phi lý” : đó là, chính sự không thể có được của một mệnh đề trở thành

(chủ yếu là trong thần học Kitô) là một thứ động lực cho niềm tin vào chính nó. Chỉ có các mệnh đề tuyệt đối phi lý mới có sức hút như vậy (với những người sùng đạo, hay mê tín - càng phi lý bao nhiêu mà vẫn càng tin, càng cho thấy lòng mộ đạo mê tín cao vời!).

Sự hy sinh trí tuệ (sacrificium intellectus, thường được nhắc bằng tiếng Ý, sacrificio dell'intelletto) là một khái niệm gắn với sự sùng đạo Kitô, đặc biệt là với dòng Jesuit. Đây là đòi hỏi thứ ba đối với những người theo dòng này. Chúng ta đứng ngoài – dĩ nhiên gọi là mê tín, cuồng tín.

Freud nêu câu này để nhắc một chiến thuật tuyên truyền của tôn giáo (Kitô) – nhờ đó lẩn tránh nhu cầu phải đem những lý do hữu lý cho niềm tin của một người. In *Civilization and Its Discontents*, Freud quay lại với câu này khi đặt câu hỏi về lời răn “nhà người phải yêu những kẻ thù của nhà người”

[48] Fiction

[49] [Tôi hy vọng rằng tôi không bất công với ông ta, nếu tôi lấy triết gia thuộc loại “nếu như” như là đại diện cho một quan điểm vốn nó không xa lạ gì với những nhà tư tưởng khác: “Chúng tôi bao gồm như những hư cấu không chỉ đơn thuần những hoạt động lý thuyết vô tư, nhưng cả các công trình xây dựng ý tưởng từ những trí não cao thượng nhất, với nó phần cao quý nhất của nhân loại bám cứng vào, và với nó họ không cho phép họ bị lấy đi mất. Cũng không phải đối tượng của chúng tôi là lấy của họ đi mất như thế - bởi vì những hư cấu thực tiễn, chúng tôi để chúng nguyên, không đụng đến; chúng chỉ héo hon đi như những sự thực lý thuyết xuống.” (Hans Vaihinger, 1922, 68) – C.K. Ogden dịch, 1924, 48-49].

VI

Tôi nghĩ rằng chúng ta đã sửa soạn đầy đủ cho đường đi đến một câu trả lời cho cả hai câu hỏi này. Nó sẽ được tìm thấy nếu chúng ta chuyển sự chú ý của chúng ta sang nguồn gốc tâm lý của những ý tưởng tôn giáo.

Những ý tưởng tôn giáo này, chúng được đưa ra như những giáo lý, chúng không phải là những kết tinh của kinh nghiệm, hoặc kết quả sau cùng của suy nghĩ: chúng là những ảo tưởng, những đáp ứng cho những mong muốn

lâu đời nhất, mạnh nhất và cấp thiết nhất của nhân loại. Bí mật về sức mạnh của chúng nằm trong sức mạnh của những mong muốn này.

Như chúng ta đã biết, ấn tượng hãi hùng về sự bất lực, trạng thái không được giúp đỡ ở trẻ em đã làm dấy lên nhu cầu được bảo vệ - vì sự bảo vệ qua thương yêu – vốn đã được người cha cung cấp, và sự nhìn nhận rằng sự bất lực này kéo dài suốt đời đã làm cho có nhu cầu để bám víu vào sự hiện hữu của một người cha, nhưng lần này là một người mạnh hơn nhiều.

Như thế, luật về nhân từ của một đấng Thần linh Phù hộ [1] làm lắng xuống sợ hãi của chúng ta về những nguy hiểm của đời sống; việc thiết lập một trật tự toàn thế giới về đạo đức, đảm bảo thực hiện những đòi hỏi của công lý, vốn chúng vẫn thường chưa được thực hiện trong văn minh con người; và sự kéo dài hiện hữu trần gian trong một đời sống tương lai đem lại không gian và thời gian trong đó những ước-muốn-mong-thành sẽ diễn ra.

Những trả lời cho những câu đố bí ẩn, vốn chúng cảm dỗ sự tò mò của con người, chẳng hạn như vũ trụ đã bắt đầu thế nào, hoặc liên quan giữa thể xác và não thức là gì, được phát triển phù hợp với những giả định cơ bản của hệ thống này. Nó là một sự cứu trợ, làm vơi gánh nặng rất lớn với tâm lý cá nhân, nếu những cuộc xung đột của tuổi thơ của nó phát sinh từ mặc cảm với người cha – những xung đột mà nó không bao giờ hoàn toàn vượt qua được – đã được loại bỏ khỏi tâm lý cá nhân, và đưa ra một giải pháp vốn được chấp nhận phổ quát.

Khi tôi nói rằng những điều này đều tất cả là những ảo tưởng, tôi phải định nghĩa nội dung của từ này. Một ảo tưởng không phải cùng là một điều như một sai lầm, cũng không tất yếu phải là một sai lầm.

Aristotle tin rằng loài sâu bọ sinh ra từ phân (một tin tưởng mà người dốt vẫn còn bám vào) là một sai lầm; cũng thế, tin tưởng của một thể hệ những y sĩ trước đây rằng chứng tabes dorsalis [2] là kết quả của sự quá độ tình dục, là một sai lầm. Sẽ là không đúng nếu gọi những sai lầm này là những ảo tưởng.

Nhưng về một mặt khác, nó là một ảo tưởng của Columbus khi ông cho rằng đã tìm ra một đường biển mới đưa đến India. Phần mong muốn của ông đóng một vai rất rõ ràng trong sai lầm này. Người ta có thể mô tả như một ảo

tưởng sự khẳng định của một số người theo chủ nghĩa dân tộc rằng Ấn-Đức [3] là chủng tộc duy nhất có khả năng có văn minh; hay tin tưởng, vốn đã chỉ bị phá hủy bởi phân tâm học, rằng trẻ em là những sinh vật mà không có tình dục.

Đặc tính của những ảo tưởng là chúng bắt nguồn từ những mong ước của con người.

Trong chiều hướng này chúng đến gần với những huyền tưởng tâm thần. Nhưng chúng cũng có những khác nhau nữa, ngoài sự kiện là những huyền tưởng có những cấu trúc phức tạp hơn [4]. Trong trường hợp của những huyền tưởng, chúng ta nhấn mạnh như điều thiết yếu là tư cách mâu thuẫn với thực tại của chúng. Ảo tưởng không nhất thiết phải là sai lầm – đó là nói rằng, không thể hiện thực được, hoặc mâu thuẫn với thực tế.

Lấy thí dụ, một cô gái tầng lớp trung lưu có thể có ảo tưởng rằng một ngày nào đó, một hoàng tử sẽ đến và cưới cô ấy. Điều này có thể có được, và một vài trường hợp như vậy đã thực xảy ra. Nhưng rằng một đấng Cứu thế sẽ hiện ra và rồi lập nên một thời đại hoàng kim là có rất ít khả năng hơn nhiều. Cho dù một người phân loại niềm tin này như là ảo tưởng hay là một cái gì đó tương tự như huyền tưởng sẽ tùy thuộc vào thái độ cá nhân của một người.

Những thí dụ về những ảo tưởng vốn đã được chứng minh là sự thật thì không dễ tìm thấy, nhưng ảo tưởng của những nhà giả kim thuật rằng tất cả những kim loại có thể được chuyển thành vàng có thể là một trong số chúng. Mong ước có một lượng lớn vàng, thật nhiều vàng đến mức nhiều nhất có thể có được, nó là sự thật, đã bị suy giảm một mức khá nhiều vì kiến thức hiện nay của chúng ta về những yếu tố của sự giàu có, nhưng hóa học không còn xem việc biến hóa những kim loại thành ra vàng như là điều không thể được.

Thế nên, chúng ta gọi là một tin tưởng là một ảo tưởng khi một thỏa-mãn-ước muốn [5] là một yếu tố nổi bật trong những động lực của nó, và khi làm như vậy chúng ta không đếm xỉa gì đến quan hệ của nó với thực tại, đúng như ảo tưởng tự thân nó bất cần đến sự xác minh.

Vậy nên, sau khi đã nhận phương thế của chúng ta, chúng ta hãy cùng trở lại một lần nữa với câu hỏi về những học thuyết tôn giáo. Bây giờ chúng ta có thể lập lại rằng tất cả chúng đều là ảo tưởng và không có khả năng để được chứng minh. Không ai có thể bị bắt buộc phải nghĩ rằng chúng là đúng thực, phải tin vào chúng. Một số trong chúng là hết sức không có thể xảy ra được, hết sức không thuận hợp với tất cả mọi thứ chúng ta đã dày công tốn sức khám phá ra về thực tại của thế giới, rằng chúng ta có thể so sánh chúng - nếu chúng ta chịu nhìn cho đúng về những khác biệt tâm lý - với những huyền tưởng.

Về giá trị thực tại của hầu hết chúng, chúng ta không thể phán đoán được, đúng như chúng không thể được chứng minh, vì vậy chúng không thể bị bác bỏ. Chúng ta vẫn còn biết quá ít để thực hiện một cách tiếp cận phê phán đối với chúng. Những câu đố hiểm hóc về vũ trụ chỉ tự hiển lộ ra từ từ với sự điều tra của chúng ta, có rất nhiều câu hỏi mà khoa học ngày nay không có thể trả lời. Nhưng công trình khoa học là con đường duy nhất có thể dẫn chúng ta đến một kiến thức về thực tại bên ngoài chúng ta.

Một lần nữa nó chỉ đơn thuần là một ảo tưởng để mong đợi bất cứ điều gì từ trực giác và nội quán, chúng không có thể cho chúng ta không bất-cứ-gì ngoài những cá biệt đặc thù về cuộc sống tinh thần của chúng ta, vốn khó có thể diễn giải, không bao giờ có bất kỳ thông tin nào về những câu hỏi mà học thuyết tôn giáo tìm thấy là quá dễ dàng để trả lời. Nó sẽ là láo xược để cho sự tùy tiện riêng của một người sẽ bước đóng vai thay thế, và theo như ước định cá nhân của một người, tuyên bố phần này hay phần kia của hệ thống tôn giáo là được chấp nhận được nhiều hơn hay ít hơn. Những câu hỏi như vậy là quá quan trọng để làm như thế, chúng có thể được gọi là quá thiêng liêng.

Tại điểm này người ta chắc có gặp một phản đối. “Vậy thì, nếu ngay cả những người hoài nghi sắt đá thừa nhận rằng những khẳng định của tôn giáo không thể dùng lý trí để bác bỏ, tại sao tôi không nên tin vào chúng, bởi vì có quá nhiều đứng về phía chúng - truyền thống, sự đồng ý của loài người, và tất cả những an ủi chúng đem lại cho?”. Thực vậy, tại sao không?

Cũng như không ai có thể bị buộc phải tin, do đó, không ai có thể bị buộc phải không tin. Nhưng đừng để chúng ta hài lòng với lừa dối tự chúng ta rằng những lập luận như thế này đưa chúng ta tiến dọc theo con đường của tư duy chính xác. Nếu đã từng có một trường hợp của một bào chữa khép khễn, chúng ta có nó ở đây. Ngu tối không hiểu biết là ngu tối không hiểu biết, không có quyền nào để tin được bất cứ điều gì có thể bắt nguồn từ nó.

Trong những vấn đề khác không có người nào có ý thức sẽ ứng xử thiếu trách nhiệm như vậy, hoặc cứ hài lòng với những nền tảng yếu đuối như thế cho những ý kiến của mình, và cho ranh giới của đời sống mà ông nhận lấy. Chỉ là trong những điều cao nhất và thiêng liêng nhất mà ông cho phép mình làm như vậy. Trong thực tế, chỉ có những nỗ lực giả vờ với chính mình hoặc với người khác là một người vẫn gắn chặt với tôn giáo, trong khi một người đã từ lâu tự cắt mình lỏng lẻo khỏi nó. Chỗ nào có những câu hỏi có liên quan với tôn giáo, người ta phạm lỗi thuộc đủ mọi loại có thể có được thuộc về giả dối và hành xử xấu trong trí thức.

Những triết gia kéo căng ý nghĩa của những từ cho đến khi chúng giữ lại chẳng còn có bất cứ điều gì mang nghĩa lý ban đầu của chúng. Họ đem cái tên của “Gót” gán cho một số trừu tượng mơ hồ vốn họ đã tạo ra cho chính họ; sau khi làm như vậy, họ có thể ra đứng trước tất cả thế giới như họ là những người tin vào thần linh [6], như là những người tin vào Gót, và họ thậm chí có thể tự hào khoe khoang rằng họ đã nhận ra một khái niệm cao hơn, tinh khiết hơn về Gót, dù rằng Gót của họ bây giờ không là gì khác hơn là một cái bóng hư ảo, không thực chất và không còn có nhân cách vĩ đại đáng sợ của những học thuyết tôn giáo [7].

Những nhà phê bình vẫn dai dẳng trong việc mô tả như là “có lòng tin tôn giáo sâu sắc” cho bất cứ một ai là người thừa nhận một cảm giác vô nghĩa hoặc bất lực của con người khi đối mặt với vũ trụ, mặc dù những gì tạo nên yếu tính của thái độ tôn giáo không phải là cảm giác này, nhưng chỉ là bước tiếp theo sau nó, phản ứng với nó vốn là tìm một phương thuốc cho nó. Con người nào không đi xa hơn, nhưng khiêm nhường mặc nhận vào cái phần nhỏ nhoi mà con người đóng vai trong thế giới - một con người như vậy, trái lại, là một kẻ phi tôn giáo trong ý nghĩa đúng thực nhất của từ này.

Đánh giá thẩm định giá trị-đúng thực của những giáo lý tôn giáo không nằm trong phạm vi của cuộc điều tra này. Đó là đủ cho chúng ta rằng chúng ta đã nhận ra chúng như chúng là những ảo tưởng, trong bản chất tâm lý của chúng. Nhưng chúng ta không phải che giấu một sự kiện là điều khám phá này cũng ảnh hưởng mạnh mẽ vào thái độ của chúng ta với câu hỏi vốn nó phải xuất hiện với nhiều người là quan trọng nhất của tất cả những câu hỏi. Chúng ta biết vào khoảng những thời kỳ nào, và những giáo lý tôn giáo đã được tạo ra bởi những người thuộc loại gì.

Nếu thêm vào đó, chúng ta khám phá ra những động cơ đã dẫn đến việc này, thái độ của chúng ta đối với vấn đề tôn giáo sẽ trải qua một chuyển dịch rõ rệt. Chúng ta sẽ bảo với bản thân rằng nó sẽ là rất đẹp nếu như có một Gót đã tạo ra thế giới, và đã là một đấng bảo trợ linh thiêng nhân từ, và nếu như đã có một trật tự đạo đức trong toàn vũ trụ, và có một đời-sau, nhưng nó là một sự kiện trởi bật rất đáng chú ý là tất cả những điều này là chính xác như chúng ta rồi chắc chắn sẽ mong muốn cho nó được là.

Và nó sẽ là đáng chú ý còn hơn nữa, nếu những tiền nhân của chúng ta thuở vẫn còn bất hạnh khốn khổ, dốt nát ngu tối, và bị đè nén áp bức mà đã thành công trong việc giải quyết tất cả những câu đố hiểm hóc khó khăn của vũ trụ.

Lê Dọn Bàn tạm dịch

Chú thích:

[1] Từ riêng của đạo Kitô là “Gót quan phòng”.

[2] Tabes dorsalis is a slow degeneration of the nerve cells and nerve fibers that carry sensory information to the brain. The degenerating nerves are in the dorsal columns of the spinal cord and carry information that help maintain a person's sense of position. Tabes dorsalis is the result of an untreated syphilis infection

[3] Indo-Germanic

[4] delusion – tạm dịch là “huyễn tưởng”, còn illusion – “ảo tưởng”.

“ảo tưởng”: một ý tưởng, quan niệm, hay niềm tin sai lầm về một ai hoặc sự-vật-gì đó. Vậy “ảo tưởng” có thể có thực, không nhất định phải sai,

không-thực. Nhưng sai lầm nằm trong sự diễn dịch, nhận xét, thông hiểu của chủ thể nhận thức.

“huyễn tưởng” một niềm tin sai lầm dai dẳng bất chấp những bằng chứng mâu thuẫn mạnh mẽ, đặc biệt nếu là một triệu chứng của một tình trạng bệnh tâm thần. Vậy huyễn tưởng là một-gì đó duy chỉ có trong trí não của chủ thể nhận thức mà thôi, và hoàn toàn không thực, luôn luôn sai lầm

Theo gốc Latin chúng ta có: Illusion < Lat. ludere: to play - ảo tưởng-
Delusion < Lat. deludere: to play falsely – huyễn tưởng. Theo đó chúng ta thấy mức độ sai lầm ở delusion cao hơn, gần như một bệnh thần kinh.

Trong đoạn trên Freud phân biệt:

Tên gọi

Sai lầm

Mong ước

Sai lầm

Luôn luôn sai

Không do mong ước

Ảo tưởng

Thường sai, nhưng có khi đúng

Tất cả do mong ước mà ra

Huyễn tưởng

Luôn luôn sai

Tất cả do mong ước mà ra

“sai lầm” theo Freud có nghĩa là “phản nghịch với thực tại” – không thực. Ví dụ của Freud: Giả sử rằng có một cô gái thuộc tầng lớp trung lưu nuôi dưỡng niềm tin rằng một ngày nào đó, một “hoàng tử” sẽ đến và cưới cô làm vợ. Và giả sử chuyện khó xảy ra đã xảy ra: một hoàng tử đã đến thực và đã cưới cô ấy. Niềm tin là một ảo tưởng mặc dù sau cùng xảy ra trong thực tế rằng nó thành sự thật, nghĩa là, nó thuận hợp với thực tế. Nhưng nó vẫn là “ảo tưởng” dù thành sự thật. Niềm tin là ảo tưởng bởi vì sự hình thành và tồn tại của nó có nguồn gốc từ sự mong ước mãnh liệt của cô gái.

Trong chữ Tàu – Cùng một chữ “幻” - vừa đọc là ảo và huyễn (ThiềnChữ)
- nghĩa phổ thông là:

- Ảo: “Dối giả, làm giả mê hoặc người” - như CungOán NK: “Tuồng ảo hóa đã bày ra đây, Kiếp phù sinh trông thấy mà đau - Trăm năm còn có gì đâu, Chẳng qua một nắm cổ khâu xanh rì!”.

- Huyền: “Giả mà làm hết như thực gọi là huyền”. - như một câu trong kinh Kim Cương (金剛經) : 一切有爲法如夢幻泡影: “Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh”.

(Một từ khác - 眩 huyền – bộ mục – hoa mắt)

Ảo tưởng là một nhiễu loạn tri thức, trong khi huyền tưởng là một sự nhiễu loạn niềm tin (An illusion is a perceptual disturbance, while a delusion is a belief disturbance).

Khi Freud nói một tin tưởng là một ảo tưởng, ông nhấn mạnh vào nguồn gốc hay xuất xứ tâm lý của nó: nó ra đời từ sự thỏa mãn một mong muốn. Vậy tính cách tâm lý là những gì làm cho một niềm tin là ảo tưởng, là sự xuất phát của nó từ một mong muốn. Thế nên, theo Freud, tôn giáo, trong đó có Gót, là một ảo tưởng, vì đến từ mong muốn có một người cha bảo bọc, phát sinh từ tâm lý trẻ con, đã kéo dài qua tuổi trưởng thành.(Nhưng đến gần đây, Dawkins - một tác giả hiện đại, đã lên án “Gót là một huyền tưởng”, theo nghĩa lừa dối, không thực và có tác dụng sai lạc, tai hại)

[5] Wish-fulfillment - từ tâm lý - sự thỏa mãn một mong muốn hay sự giải tỏa một bức xúc tình cảm qua những tiến trình như mơ ngủ, mơ ngày, hay những triệu chứng thần kinh.

[6] Deist – deism – những người tin có thần linh tối cao (Gót) tạo ra vũ trụ nhưng rồi bỏ mặc vũ trụ đó.

[7] Gót:

a. Gót và vũ trụ/con người: Nhiều cách nhìn khác nhau:

- Pantheism - Gót là vũ trụ - là tự thân thiên nhiên (Phiếm thần) - pantheism, Quan điểm cho Gót đồng nhất với tất cả mọi sự-vật (God is identical with everything).

- Panentheism - Gót bao gồm trong tất cả vũ trụ, nhưng không chỉ là vũ trụ, là phần hồn, bản thể của vũ trụ. Quan điểm cho Gót ở trong tất cả sự-vật (God is in all things). Spinoza là một người pantheist nổi danh nhất trong

triết học phương Tây. Một người khác là Hegel đôi khi được xem như pantheist vì ông đồng nhất God với toàn bộ hữu thể (the totality of being).

- Deism – Gót tạo ra vũ trụ, nhưng vũ trụ tự vận hành, phủ nhận “mặc khải” tôn giáo. Gót ở đây giống như một ông chủ đất, để những người thuê đất, những người ngụ cư sống tự do theo ý của họ.

- Theism: tin có thần linh, có Gót, gồm: henotheism: chỉ có một Gót, nhưng cũng công nhận có những Gót khác – polytheism: nhiều Gót, các Gót quan trọng như nhau – monotheism: chỉ có duy nhất một Gót mà thôi. Trường hợp đa thần - thí dụ các Gót của Hylạp, hay Ấn giáo. Và độc thần, điển hình và tai tiếng nhất là Gót trong các tôn giáo Abraham – được xem là một thần linh duy nhất, tối cao - là một nhân vật tối thượng tạo ra vũ trụ, từ hư không (ex nihilo), là kẻ cung cấp nguồn cho luân lý, nghe những cầu nguyện, toàn năng, toàn trí, toàn thiện, đem cho tín đồ sự bất tử và cứu rỗi.

(Tạm tóm tắt các thuật ngữ phổ thông:

Thuyết lý – (Con người tin tưởng ra sao – có hay không, ở đâu – là gì?)

Pantheism 泛神論 phiếm thần luận

Panentheism 萬有在神論 vạn hữu tại thần luận

Deism 自然神論 tự nhiên thần luận

Theism 有神論 hữu thần luận

Atheism 無神論 vô thần luận

Tôn giáo – (thờ phụng, tôn sùng ra sao? nhiều hay chỉ một? Có các nghi thức khác nhau tùy văn hóa phát triển)

Polytheism 多神教; 論, 主義 đa thần giáo, luận, chủ nghĩa

Monotheism 一神教[論] nhất thần giáo [luận]

henotheism 單一神教 đan nhất thần giáo

Henotheism – là chỉ tin một Gót, nhưng Gót ấy có nhiều dạng – thí dụ trinity trong Kitô – hay trimurty trong Hinduism với bộ ba Brahman – Shiva – Víshnu). Cả Yahweh và Indra đều nguyên thủy là những thần chiến tranh, hết sức tàn ác và hung dữ.

b. Khái niệm về Gót:

- Freud xem Gót là một phóng chiếu của thoả-mãn-ước mong về một người cha. Tương tự, Marx xem niềm tin vào Gót như thành quả, dựng lên từ cấu

trúc của xã hội tư bản.

- Gót của các nhà thần học (Augustine, Boethius, Anselm), hay triết học (Descartes) – đã bị Freud phê bình:

“Những triết gia kéo căng ý nghĩa của những từ cho đến khi chúng giữ lại chẳng còn có bất cứ điều gì mang nghĩa lý ban đầu của chúng. Họ đem cái tên của “Gót” gán cho một số trừu tượng mơ hồ vốn họ đã tạo ra cho chính họ; sau khi làm như vậy, họ có thể đứng trước tất cả thế giới như họ là những người tin vào thần linh, như là những người tin vào Gót, và họ thậm chí có thể tự hào khoe khoang rằng họ đã nhận ra một khái niệm cao hơn, tinh khiết hơn về Gót, dù rằng Gót của họ bây giờ không là gì khác hơn là một cái bóng hư ảo, không thực chất và không còn có nhân cách vĩ đại đáng sợ của những học thuyết tôn giáo”

Diễn dịch ý của Freud – các nhà triết học và thần học dưới sức nặng của truyền thống văn hoá, và sự gắn bó tình cảm, cộng lẫn niềm tin tôn giáo lâu đời nên đã không thể nào bỏ được, hay không có can đảm công khai tuyên bố không tin vào Gót, đã tạo ra Gót-khái niệm. Trước “sự đã rồi” đó, họ đã tìm cách “gạn lọc” để giữ lại những gì có thể trông mong được chấp thuận. Gạn lọc những gì cho là “tinh túy” nhất, “siêu nghiệm” nhất – bằng cách thay vì nói đến một nhân vật, một khuôn mặt; họ gán các thuộc tính siêu hình (“metaphysical attributes”) vào Gót, thường là: giản lược, phi thời, bất biến và phi tình (simplicity, timelessness, immutability, and impassibility).

Nhưng vì Gót có thể nhìn nhận là, hay ít nhất đã là nhu cầu rời sản phẩm của đời sống nhân loại, là những gì trần tục nhất, đây những ham muốn thế gian, những gì hèn kém yếu đuối nhất của những tình cảm rất đỗi con người – nên trên hành trình tinh luyện đó – gột rửa “quá” sạch, nên kết quả là đã đi đến những gì trừu tượng nhất, mơ hồ nhất, sau khi bỏ mất hết thực chất, nên “Gót khái niệm” không còn sức mạnh quyến rũ quần chúng nữa. Những gì những nhà thần học rao giảng, luận bàn về Gót-khái-niệm đều tương tự cùng một loại như những lời phát biểu nhất thời của những người làm nghề MC giúp vui trong các tiệc tùng, đình đám, nhạc hội...

Với những người đã sẵn nghe chờ vui, hay sẵn tin, chờ thêm ý; nên khi họ nghe từng câu cũng có khi gặp dăm điều thú vị, hoặc dường như có chạm

một ý thâm trầm nào đó; nhưng chỉ vụn vặt, chắp vá, nhất thời, không thành một toàn bộ có hệ thống chặt chẽ. Cũng như không ai đi chép nhặt những lời của bất kỳ một MC nào - để mong tìm trong đó một nhân sinh hay vũ trụ quan cho đời sống.

Những người đàn bà đầu quấn khăn, bịt gần hết mặt; toàn thân phủ áo dài chấm Gót; những người di dân mới đến từ Trung Đông, hay bắc Phi biến động. Tôi vô tình – trong lúc dạo tìm chỗ vắng - đột nhiên thấy dăm ba người quì trước lối mình đang đi; lúc 6 giờ, một chiều nay, phủ phục trong một góc chợ thưa người, dù đang ở bắc Mỹ, nhưng hướng về Mecca, đầu chạm nền đá, hết sức thành kính.

Hay những người khác gặp sáng cuối tuần, những người này có chỗ thờ phụng nguy nga, hảnh hoi rồi; lúc họ đang đi đến các synagogue, mosque, hoặc nhà thờ; y phục thuần đen, hay thuần trắng, nhưng đều trang trọng, đẹp đẽ. Gót của họ là một “nhân vật”, nếu hỏi họ - Gót ấy hết sức sống động trong “tâm linh”, nội tâm, trí tưởng, tình cảm của họ - là một khuôn mặt, một chân dung - một người “cha” đáng kính, và rất đáng sợ, và những người này trông mong nhận được yêu thương, bảo bọc, tha thứ, an ủi từ khuôn mặt đáng kính, đáng sợ đó. Khi họ ngâm nga lời kinh, phủ phục, làm dấu, đốt nến, rải hương... Gót của họ - dù là ảo tưởng – nhưng là một “ảo tưởng” sống động.

Trở về những năm xưa của riêng tôi, 10 giờ đêm ở các khu thuần Kitô: Bùi Phát, Ông Tạ, Nghĩa hoà, Tân Sa Châu - Saigon. Tất cả mọi nhà đều dừng hết mọi sinh hoạt, vì đó là giờ cầu kinh hằng đêm. Toàn gia đình, trọn xóm đạo - mọi người từ già đến trẻ, hết lòng thành kính trong những lời nguyện. Lúc ấy, những ngõ hẻm quanh co vắng tanh thành thênh thang, không ai qua lại, hết thanh niên tụ họp, hết trẻ con chơi đùa; mọi âm thanh, tiếng động, như những tiếng xe chạy, nhạc mở, radio hát, ti vi ồn ào trước đó giờ đều tắt ngấm; mọi người đều ở trong nhà mình, qua khe cửa khép, chỉ còn có giọng người rì rầm đồng xướng lúc ê lúc a, lúc bổng lúc trầm. Gót của những bà cụ răng đen, những ông lão tóc bạc, những trẻ em ngồi cạnh gối người lớn, là một “người Cha” cụ thể, hiện hình xương thịt trong tâm tưởng kính tín, để thờ chứ không phải chỉ để nghĩ.

Thế nên, Gót ‘khái niệm’ của các triết gia, thí dụ Descartes, Kant, hay gần đây Paul Tillich, chẳng hạn, như một bông hoa ép khô – thường gặp nằm bất động, vô hồn giữa những trang sách - ở những cô cậu học trò thời mới lớn, tưởng biết yêu – dù vẫn là hoa nhưng đã mất hết hương, không còn nguyên sắc. Người ta giữ một đóa hoa khô, vì lịch sử của nó, hay ít nhất vì trước đó nó đã là một đóa hoa tươi đầy hương sắc, sống động.

Và trong ý hướng đương bàn ở đây, theo Freud – người ta có bàn về khái niệm Gót, vì trước đó – trong quá trình hình thành của lịch sử tôn giáo của con người – đã có một Gót mang hình người - một “người cha” đáng kính, “ông bố” đáng sợ, có từ sự phóng chiếu những khao khát, cầu mong – Cho đến nay và mãi mãi, Gót vẫn là chỗ hướng đến nào đó - để người ta có thể tin rằng từ cái nguồn đó, ơn có thể ban, phúc có thể phát, tội lỗi có thể xoá, đời sau tương lai có thể định đoạt... một khái niệm mà thôi – nó không thể nghe lời cầu nguyện, không thể ban ơn, không thể xoá tội, không thể hứa hẹn, không thể cứu rỗi, ...

Dù là một “ảnh tượng” của những người quì giữ chợ – một “chân dung” treo trên tường thánh đường cao – hay một “ý tưởng” hay “khái niệm” trong não thức nhà triết học, dù hình dạng thay đổi – cho đến muôn mặt - những trước sau vẫn là nguồn đem lại an ủi, lắng nghe cầu nguyện thầm kín, cá nhân, riêng tư nhất, nên vẫn là một “nhân vật”. Đó là yếu tính của đạo Kitô – Freud đã chỉ ra hai đặc tính vốn nó duy nhất có: quan hệ “cha-con” trong “Gót-tín đồ” – với tình cảm “yêu nhưng sợ” của nó. Người ta thường quì xuống, ngược nhìn lên, lòng kính cẩn, sợ hãi.

“Gót người cha” có trước, rồi “Gót ý niệm” thuần khiết mới đến về sau; không phải ngược lại. Quá trình tạo ra Gót như thế là quá trình thăng hoá, không phải quá trình tục hoá. Thế nên, trong tôn giáo Kitô, ở quê hương của nó là phương Tây, đang có những vận động thay đổi. Nhìn theo những người theo thuyết tiến hoá về văn hoá - Gót là một “meme” – vẫn đang tiến hoá – chưa biết hình dạng sẽ ra sao. Nhưng với Freud ở đây, quá khứ - “ông bố” – “Gót-NgườiCha” mãi mãi vẫn còn đó, nếu chúng ta đi ngược về quá khứ tâm lý nhân loại – thấy chứng tích của nó cho thấy một thời kiến thức ấu trĩ, tâm lý thơ dại của của con người lịch sử mông muội

– và như thế rất nhiều câu hỏi đặt ra, với những ai vẫn không bỏ được khái niệm đó – nó có giá trị đến đâu? – có nên giữ nữa hay không - giữ lấy nó với giá nào? – và cho chúng ta, những người không có quá khứ văn hoá vốn bị nó ám ảnh đè nặng dày đặc cho đến ngộp thở như thế, trong một xã hội, nó chỉ mới được nhập cảng vốn đã không hề có chọn lựa tự do, hay bình đẳng về trí thức; nhưng chỉ tuyên truyền áp đặt một chiều với đủ mọi sức mạnh chính trị, kinh tế, và vốn nó vẫn còn là một thiếu số dù ồn ào đe dọa xã hội. Những câu hỏi cấp thiết – nó có đáng giữ hay không cho những người đã ở trong, và cho mọi người trong ngoài – nó có đáng lưu truyền quảng bá nữa hay không?

Hai khái niệm – Gót tạo ra vũ trụ từ hư không “ex nihilo”, nghĩa là Gót đứng ngoài thời gian, không gian, Gót không thuộc vũ trụ này - và trong tín ngưỡng (như Kitô), Gót có tương quan “cha-con” với tín đồ - thậm chí Gót còn cho “con” mình xuống trần chẳng hạn,... Những khái niệm này hoàn toàn không có, và tuyệt đối xa lạ với các khái niệm vẫn đã gắn sẵn với Trời, Thượng đế, Chúa,... có từ trước, trong văn hoá, tư tưởng Việt, nên “Gót” là Gót – tôi không dịch được, vì cho công bằng, không có từ Việt tương đương nào

– Trời của người Việt - gần với quan niệm Pantheism chung của nhân loại – Thượng đế, hay Chúa trời – nô nôm na thường hiểu và đúng thực như thế - là một ông vua trị vì trên thiên đình, là một vị chúa tối thượng trên cao, ... Vậy các từ này – vua trên trời cao, chúa trên trời - tương đương với ông vua, vị chúa dưới trần gian - nhưng chúng không mang những ý niệm kể trên - nhất là hai ý niệm hết sức đặc biệt – tạo thiên lập địa nhưng đứng ngoài thiên địa “ex nihilo” – và quan hệ chặt chẽ, cụ thể “cha-con” với con người.

Mượn Freud, chúng ta có thể nói “thượng đế” là sự phóng chiếu của một ông vua từ trần gian lên trời cao. Như thế, thượng đế với con người, cũng như vua với dân chúng, có tương quan khá xa, và ai có việc nấy, phép nước vua giữ, luật trời, trời lo, còn con người, những người Việt sau lũy tre xanh của họ, có một “tiểu triều đình” với các ông lý ông xã lo việc làng, nên họ theo lệ làng. Trời của họ có lẽ gần với loài vật, nghĩa là với thiên nhiên (pantheism) - hơn với con người.

Nên chuyện đã kể rằng - khi trời quên không mưa – họ đã nhờ cóc lên hỏi. Như thế, trời của người Việt có loài cóc hiểu về ông ta nhiều hơn – nó biết ý ông vua trên cao ấy – Thượng đế - nên người ta dạy trẻ con nên để ý - khi thấy nó nghiêng răng (đó là nó sửa soạn sắp được một bữa ăn no nê – khi cơn trùng bay ra trước cơn mưa bão sắp đến) - là nó báo “trời” sắp mưa.

Với tâm lý thực tiễn và hiểu biết thô thiển nhưng rất duy vật và duy nghiệm của người Việt, chúng ta biết con cóc có “họ hàng” với Trời của chúng ta – ông Trời, nếu dùng danh xưng cho văn vẻ, Thượng đế – gọi nó bằng cậu – vậy là Thượng đế có họ về bên ngoại với loài cóc. Chưa kể cóc và các bạn của nó - toàn là các con vật thông thường - có thể ”náo loạn” nhà trời đã không mấy khó khăn, vậy Trời của người Việt cũng không ghê gớm gì cho lắm!.

Trước đây - khi dịch Russell - Có Gót hay không - Tôi đã băn khoăn, không thể dịch Gót thành Thượng đế như các nhà truyền đạo Kitô mong muốn, vì lý do học thuật (có lẽ họ cũng có người đã từng băn khoăn như tôi – nên đã có cố gắng ban đầu dịch là “thiên chủ”, chứ không là “thượng đế”). Thế nên, tôi đề nghị và giữ nguyên từ “God” – đọc là “Gót” - thay vì dịch là Thượng Đế (Trời, Tạo Hóa), hay xa hơn chúa Trời – vì cả hai từ này – và tất cả các từ tương tự khác có trong Việt, hay Tàu - đều không hề có chứa khái niệm ”Ex nihilo” (Latin, “out of nothing”) – là khái niệm chủ yếu trong nội dung từ “God” của các tôn giáo Abraham, như đã nói trên.

Trong tư tưởng phương Tây, God tạo ra vũ trụ từ hư không, chủ thể này, nếu giả định là có đi nữa, thì ở ngoài vũ trụ này. Trong khi đó, ở phương Đông, Tàu, Ấn và Việt, các vị như Trời, Thượng đế, Brahman,... đều ”thuộc” vào vũ trụ này, ở trong vũ trụ này cùng với con người, dù khác biệt gì đi nữa - Nếu gọi vũ trụ này là một tập hợp U (Universal set) – God không phải là một phần tử của U - theo định nghĩa của tôn giáo phương Tây. Còn Trời, Thượng đế, Thiên đế, Brahman,...đều là phần tử - dù đặc biệt - của tập hợp vũ trụ U này ”.

Trở lại với ”ảo tưởng” của Freud, với ”cháu gọi cóc bằng cậu” vẫn có của người Việt, nên tôi không dịch Gót là Trời, hay Thượng đế. Đó không chỉ là công bằng nhưng còn là kính trọng.

VII

Sau khi nhìn nhận những giáo lý tôn giáo như những ảo tưởng, chúng ta lập tức đối diện với một câu hỏi thêm nữa: có thể hay không – có những tài sản văn hoá khác mà chúng ta có đánh giá cao và qua đó chúng ta để chúng cai trị đời sống của chúng ta - là có bản chất tương tự? Phải chăng những giả định vốn chúng xác định những quy định chính trị của chúng ta cũng được gọi là những ảo tưởng? Và không phải hay sao là trường hợp những mối quan hệ giữa giới tính - trong văn minh của chúng ta – đã bị xáo trộn bởi một ảo tưởng gợi dục hoặc một số ảo tưởng giống vậy?

Và một khi sự nghi ngờ của chúng ta được đánh thức, chúng ta sẽ không co lại, cũng thôi không hỏi – liệu không biết sự đoan chắc của chúng ta rằng chúng ta có thể học được điều gì đó về thực tại bên ngoài, thông qua việc sử dụng quan sát và suy luận trong công trình làm việc khoa học - không biết đoan chắc này có bất kỳ một nền tảng nào tốt hơn hay không. Không có gì giữ chúng ta khỏi hướng quan sát của chúng ta vào tự bản thân chúng ta, hoặc khỏi áp dụng tư tưởng của chúng ta đến sự phê bình với tự thân nó.

Trong lĩnh vực này một số những điều tra mở ra trước chúng ta, mà kết quả của chúng không thể là gì khác hơn nhưng là quyết định cho việc xây dựng một “Weltanschauung” [1]. Hơn nữa, chúng ta phỏng đoán rằng một nỗ lực như vậy sẽ không bị phí công và rằng nó sẽ ít nhất trong phần biện chính cho nghi ngờ của chúng ta. Nhưng tác giả không có được phương tiện để thực hiện một công việc quá toàn diện như thế, ông ta cần phải giới hạn công việc của mình theo vào chỉ những ảo tưởng này mà thôi - cụ thể là, những ảo tưởng của tôn giáo.

Nhưng bây giờ, giọng nói lớn của phe chống đối của chúng ta đem chúng ta đến một dừng lại. Chúng ta được gọi đến giải thích cho việc làm sai trái của chúng ta:

“Những quan tâm về khảo cổ, không có gì phải ngờ, là đáng ca ngợi nhất, nhưng không ai định thực hiện một khai quật nếu làm vậy ông ta sẽ phá mòn nền móng những nhà ở của người sống, để rồi chúng đổ và vùi con người dưới vỡ nát của chúng. Những giáo lý của tôn giáo không phải là một đề tài

để một người có thể bàn luận nhạt nhẽo giống như bất kỳ gì khác. Văn minh của chúng ta xây dựng trên chúng, và sự bảo trì của xã hội con người đặt cơ sở trên sự tin tưởng của đa số con người vào sự thật của những giáo lý này.

Nếu con người được dạy rằng không có Gót toàn năng và chí công, không có trật tự linh thiêng trên toàn cầu, và không đời sống sau cái chết, họ sẽ cảm thấy được miễn tất cả những nghĩa vụ phải tuân theo những giới luật của nền văn minh. Mọi người, không có sự ức chế hay lo sợ, sẽ làm theo những bản năng vị kỷ và phi xã hội của mình, tìm cách thực tập quyền lực của mình; Hỗn loạn, vốn bị chúng ta trục xuất qua công trình đấng đấng dài hàng ngàn năm của văn minh, sẽ trở lại.

Ngay cả nếu chúng ta biết, và có thể chứng minh, rằng tôn giáo đã không nắm giữ sự thật, chúng ta phải nên che giấu sự kiện và hành xử theo cách triết lý của “Nếu thế” đã quy định, và điều này là vì lợi ích của việc bảo tồn tất cả chúng ta.

Và ngoài những nguy hiểm của sự định thực hiện, nó sẽ là một sự tàn ác vô mục đích. Vô số người tìm thấy một an ủi cho mình trong những học thuyết tôn giáo, và chỉ có thể kham chịu được đời sống với sự giúp đỡ của chúng. Bạn sẽ cướp mất sự hỗ trợ của họ, mà không có bất cứ điều gì tốt hơn để đổi lại cho họ. Đã được thừa nhận rằng cho đến nay khoa học đã không thành đạt được nhiều, nhưng ngay cả khi nếu nó tiến bộ xa hơn nữa, sẽ không đủ cho con người.

Con người có những nhu cầu cấp thiết thuộc loại khác, mà không bao giờ có thể được khoa học lạnh lẽo làm thỏa mãn; và đó là rất lạ lùng - thực vậy, đó là chiều cao của sự bất nhất - mà nhà tâm lý học là người đã luôn luôn nhấn mạnh vào là kiến thức thông minh đóng một phần nhỏ biết chừng nào trong hoạt động nhân sự, như khi so với đời sống của những bản năng - rằng một nhà tâm lý học như thế bây giờ lại cố gắng cướp đi của nhân loại của một hoàn-thành-ước-muốn quý giá và sẽ đề nghị đền bù cho họ điều ấy với sự nuôi dưỡng trí tuệ”.

Bao nhiêu những buộc tội cùng một lúc! Tuy nhiên tôi sẵn sàng với những phản biện cho tất cả chúng, và hơn thế nữa, tôi sẽ khẳng định quan điểm

rằng văn minh đâm vào một nguy cơ lớn hơn, nếu chúng ta duy trì thái độ hiện tại của chúng ta với tôn giáo hơn là nếu chúng ta bỏ nó đi.

Tôi hầu như không biết bắt đầu trả lời của tôi ở chỗ nào. Có lẽ với sự đảm bảo rằng tự chính tôi xem dự định của tôi là hoàn toàn vô hại và không có rủi ro. Lần này, tôi không phải là người đương quá đánh giá trí tuệ. Nếu người ta là giống như đối thủ của tôi mô tả họ - và tôi không nên mâu thuẫn với họ - vậy sau đó không có nguy hiểm của một tín đồ sùng đạo bị những lý lẽ của tôi khuất phục, và bị tước đoạt niềm tin của người ấy. Thêm nữa, tôi đã không nói gì với những người khác và tài giỏi hơn đã không nói trước tôi trong một phương cách mạnh mẽ, đáng phục và đầy đủ hơn nhiều.

Tên tuổi của họ đều nổi tiếng, và tôi sẽ không trích dẫn họ, vì tôi không muốn đưa ra một ấn tượng rằng tôi đang tìm cách xếp mình như một trong số họ. Tất cả gì tôi đã làm - và đây là điều duy nhất vốn là mới mẻ trong khai diễn của tôi - là thêm một số nền tảng tâm lý vào những phê phán của những người lỗi lạc trước tôi. Khó mà mong đợi được cho chính xác sự thêm thắt này sẽ sản xuất được hiệu ứng vốn đã bị từ chối với những nỗ lực trước đó. Không nghi ngờ gì, tôi có thể bị hỏi ở đây, là viết những điều này để làm gì, nếu tôi chắc chắn rằng chúng sẽ không có hiệu quả. Nhưng tôi sẽ trở lại điều này sau.

Một người mà ấn phẩm này có thể làm thương tổn là chính tôi. Tôi sẽ phải lắng nghe những quở trách khó chịu nhất về sự nông cạn, đầu óc hạn hẹp và thiếu lý tưởng hay hiểu biết của tôi đối với những lợi ích cao nhất của nhân loại. Nhưng một mặt, những khiển trách như vậy không phải là mới với tôi, và mặt khác, nếu một người đã học rồi trong thời trẻ tuổi của mình để vượt lên cao hơn những không chấp thuận của những đương thời của ông, những gì còn có thể là vấn đề với ông ta trong tuổi già của ông nữa đây, khi ông chắc chắn sẽ sớm vượt ra ngoài tầm với của tất cả đồng ý hoặc không đồng ý?

Trong những thời trước đã là khác biệt. Lúc ấy, những phát biểu giống như của tôi đã mang theo chúng chắc chắn một sự tước đi kiếp sống trần gian của một người, và một hiệu quả nhanh chóng cho cơ hội để đạt được một kinh nghiệm cá nhân về thế giới bên kia.

Nhưng, tôi nhắc lại, những thời đó là quá khứ, và ngày nay những bài viết như thế này không mang lại nguy hiểm nào cho tác giả hơn là cho người đọc sau đó. Nhất quá có thể xảy ra là bản dịch và phát hành sách của ông sẽ bị cấm tại một nước này hay nước khác - và dĩ nhiên, cho chính xác trong một xứ sở vốn nó đoan chắc vào trình độ văn hóa cao của nó. Nhưng nếu một người đưa vào bất kỳ một bào chữa nào tất cả đi nữa, cho sự chối bỏ những ước muốn và cho sự phục tùng vào Số phận, một người cũng phải có khả năng chịu đựng loại thương tổn này.

Câu hỏi xa hơn nữa xảy ra với tôi là không biết liệu xuất bản tác phẩm này có thể không làm hại gì hết tất cả hay không. Không với một người, tuy nhiên, nhưng với một mục đích – mục đích của phân tâm học. Bởi vì không thể phủ nhận rằng khoa phân tâm là sáng tạo của tôi, và nó đã gặp rất nhiều những ngờ vực và ác ý. Nếu bây giờ tôi bước ra với những tuyên bố gây bức mình như vậy, mọi người sẽ chỉ là quá sẵn sàng thực hiện một chuyển dịch từ con người tôi sang phân tâm học. “Bây giờ chúng ta thấy đó”, họ sẽ nói, “phân tâm học dẫn đến chỗ nào. Mặt nạ đã rơi xuống; nó dẫn đến một sự phủ nhận về Gót, và về một lý tưởng đạo đức, như chúng ta luôn luôn đã nghi ngờ. Để giữ chúng ta khỏi khám phá này, chúng ta đã bị lừa vào nghĩ rằng phân tâm học không có Weltanschauung, và không bao giờ có thể dựng được một”. [2]

Một phản đối kịch liệt thuộc loại này sẽ thực sự là khó chịu cho tôi, bởi vì nhiều đồng nghiệp của tôi, một vài trong số họ, dù bất kỳ cách nào đi nữa, không chia sẻ thái độ của tôi về những vấn đề tôn giáo. Nhưng khoa phân tâm học đã trải qua nhiều những bão tố rồi, và bây giờ nó phải dũng cảm với cơn bão mới này. Trong thực tế, phân tâm là một phương pháp nghiên cứu, một dụng cụ vô tư, giống như phép tính số học vi phân đã là. Nếu một nhà vật lý, với sự giúp đỡ của phép tính vi phân, đã khám phá rằng sau một thời gian nhất định nào đó, trái đất sẽ bị hủy hoại, dẫu vậy chúng ta sẽ ngần ngại gán những khuynh hướng phá hoại với chính môn số học và do đó sẽ cấm trừ nó.

Không có gì mà tôi đã nói ở đây về giá trị sự thật của những tôn giáo đã cần đến sự hỗ trợ của phân tâm, nó được những người khác nói đã từ lâu, trước

khi phân tâm ra đời. Nếu ứng dụng của phương pháp phân tâm làm cho có khả năng tìm thấy một luận chứng mới chống lại những chân lý của tôn giáo, mặc kệ cho tôn giáo, nhưng những người bảo vệ tôn giáo sẽ bằng cùng quyền đó, đem sử dụng phân tâm nhằm mục đích mang lại giá trị đầy đủ cho ý nghĩa tác dụng của những học thuyết tôn giáo.

Và bây giờ tiến hành với sự biện hộ của chúng ta. Tôn giáo rõ ràng đã thực hiện những dịch vụ lớn lao cho văn minh loài người. Nó đã đóng góp nhiều đối với sự thuần hóa những bản năng phi xã hội. Nhưng không đủ. Nó đã cai trị xã hội loài người nhiều hàng ngàn năm, và đã có thời gian cho thấy những gì nó có thể đạt được. Nếu nó đã thành công trong việc làm cho phần lớn nhân loại hạnh phúc, trong việc an ủi họ, trong việc làm họ cam chịu với đời sống, và trong việc làm họ thành những cỗ xe của văn minh, không có ai sẽ mơ đến toan tính gặng thay đổi những điều kiện hiện hữu. Nhưng thay vào đó, chúng ta thấy những gì?

Chúng ta thấy một con số lớn đáng kinh hãi của con người không hài lòng với văn minh và bất hạnh trong nó, và cảm thấy nó như một cái ách phải rũ bỏ ra, và rằng những người này hoặc là làm mọi thứ trong quyền lực của họ để thay đổi văn minh đó, hoặc khác nữa, chừng nào thù địch của họ với nó, họ sẽ không có dây dưa gì với văn minh, hoặc với một sự hạn chế về bản năng. Ở điểm này, sẽ có phản đối với chúng ta rằng tình trạng này của sự việc là do chính sự kiện tôn giáo đã mất đi một phần ảnh hưởng của nó đối với đám đông con người, bởi vì tác dụng đáng trách của những tiến bộ của khoa học. Chúng ta sẽ ghi chú sự thú nhận này và lý do đã đưa ra cho nó, và chúng ta sẽ sử dụng nó sau này cho những mục đích riêng của chúng ta, nhưng tự thân sự phản đối không có sức mạnh.

Là điều đáng ngờ vực - không biết liệu con người nói chung đã hạnh phúc hơn trong một thời khi những giáo lý tôn giáo nắm giữ thế lực không bị hạn chế; đạo đức hơn họ chắc chắn đã là không. Họ luôn luôn biết làm thế nào phô bày những giới luật của tôn giáo ra bên ngoài, và thế nên làm không thấy những ý định của họ.

Những thầy chăn chiên, mà nhiệm vụ chính là đảm bảo sự tuân phục tôn giáo, đã gặp họ nửa đường trong điều này. Sự tử tế của Gót phải đưa một tay

ra kiểm chế về công lý của Ngài. Một người một khi đã tội lỗi, và sau đó một người dâng tế một hy sinh hay làm một ăn năn, và sau đó một người là lại tự do để tội lỗi một lần nữa.

Phân tích nội tâm lỗi Nga đã đạt đến độ cao của kết luận rằng tội lỗi là không thể thiếu được cho sự vui hưởng của tất cả những phước lành của ơn huệ thần thánh, do đó, ở dưới đây, tội lỗi là làm đẹp lòng với Gót. Không có gì là bí mật rằng những thầy chăn chiên chỉ có thể giữ quần chúng phục tùng với tôn giáo bằng làm những nhượng bộ lớn dường thế như vậy, với bản chất bản năng của con người.

Thế nên, đã được đồng ý: chỉ một mình Gót là mạnh mẽ và tốt đẹp, con người là yếu đuối và tội lỗi. Trong tất cả mọi thời đại, phi luân vô đạo đức đã tìm thấy hỗ trợ từ tôn giáo không kém gì hơn so với đạo đức đã nhận được [3]. Nếu những thành tựu của tôn giáo về phương diện hạnh phúc của con người, sự nhạy cảm với văn hóa[4] và sự kiểm soát đạo đức mà không tốt hơn so với thế này, câu hỏi không thể nào không nêu lên là - liệu chúng ta đã đánh giá quá đáng sự cần thiết của nó với loài người hay không, hay không biết chúng ta có khôn ngoan hay không, khi đặt nền tảng những nhu cầu văn hóa của chúng ta vào trên nó.

Chúng ta hãy cùng xem xét tình trạng không thể nhầm lẫn như ngày nay nó là. Chúng ta đã nghe thú nhận rằng tôn giáo thôi không còn có ảnh hưởng trên con người cũng như trước đây nó đã có. (Ở đây, chúng ta bàn về văn minh châu Âu Kitô). Và điều này không phải vì những hứa hẹn của nó đã ít hơn, nhưng vì người ta tìm thấy chúng ít đáng tin cậy. Chúng ta hãy cùng thừa nhận rằng lý do - mặc dù có lẽ không phải là lý do duy nhất - của thay đổi này là sự gia tăng của tinh thần khoa học trong những tầng lớp cao hơn của xã hội con người. Những phê bình đã làm héo chết đi giá trị bằng chứng của những văn bản tôn giáo, khoa học tự nhiên đã đưa lên cho thấy những sai lầm trong chúng, và nghiên cứu so sánh đã bị giáng đòn choáng váng trước sự giống nhau chết người giữa những ý tưởng tôn giáo mà chúng ta tôn kính, và những sản phẩm tinh thần của những những dân tộc và thời đại nguyên thủy.

Tinh thần khoa học mang đến một thái độ đặc biệt đối với những vấn đề của thế gian; đứng trước những vấn đề tôn giáo, nó dừng lại một chút ngập ngừng, và cuối cùng ở đó, nó cũng vượt qua ngưỡng cửa. Trong tiến trình này không có sự dừng lại, số con người - mà những kho tàng kiến thức trở nên dễ tiếp cận – càng lớn bao nhiêu, càng phổ biến rộng rãi sự rơi-rụng-tránh-xa khỏi niềm tin tôn giáo - lúc đầu chỉ từ những phạm bầy đã lỗi thời và đáng phản đối của nó, nhưng sau đó cũng từ những định đề nền tảng của nó. Những người Mỹ là những người đã dựng lên vụ “xử án khi” ở Dayton [5] đã cho thấy chính họ mà thôi là đúng như thế. Ở những nơi khác, sự chuyển đổi không thể tránh khỏi thì được thực hiện bằng cách nửa chừng và không thành thật.

Những người có học thức và lao động trí não ít sợ hãi văn minh. Trong họ, sự thay thế những động cơ tôn giáo để ứng xử văn minh bằng cái khác, những động cơ thế tục, sẽ tiến hành không bị ngăn trở, hơn thế nữa, những người như vậy, trong một mức độ, bản thân họ chính là những cỗ xe của văn minh. Nhưng nó là một vấn đề khác với khối lượng lớn của đám đông ít học và bị áp bức, những người có đủ mọi lý do để là những kẻ thù của văn minh. Vì vậy, miễn là chừng nào họ không phát hiện ra rằng người ta không còn tin vào Gót nữa, mọi sự đều trôi chảy. Nhưng họ sẽ khám phá ra điều đó, không nhầm lẫn, ngay cả nếu mảnh giấy viết này của tôi không được xuất bản. Và họ đã sẵn sàng để chấp nhận những kết quả của suy nghĩ khoa học, nhưng lại với không có sự thay đổi xảy ra trong họ vốn suy nghĩ khoa học mang lại cho con người. Phải là không có một nguy hiểm ở đây hay không - khi thù địch của những đám đông này với văn minh sẽ lao mình chống lại những điểm yếu mà họ đã tìm thấy trong bà-chủ-việc của họ?

Nếu lý do duy nhất khiến bạn phải không được giết hàng xóm của mình là bởi vì Gót đã cấm và sẽ nghiêm khắc trừng phạt bạn ở đời này hoặc ở đời sau – vậy sau khi bạn học được rằng không có Gót, và bạn không cần phải sợ trừng phạt của Ông, bạn chắc chắn sẽ giết hàng xóm của bạn mà không do dự, và bạn chỉ có thể ngăn cản được không làm như thế bằng sức mạnh trần tục. Thế nên, hoặc là những đám đông nguy hiểm này phải bị kéo dìm xuống thật chặt chẽ và giữ hết sức cẩn thận để khỏi có được bất kỳ cơ hội

nào của trí tuệ thức tỉnh, hoặc khác đi, quan hệ giữa văn minh và tôn giáo phải trải qua một xem xét lại từ nền tảng.

VIII

Người ta có thể nghĩ rằng sẽ không có những khó khăn đặc biệt nào trong cách thực hiện đề nghị vừa kể sau này. Đúng là nó sẽ bao gồm một số lượng nhất định của sự từ bỏ, nhưng có lẽ sẽ được nhiều hơn là mất, và có thể sẽ tránh được một nguy hiểm lớn. Mọi người đều sợ hãi nó, tuy nhiên, vì nó sẽ phơi văn minh ra với một nguy hiểm lại còn lớn hơn. Khi Boniface [6] đốn ngã cái cây vốn đã được những người Saxons tôn kính như linh thiêng, những người dự kiến đã chờ đợi một số sự kiện đáng sợ xảy ra theo sau sự phạm thánh này. Nhưng đã không có gì xảy ra, và những người Saxons đã chấp nhận đạo Kitô.

Khi văn minh đặt ra điều răn rằng một người không được giết người hàng xóm mà ông ghét, hoặc người chặn lối (tiến thủ) của ông, hoặc người có tài sản ông thèm muốn, điều này rõ ràng đã thực hiện trong sự quan tâm về sự tồn tại của cộng đồng con người, vốn nếu không thế, đã không là thực tiễn. Bởi vì kẻ giết người sẽ thu hút về chính hắn sự báo thù của họ hàng người bị giết, và sự ganh tị ngấm ngấm từ những người khác, những người trong chính họ tự cảm thấy cũng có xu hướng nhiều như kẻ giết người đã bạo hành như thế.

Thế nên, anh ta không hả hê với sự báo thù của mình, hay sự ăn cướp của mình được cho lâu, nhưng sẽ có tất cả những khả năng chính mình sớm bị giết. Ngay cả nếu anh ta bảo vệ mình chống lại một kẻ thù duy nhất của anh với sức mạnh phi thường và thận trọng, anh ta rồi sẽ bị ngã gục trước một kết hợp những người yếu hơn. Nếu một kết hợp thuộc loại này đã không diễn ra, việc sát hại sẽ tiếp tục không ngừng và kết quả cuối cùng sẽ là con người sẽ tiêu diệt lẫn nhau.

Chúng ta sẽ đến cùng một tình trạng của sự việc giữa những cá nhân như vẫn tồn tại ở Corsica giữa những gia đình, mặc dù ở nơi khác chỉ giữa những quốc gia. Bất an của đời sống, vốn nó là một mối nguy hiểm ngang bằng cho tất cả mọi người, bây giờ kết hợp con người thành một xã hội, nó ngăn cấm

những cá nhân không được giết hại và dành cho chính nó quyền của cộng đồng được giết bất cứ ai là người vi phạm lệnh cấm. Ở đây, sau đó, chúng ta có công lý và trừng phạt.

Nhưng chúng ta không công bố giải thích hợp lý này về việc cấm giết người. Chúng ta khẳng định rằng lệnh cấm đã được Gót ban hành [7]. Thế nên chúng ta gánh lấy vào thân để đoán ý định của Gót, và chúng ta thấy rằng ông, cũng thế, không muốn để cho con người tiêu diệt lẫn nhau.

Trong hành xử theo cách này chúng ta đầu tư vào sự nghiêm cấm văn hóa với một nghiêm trọng khá đặc biệt, nhưng đồng thời chúng ta có nguy cơ làm cho sự tuân thủ nó phụ thuộc vào niềm tin vào Gót. Nếu chúng ta bước lùi lại bước này - nếu chúng ta không gán nữa cho Gót những gì là ý định riêng của chúng ta, và nếu chúng ta tự hài lòng với đưa ra lý do xã hội – vậy sau đó, đúng nó là thật, chúng ta đã từ bỏ sự biến hình của nghiêm cấm văn hóa, nhưng chúng ta cũng tránh được hiểm nguy với nó.

Nhưng chúng ta cũng đạt được một cái gì khác nữa. Thông qua một số loại thuộc phân tán hoặc nhiễm trùng, đặc tính của thánh linh và bất khả xâm phạm - của sự thuộc về một thế giới khác, người ta có thể nói - đã lan truyền từ một vài điều cấm lớn sang qua tất cả mọi qui định văn hóa khác, luật lệ và pháp lệnh. Nhưng về những điều này, hào quang xem ra còn lâu mới thành hình: không chỉ thực chúng làm mất hiệu lực lẫn nhau bằng đem cho những quyết định trái ngược vào những thời điểm và những nơi khác biệt, nhưng ngoài điều này, chúng có mọi dấu hiệu của sự bất cập con người.

Rất dễ dàng để nhận ra trong đó những điều mà chỉ có thể là sản phẩm của sự nhận thức thiên cận, hoặc một biểu tả từ quyền lợi ích kỷ chật hẹp, hoặc một kết luận dựa trên những tiền đề khiếm khuyết.

Những lời chỉ trích mà chúng ta không thể bỏ không đem đặt ngang trước chúng, cũng giảm thiểu đến một mức độ không mong muốn sự tôn trọng của chúng ta với người khác, nhưng nhu cầu văn hóa chính đáng hơn. Bởi vì luôn luôn là một công việc khó xử để tách những gì Gót tự Ông đã yêu cầu với những gì có thể được truy nguồn đến thẩm quyền của một quốc hội toàn năng, hoặc một cơ quan tư pháp tối cao, nó sẽ là một lợi thế không thể ngờ vực gì, nếu chúng ta bỏ Gót ra khỏi hoàn toàn, và thành thật thừa nhận

nguồn gốc thuần túy con người của tất cả những quy định và những giới răn của văn minh.

Cùng với sự linh thiêng giả tạo của chúng, những điều răn và luật pháp này sẽ mất đi tính chết cứng và tính bất khả chuyển của chúng. Người ta có thể hiểu rằng chúng được làm nên, không nhiều quá để cai trị họ, trái lại, như để phục vụ những lợi ích của họ, và họ sẽ chấp nhận một thái độ thân thiện hơn với chúng, và thay vì nhắm đến bãi bỏ của chúng, sẽ chỉ nhắm vào cải thiện chúng. Đây sẽ là một bước tiến quan trọng trên đường vốn dẫn đến trở thành được hòa giải với gánh nặng của văn minh.

Nhưng ở đây bào chữa của chúng ta cho gán những lý do thuần túy lý trí với những giới luật của văn minh – đó là nói rằng, vì diễn dịch chúng từ cần thiết xã hội - bị gián đoạn bởi một nghi ngờ đột ngột. chúng ta đã chọn như thí dụ của chúng ta nguồn gốc của việc cấm giết người. Nhưng giải thích của chúng ta về nó có đi đôi với sự thật lịch sử không?

Chúng ta sợ là không, nó xuất hiện không gì khác ngoài một xây dựng logic lý trí. Với sự giúp đỡ của phân tâm học, chúng ta đã làm một nghiên cứu đích xác trên mảnh này của lịch sử văn hóa của nhân loại [8], và đặt căn bản cho chúng ta trên đó, chúng ta buộc phải nói rằng ngược lại. trong thực tế những sự việc đã xảy ra.

Ngay cả trong con người ngày nay, những động cơ thuần túy lý trí có thể tác động rất yếu chống lại những xung động đam mê. Yếu hơn đến chừng nào, khi ấy chúng đã phải là trong con người thú vật của những thời đại nguyên thủy! Có lẽ hậu duệ của ông ta ngay cả bây giờ sẽ giết lẫn nhau nếu không có sự cấm cản, nếu như đã không rằng trong số những hành vi giết người đó, đã có một vụ giết người cha nguyên thủy – vốn nó gây nên một phản ứng xúc cảm không thể cưỡng lại được với những hậu quả vô cùng lớn lao. Từ đó phát sinh điều răn: Người chớ giết người. Dưới chế độ xã hội thờ vật tổ [9], điều răn này giới hạn vào con vật thế-cha, nhưng đã là sau đó, nó mở rộng ra với người khác, mặc dù ngay cả đến ngày nó không phải là đã được phổ quát tuân theo.

Nhưng, như luận chứng mà tôi không cần phải lặp lại ở đây đã cho thấy, người cha nguyên thủy đã là hình ảnh ban đầu của Gót, mô hình mà những

thế hệ sau này đã tạo nặn chân dung của Gót. Do đó giải thích tôn giáo là đúng. Gót thực sự có đóng phần trong nguồn gốc của việc cấm đoán đó, nó đã là ảnh hưởng của ông, không phải bất cứ cái nhìn sâu sắc nào vào cần thiết xã hội, vốn đã tạo ra nó.

Và việc chuyển dịch ý chí của con người vào Gót là hoàn toàn chính đáng. Đối với những người biết rằng họ đã giết hại cha của họ bằng bạo lực, và trong phản ứng của họ với hành động vô đạo đó, họ đã nhất định sẽ tôn trọng ý muốn của ông từ rày về sau. Vì vậy, giáo lý tôn giáo cho chúng ta biết sự thật lịch sử - mặc dù chủ quan, đó là sự thật, với một số sửa đổi và cải trang nào đó - trong khi giải thích lý trí của chúng ta phủ nhận nó.

Bây giờ chúng ta quan sát thấy cửa hàng của những ý tưởng tôn giáo bao gồm không chỉ những thỏa-mãn-ước muốn nhưng cả những hồi ức lịch sử quan trọng. Ảnh hưởng đồng thời này của quá khứ và hiện tại phải cho tôn giáo một sự giàu có quyền lực, thực sự không thể so sánh. Nhưng có lẽ với giúp đỡ của một tương tự, thêm một khám phá nữa có thể bắt đầu sáng lên trong chúng ta. Mặc dù không phải là một kế hoạch tốt để cấy ghép những ý tưởng xa khỏi mảnh đất trong đó chúng lớn lên, nhưng đây là một sự phù hợp mà chúng ta không thể nào tránh không chỉ ra.

Chúng ta biết rằng một đứa trẻ nhân loại không có thể hoàn tất phát triển của nó thành công đến giai đoạn văn minh mà không đi qua một giai đoạn thần kinh, đôi khi lớn hơn và đôi khi có tính khác biệt ít hơn. Điều này là bởi vì rất nhiều nhu cầu bản năng mà sau này sẽ là chịu thiếu thỏa mãn không thể bị dập tắt bởi hoạt động hợp lý của trí tuệ của đứa trẻ, nhưng phải được thuần hóa bởi những hành vi đàn áp, đằng sau điều này, như một quy luật, nằm những động cơ của sự lo lắng.

Hầu hết những xáo động thần kinh [10] trẻ con này được vượt qua một cách tự nhiên trong quá trình lớn lên, và điều này đặc biệt đúng trong những xáo động thần kinh ám ảnh của tuổi thơ. Phần còn lại vẫn sau đó có thể dọn cho quang đãng được, bằng điều trị phân tâm.

Trong cùng một cách đúng như thế, người ta có thể giả sử, loài người như một toàn bộ, trong sự phát triển của nó thông qua những thời đại, đã rơi vào những trạng thái tương tự như những xáo động thần kinh [11], và vì cùng

những lý do - cụ thể là bởi vì trong những thời đại u tối không hiểu biết và yếu đuối trí tuệ của nó, sự từ bỏ bản năng không thể thiếu được cho sự tồn tại của cộng đồng con người chỉ có thể đạt được đến nó, bằng những phương tiện của những sức mạnh thuần túy tình cảm. Những kết quả của những quá trình này giống như dồn nén vốn nó đã diễn ra trong những thời tiền sử vẫn còn gắn liền với văn minh trong những thời gian dài.

Tôn giáo như vậy, sẽ là xáo động thần kinh phổ quát loại ám ảnh của nhân loại [12], giống như những xáo động thần kinh ám ảnh của trẻ em, nó phát sinh ra từ mặc cảm Oedipus [13], từ mối quan hệ với người cha. Nếu quan điểm này là đúng, nó được giả định là một quay-sang-bỏ-đi khỏi tôn giáo thì buộc phải xảy ra với tất yếu sinh tử của một tiến trình tăng trưởng, và chúng ta tìm thấy chính mình tại chính nối tiếp này ở giữa của giai đoạn phát triển đó. Hành vi của chúng ta vì vậy phải nên mô hình theo với của một thày giáo nhạy cảm là người không phản đối một phát triển mới đang sắp xảy ra, nhưng tìm cách làm dễ dàng lối đi của nó, và giảm thiểu bạo động từ sự đột biến của nó.

Sự so sánh tương đồng của chúng ta, cho chắc chắn, không làm kiệt quệ bản chất yếu tính của tôn giáo. Nếu, trên một mặt, tôn giáo mang đến với nó những hạn chế có tính ám ảnh, làm chính xác như một cá nhân có xáo động thần kinh về ám ảnh, mặt khác, nó bao gồm một hệ thống những ảo tưởng về ước mơ với một sự mơ cùng với một từ chối [14] thực tại, chẳng hạn như chúng ta tìm thấy trong một hình thức cô lập, ở không đâu khác ngoài bệnh amentia [15], trong một tình trạng lẫn lộn của ảo giác đầy sung sướng hạnh phúc. Nhưng đây chỉ là những tương đồng, bằng sự giúp đỡ thấy trong đó, chúng ta nỗ lực để hiểu một hiện tượng xã hội; bệnh lý của cá nhân không cung cấp cho chúng ta với một đối tác đầy đủ hoàn toàn hợp lệ.

Đã được lập lại nhiều lần (bởi chính tôi và đặc biệt bởi Theodor Reik [16]) chỉ ra, trong rất nhiều chi tiết quan trọng, sự tương tự giữa tôn giáo và xáo động ám ảnh thần kinh có thể được theo dõi tường tận, và có bao nhiêu những đặc thù và những thăng trầm trong sự hình thành của tôn giáo có thể được hiểu trong ánh sáng đó. Và nó cũng tương ứng chặt chẽ với điều này là những tín hữu mộ đạo được giữ gìn với một mức độ cao chống lại nguy cơ

một số bệnh thần kinh, sự chấp nhận của họ về xáo động thần kinh phổ quát đã miễn cho họ công việc xây dựng một xáo động thần kinh riêng cho cá nhân [17].

Kiến thức của chúng ta về giá trị lịch sử của những học thuyết tôn giáo nào đó làm tăng lên sự tôn trọng của chúng ta với chúng, nhưng không làm mất hiệu lực đề nghị của chúng ta là chúng nên ngừng, thôi được đưa ra như là lý do cho giới luật của văn minh. Về mặt ngược lại ! Những tàn dư sót lại của lịch sử đã giúp chúng ta nhìn những giáo lý tôn giáo, như chúng đã là, là những di tích xáo động thần kinh, và chúng ta bây giờ có thể biện luận rằng thời gian có thể đã đến, giống như nó đã trong một điều trị phân tích tâm lý, để thay thế những tác dụng của dồn nén bằng những kết quả của những hoạt động hợp lý của trí thức.

Chúng ta có thể thấy trước, nhưng khó mà hồi hận, rằng một tiến trình nấn lại khuôn mẫu như thế, sẽ không dừng lại ở sự từ bỏ những biến hình nghiêm trọng của những giới luật văn hóa, nhưng đó là một sự xét lại tổng quát về chúng, sẽ có kết quả trong số đó, chúng sẽ bị chấm dứt, bị diệt đi cùng. Bằng cách này, công việc được bổ nhiệm của chúng ta về hoà giải con người với văn minh sẽ đạt được đến một mức độ lớn. Chúng ta không cần phải phàn nàn về việc từ bỏ sự thật lịch sử khi chúng ta đưa ra nền tảng hợp lý trí cho những giới luật của văn minh.

Những chân lý chứa đựng trong giáo lý tôn giáo, cuối cùng sau tất cả, là quá bị bóp méo và bị che dấu nguy trang một cách hệ thống khiến đám đông nhân loại không thể nhận ra được chúng như sự thật. Trường hợp này tương tự như những gì xảy ra khi chúng ta nói với trẻ con rằng em bé mới sinh đã được con cò [18] bay đem đến. Ở đây, cũng thế, chúng ta đang nói sự thật trong y phục tượng trưng, bởi vì chúng ta biết con chim lớn ý chỉ cái gì.

Nhưng trẻ con không biết điều đó. Nó nghe chỉ phần bị bóp méo của những gì chúng ta nói, và cảm thấy rằng nó đã bị dối gạt, và chúng ta biết thông thường đến đâu sự mất lòng tin của nó với những người lớn và sự lệch hướng (như ánh sáng qua thấu kính khác loại) của nó thực sự bắt đầu từ ấn tượng này. Chúng ta đã trở nên được thuyết phục rằng tốt hơn nên tránh những biểu tượng che dấu sự thật như thế trong những gì chúng ta nói với

trẻ em, và không giữ lại một kiến thức với chúng về tình trạng chân thực của công việc tương xứng với mức độ trí tuệ của chúng [19].

Lê Dọn Bàn tạm dịch

[1] Từ Welt: thế giới + Anschauung; quan điểm: Nhân sinh và vũ trụ quan. Một cái nhìn toàn bộ hay một triết lý của một cá nhân về đời sống và vũ trụ của con người.

[2] [Xem một vài nhận xét ở cuối chương II của Inhibitions, Symptoms and Anxiety (1926d), Standard Ed., 20, 95-6]

[3] Đây là một mẫu thuẫn trong đạo Kitô – một mặt khuyến thiện, nhưng một mặt khác cũng “tha thứ” với những “ăn năn, thú tội, xưng tội, rửa tội, cứu chuộc, ban ân sủng,..” Chúng có giá trị thực tiễn là tăng hay giữ tín đồ, nhưng bản chất là “hòa hoãn” với tội lỗi, lùi bước trước dục vọng, “nhân nhượng” với bản năng con người. Như thế, không đóng góp gì với sự kiểm soát đạo đức, giáo dục luân lý nhưng thực ra còn có thể xem là a tông đồng lõa.

Sau nữa, lý thuyết về sự “chịu tội thay” như sự hy sinh của Christ là một phi luân – không ai có thể “chịu tội” thay cho ai được. Nó chỉ có ý nghĩa là chịu hình phạt thay cho một ai đó, nếu có hình phạt, nhưng không thể nhận trách nhiệm tội lỗi của người phạm tội được. Đó là phi luân, vô đạo.

Nếu A giết người, hay hiếp dâm, chẳng hạn; không gì có thể làm A tránh khỏi trách nhiệm trước tội ác đó.

[4] [Bản chất của nhạy cảm với văn hóa” đã được Freud bàn luận trong phần thứ nhất của bài viết của ông về “War and Death” (1915b), Standard Ed., 14 và một thuật ngữ tương tự “sự sẵn sàng với văn hóa” xuất hiện trong chương VIII của tập Outline of Psycho-Analysis (1940a) [1938]), ibid., 23, 201.]

[5] [Một thành phố nhỏ ở Tennessee, tại đây, năm 1925, một thầy giáo môn khoa học bị truy tố ra tòa vì đã vi phạm luật của tiểu bang khi dạy – theo thuyết Darwinism - rằng “con người phát gốc từ những động vật thấp hơn”.]

[6] [Thế kỷ VIII, Devonshire-born, “Apostle of Germany”]

[7] Thí dụ, 10 điều răn của Moses, lãnh tụ dân Do thái – nói là từ tay Gót trao cho ông.

[8] [Cf. bài luận văn thứ IV trong Totem and Taboo (1912-13).]

[9] totemism

[10] neuroses: xáo động thần kinh: một bệnh não thức (mental illness) tương đối nhẹ, không có nguyên nhân hữu cơ, gồm những triệu chứng căng thẳng: quá sức ngã lòng, chán nản, luôn lo lắng bất an, ứng xử thái quá mức thường, ám ảnh về bệnh tật (depression, anxiety, obsessive behavior, hypochondria), người bệnh vẫn không mất ý thức về thực tại ngoại giới. Trường hợp nặng hơn, mất ý thức về thực tại là psychosis (loạn thần kinh).

[11] [Freud trở lại với vấn đề này ở cuối của Civilization and its discontents (1930a). p. 44 dưới đây, trong bài cuối của New Introductory Lectures (1933a) và trong phần I của chương III của Moses and Monotheism (1939a).]

[12] the universal obsessional neurosis.

[13] Theo Freud những khát khao tính dục (sexual desires) là động lực chủ yếu thúc đẩy đời sống con người. Oedipus Complex – đã thường được quen gọi là “mặc cảm Oedipus” đến từ giả thuyết chính yếu của ông về đời sống tâm lý. Vắn tắt, giả thuyết cho rằng trong giai đoạn thành hình của đời sống tâm-lý-tính-dục (psychosexual) của con người, - bắt đầu ở tuổi thơ ấu, khoảng từ hai đến sáu – lúc ấy đứa trẻ chuyển đổi tượng yêu thương từ vú mẹ (the oral phase) sang chính người mẹ, đồng thời nảy sinh tình cảm thèm muốn mẹ và thậm chí mong giết chết cha. Như thế, nội tâm đứa trẻ phát triển hai xúc cảm ràng buộc với cha mẹ của nó, đó là thương yêu gắn bó với người cha hay mẹ khác phái tính, và gắn bó ác cảm với cha hay mẹ cùng phái tính, đứa trẻ xem như đối thủ tình cảm của nó.

“Mặc cảm” dùng để chỉ tất cả những yếu tố của một tình huống tâm lý hết sức phức tạp khó hiểu trong những liên hệ ràng buộc tâm lý giữa ba người – cha-mẹ-con – bao gồm mọi động cơ và biểu hiện của tất cả nhận thức, xúc động và thái độ của đứa trẻ trong liên hệ tay ba này. Mặc cảm Oedipus còn bao gồm sau đó những đề đập tinh thần được thiết lập để ngăn đỡ, chống cự, đè nén những tình cảm này. Freud đã gọi mặc cảm này là “cốt lõi của những triệu chứng xáo động thần kinh” (the nucleus of the neuroses) và xa hơn thế, trí não con người vận hành trên cấu trúc trung tâm này.

Mặc cảm mang tên Oedipus Rex, vốn là tên nhân vật chính trong một bi kịch cổ Hy Lạp của Sophocles – bởi định mệnh oan nghiệt khôn cưỡng, O. đã giết cha và lấy mẹ của chính mình (trong mù quáng - không tự biết).

Mặc dù lý thuyết thiết yếu liên quan đến sự phát triển đời sống tâm lý của đứa trẻ, nhưng lĩnh vực ứng dụng của nó mở rộng, nó có thể áp dụng vào tâm lý người trưởng thành và psychopathology, bởi vì tư cách ứng xử của người lớn hết sức chịu tác động từ những biến cố xảy ra trong thời thơ ấu, hơn nữa, một số những phương diện của lịch sử loài người, luân lý, và tôn giáo sẽ được sáng tỏ khi áp dụng nó vào nhân loại học văn hóa - học con người về văn hóa - cultural anthropology.

[14] [Xem bài viết về “Fetishism” (1927c). p.153 dưới đây]

[15] [‘Meynert’s ametia’: một trạng thái của lẫn lộn ảo giác trầm trọng.]

[16] [Cf. Freud, ‘Obsessive Actions and Religious Practice’ (1907b) and Reik (1927).]

[17] [Freud thường nêu lên điều này trước đây: *e.g.* trong một câu thêm vào năm 1919 trong bài nghiên cứu về Leonard da Vinci (1910c), Standard Ed., 11, 123.]

[18] stork – loại chim chân dài, cánh dài, cổ dài thuộc loài lội nước với mỏ đen dài, thuộc gia đình Ciconiidae - giống như cò (cygogne). Ở phương Tây, trong gia đình, có tục nói dối với trẻ em – khi có một em bé mới được mẹ sinh - là em bé mới ra đời do một con cò bay đem lại, tránh đi vào giải thích chuyện sinh nở.

[19] [Freud về sau nêu lên sự khác biệt giữa những gì ông gọi là sự thật “vật chất” và “lịch sử” (“material” và “historical”) trong nhiều đoạn. Xem, đặc biệt, đoạn G phần II của Luận thuyết III về Moses and Monotheism (1939a). Cf. cũng trong chú thích của người biên tập về chủ đề trong chương XII (C) của the PsychoPathology of Everyday Life (1901b)), Standard Ed., 6, 256.]

IX

“Bạn cho phép chính bạn có những mâu thuẫn vốn chúng khó hòa giải với nhau. Bạn bắt đầu bằng nói rằng một đoạn viết như của bạn là hoàn toàn vô hại: không ai sẽ để tự mình bị cướp mất đức tin của mình bằng những cân

nhắc thuộc loại trong đó đã đưa ra. Nhưng bởi vì dù sao đi nữa nó là ý định của bạn, như trở nên rõ ràng về sau này, để đánh đổ đức tin đó, chúng tôi có thể hỏi tại sao trong thực tế bạn xuất bản công trình của bạn?

Trong một đoạn văn khác, hơn nữa, bạn thú nhận rằng nó có thể là nguy hiểm, thực sự rất nguy hiểm, cho một ai đó khám phá ra rằng người ta không còn tin vào Gót nữa. Cho tới nay anh ta đã là ngoan ngoãn, nhưng bây giờ anh ta ném bỏ sự vâng lời của mình với giới luật của văn minh. Tuy nhiên, toàn bộ luận điểm của bạn chỉ trích gay gắt những giới răn của văn minh trên những cơ sở tôn giáo tạo thành một nguy hiểm cho văn minh dựa trên giả định rằng người có tín ngưỡng có thể được quay sang thành một người vô tín ngưỡng [1]. Chắc chắn đó là một mâu thuẫn hoàn toàn.

“Và đây là một điều nữa. Một mặt bạn thừa nhận rằng con người không thể được hướng dẫn thông qua trí tuệ của họ, họ bị những đam mê và những nhu cầu bản năng của họ cai quản. Nhưng một mặt khác bạn đề nghị thay thế cơ sở tình cảm của sự tuân phục của họ với văn minh với của một lý trí hợp logic. Để xem ai là người có thể hiểu được điều này. Đối với tôi, có vẻ như là phải một điều này hoặc điều kia.

“Bên cạnh đó, bạn đã không học được gì từ lịch sử hay sao? Một lần trước đây, một nỗ lực thuộc loại này đã được thực hiện để thay thế tôn giáo bằng lý trí, một cách chính thức và trong phương cách lớn lao. Chắc chắn bạn nhớ Cách mạng Pháp và Robespierre? Và bạn cũng phải nhớ thử nghiệm đã sống thật ngắn ngủi và vô hiệu quả thảm hại đến chừng nào? Cùng thí nghiệm tương tự đang được lập lại ở Nga trong thời điểm hiện tại, và chúng ta không cần cảm thấy tò mò về phần kết quả của nó. Bạn không nghĩ rằng chúng ta đã quên như không biết rằng con người không thể làm gì với không có tôn giáo?

“Bạn đã nói với chính bạn rằng tôn giáo thì không gì hơn là một ám ảnh xáo động thần kinh. Nhưng bạn đã không giải quyết với phía bên kia của nó. Bạn hài lòng thành công đưa ra một tương tự với một xáo động thần kinh. Con người, bạn nói, phải được giải phóng khỏi một xáo động thần kinh. Những gì khác có thể bị mất trong tiến trình là không thuộc về quan tâm của bạn”.

Sự xuất hiện của mâu thuẫn có thể xảy ra bởi vì tôi đã giải quyết những vấn đề phức tạp quá hấp tấp. Nhưng chúng ta có thể sửa chữa điều này đến vài mức độ nào đó. Tôi vẫn cho rằng những gì tôi đã viết khá vô hại trong một chiều hướng. Không có tín đồ nào sẽ để mình bị dẫn lệch khỏi tín ngưỡng của người ấy bằng những điều này hay bất kỳ những luận chứng tương tự nào. Một tín đồ gắn bó với những giáo lý của tôn giáo bằng những ràng buộc tình cảm nhất định.

Nhưng chắc chắn có vô số những người khác, họ không phải là những tín đồ trong cùng một ý hướng. Họ tuân theo giới luật của văn minh, vì tự họ để cho mình bị những đe dọa của tôn giáo làm sợ sệt, và họ sợ tôn giáo, miễn là chừng nào họ phải xem nó như là một phần của thực tại vốn lồng họ vào trong. Họ là những người phá vỡ ngay sau khi họ được phép buông bỏ niềm tin của họ trong giá trị-thực tại của tôn giáo. Nhưng họ cũng không bị những luận chứng ảnh hưởng. Họ thôi không sợ hãi tôn giáo khi họ quan sát thấy những người khác không sợ nó, và đã là với họ mà tôi khẳng định rằng họ sẽ được biết về sự suy tàn của ảnh hưởng của tôn giáo, dẫu ngay cả như tôi đã không công bố công việc của tôi.

Nhưng tôi nghĩ rằng tự bạn đã gán nhiều sức nặng hơn với mâu thuẫn khác vốn bạn đã buộc tội tôi. Bởi vì con người tiếp cận quá ít với những lập luận hợp lý và quá hoàn toàn bị những nhu cầu bản năng của họ chi phối, tại sao một người nên bắt đầu định tước đi của họ một sự thỏa mãn bản năng, và thay thế nó bằng những lập luận hợp lý? Đó là sự thật rằng con người là như thế này, nhưng bạn có hỏi mình liệu họ phải là như thế này hay không, liệu bản chất thâm sâu nhất của họ bắt phải có nó hay không? Có thể nào một nhà nhân chủng học cho chỉ số sọ của một giống người mà phong tục của họ là bóp méo đầu trẻ em của họ, bằng cách quấn băng quanh đầu chúng từ những năm sớm nhất của chúng hay không ?

Hãy nghĩ về sự tương phản tuyệt vọng giữa trí thông minh rạng rỡ của một đứa trẻ khỏe mạnh và trí lực yếu đuối của người lớn trung bình. Có thể nào chúng ta hoàn toàn khá chắc chắn rằng đúng không phải là giáo dục tôn giáo vốn hứng chịu một phần lớn khiển trách vì sự bại liệt tương đối này hay không? Tôi nghĩ rằng nó sẽ là một thời gian rất lâu trước khi một đứa trẻ

không bị ảnh hưởng bắt đầu tự nó có bản khoản về Gót và những sự việc ở một thế giới khác. Có lẽ những suy nghĩ của nó về những vấn đề này rồi sau đó sẽ trên cùng những nẻo đường giống như chúng đã đến với cha ông của nó.

Nhưng chúng ta đã không chờ đợi cho một phát triển như vậy; chúng ta giới thiệu nó với giáo lý tôn giáo ở một tuổi khi ấy nó vừa không quan tâm đến chúng, cũng chẳng có khả năng nắm bắt những gì chúng thâm nhập. Không đúng sự thật hay sao - rằng hai điểm chính trong chương trình giáo dục của trẻ em ngày nay - là trì hoãn phát triển tình dục và bắt đầu ảnh hưởng tôn giáo sớm? Như vậy đến thời điểm trí tuệ của đứa trẻ thức tỉnh, những giáo lý tôn giáo đã trở nên không thể công kích được.

Nhưng có phải bạn có ý kiến rằng là rất có ích lợi với sự tăng cường chức năng trí tuệ nhưng một lĩnh vực hết sức quan trọng như thế lại nên bị đóng lại vì sự đe dọa của lửa hỏa ngục? Khi một con người đã một lần mang mình đến chấp nhận không phê phán tất cả những xuẩn động mà giáo lý tôn giáo đem đặt trước ông ta, và thậm chí người ấy không nhận thấy những mâu thuẫn giữa chúng, chúng ta không cần phải hết sức ngạc nhiên trước sự yếu kém của trí tuệ của ông ta.

Nhưng chúng ta không có phương tiện nào khác để kiểm soát bản năng tự nhiên của chúng ta ngoài trí thông minh của chúng ta. Làm sao chúng ta có thể mong đợi người ta là những kẻ chịu dưới thống trị của những cấm đoán của tư tưởng để đạt được lý tưởng tâm lý, ưu việt của trí thông minh?

Bạn cũng biết đấy, rằng phụ nữ nói chung được nói là chịu thiệt bị “đần độn nhu nhược gốc sinh lý” [2] - có nghĩa là, mang một trí thông minh thấp hơn đàn ông.

Sự kiện tự nó thì gây tranh cãi, và giải thích về nó thì đáng nghi ngờ, nhưng một luận chứng thuận lợi cho sự trí tuệ héo hon này như một bản tính tự nhiên thứ hai, là phụ nữ lao động dưới sự khắc nghiệt của một cấm đoán lúc ban đầu, chống suy nghĩ của họ quay về với những gì vốn sẽ là quan tâm đến họ nhất - cụ thể là, những vấn đề của đời sống tình dục. Cho đến chừng nào những năm đầu của một người bị ảnh hưởng không chỉ bởi một sự ức chế của tư tưởng tình dục, mà cũng còn bởi một sự ức chế tôn giáo, và của

một ước chế trung thành [3] với cha mẹ và thầy cô giáo, chúng ta không thực sự không thể bảo người ấy là giống thế nào trong thực tế.

Nhưng tôi sẽ điều hòa nhiệt tình của mình và thú nhận là tôi cũng vậy, có khả năng đương theo đuổi một ảo tưởng. Có lẽ tác dụng của cấm đoán tôn giáo về tư tưởng có thể không quá tệ như tôi nghĩ, có lẽ sẽ thành ra rằng bản chất con người vẫn giữ nguyên thế ngay cả nếu như giáo dục đã không bị lạm dụng ngô hầu đẩy con người thành đối tượng của tôn giáo.

Tôi không biết và bạn không thể biết một trong hai. Nó không phải là vấn đề lớn độc nhất của đời sống này vốn có vẻ như không có giải pháp trong thời hiện tại, nhiều những câu hỏi thấp hơn nữa cũng còn là khó trả lời. Nhưng bạn phải thừa nhận rằng ở đây chúng ta là chính đáng trong việc có một hy vọng về tương lai – rằng có lẽ có một kho tàng để đào lên, có khả năng làm phong phú thêm văn minh, và rằng nó đáng bỏ công làm thí nghiệm về một nền giáo dục không-tôn giáo. Nếu như thí nghiệm rồi chứng tỏ tệ hại không chấp nhận được, tôi đã sẵn sàng bỏ rơi sự cải cách và quay về với phán đoán thuần mô tả của tôi, rằng con người là một sinh vật thuộc về trí tuệ yếu đuối, nó bị những thèm muốn bản năng của nó cai trị.

Về điểm khác, tôi thẳng thắn đồng ý với bạn. Chắc chắn là điều vô nghĩa để bắt đầu với cố gắng chấm dứt tôn giáo bằng sức mạnh và trong một cú đánh độc nhất.

Trên hết tất cả, bởi vì nó sẽ là vô vọng. Những tín đồ sẽ không để cho niềm tin của họ, hoặc bằng những lập luận hoặc bằng những cấm đoán, bị tước khỏi họ. Và thậm chí nếu điều này có thành công với một số người, nó sẽ là tàn ác.

Một người đã vẫn từng uống thuốc ngủ trong hàng chục năm là tự nhiên không thể ngủ nếu thuốc ngủ của ông bị lấy khỏi ông. Rằng ảnh hưởng an ủi của tôn giáo có thể được ví như của một chất ma túy [4], được minh họa rõ ràng bằng những gì đang xảy ra ở nước Mỹ. Hiện họ đang cố gắng, rõ ràng là dưới ảnh hưởng của chính phủ nhu nhược - tước đi mọi chất kích thích, những chất làm say sưa, và những chất gây lạc thú khác, và thay vào đó, như cách đèn bù, dồn tống cho họ lòng tín mộ tôn giáo. Đây là một thử nghiệm khác, kết quả của nó chúng ta chẳng cần phải cảm thấy tò mò [5].

Thế nên, tôi phải mâu thuẫn với bạn khi bạn tiếp tục biện luận rằng con người hoàn toàn không thể sinh hoạt mà thiếu sự an ủi của ảo tưởng tôn giáo, rằng nếu không có nó, họ không thể gánh chịu nổi những khó khăn của đời sống và sự tàn bạo của thực tại.

Đó là sự thật, hẳn thế, đối với những con người vốn bạn đã thâm nhiễm cái ngọt – hay chất độc - đắng-bọc-đường - trong họ từ thời thơ ấu trở đi. Nhưng còn đối với những người khác thì sao, những người đã trưởng thành lành mạnh hợp lý?

Có lẽ ai là những người không chịu khổ vì xáo động thần kinh sẽ không cần thức uống say để làm dịu nhẹ nó đi. Họ sẽ, đó là sự thật, tìm thấy tự thân họ trong một tình huống khó khăn. Họ sẽ phải chấp nhận với chính họ phạm vi hoàn toàn của sự bất lực không thể tự bảo vệ của họ và sự vô nghĩa của họ trong guồng máy của vũ trụ, họ thôi không thể còn là tâm điểm của sự sáng tạo, thôi không còn là đối tượng của sự chăm sóc dịu dàng về phần của một Gót lo xa phúc thiện.

Họ sẽ ở cùng vị trí như của một đứa trẻ đã rời nhà cha mẹ, nơi nó đã rất ấm áp và thoải mái. Nhưng chắc chắn tính trẻ con là tất phải bị khắc phục. Con người không thể cứ còn mãi mãi là trẻ em bao giờ, đến cuối cùng họ phải ra ngoài, đi vào trong “trường đời thù nghịch”. Chúng ta có thể gọi đây là “giáo dục với thực tế”. Có cần tôi thú nhận với bạn hay không - rằng mục đích duy nhất của quyển sách của tôi là để chỉ ra sự cần thiết cho bước tiến tới trước này?

Bạn đang sợ, có lẽ, rằng họ sẽ không đứng vững nổi với thử nghiệm khó khăn?

Vâng, ít nhất chúng ta hãy cùng hy vọng là họ sẽ. Nó là một cái gì, ở bất kỳ mức độ nào, để biết rằng một người bị ném vào trên chính những nguồn lực của riêng người đó. Một người rồi sau đó học để có một sử dụng chúng cho thỏa đáng. Và con người không phải là hoàn toàn không có trợ giúp. Kiến thức khoa học của họ đã dạy họ nhiều kể từ những ngày của trận Đại hồng thủy, và nó sẽ làm tăng quyền năng của họ xa hơn thêm nữa.

Và đối với những tất yếu lớn lao của Số phận, chống với chúng mà không có được giúp đỡ, họ sẽ học cách chịu đựng chúng với sự cam chịu nhẫn nhục.

Để làm gì với họ là ảo vọng về những mẫu đất rộng bạt ngàn trên mặt trăng, mùa gặt của chúng chưa ai từng đã thấy?

Là những người chân thực giữ những mảnh đất nhỏ trên mặt đất này, họ sẽ biết làm thế nào để xới trồng mảnh đất của họ trong một cách mà nó nuôi sống họ. Bằng cách thu hồi những mong đợi của họ khỏi thế giới bên kia, và tập trung tất cả những nguồn năng lượng được giải phóng của họ vào đời sống của họ trên trần gian, họ rồi có thể sẽ thành công trong việc đạt được một tình trạng của những sự việc, trong đó đời sống sẽ trở thành chấp nhận được cho tất cả mọi người, và văn minh thôi không còn áp bức bất cứ ai nữa. Sau đó, với một trong những người bạn vô thần của chúng ta, họ sẽ có thể nói với không hối tiếc:

Chúng ta hãy bỏ lại thiên đường,

Cho những thiên thần và những con chim sẻ. [6]

Lê Dọn Bàn tạm dịch

Chú thích:

[1] Freud muốn nói – trong văn minh phương Tây, người ta vẫn giả định cơ sở là con người phải có một tôn giáo, xem đó là nền tảng của đạo đức cá nhân và xã hội, nếu con người trong văn minh đó trở nên vô thần; e rằng văn minh đó không đứng vững, vì luân lý xã hội sụp đổ.

Thâm nhiễm truyền thống Kitô hai nghìn năm qua, trong ngôn từ thông thường bình dân – Anh Mỹ chẳng hạn – một con người “tin sợ Gót” có nghĩa là một người có đạo đức nào đó, hay thêm nữa “năng đi nhà thờ”, như một bình phẩm nói về một người bình thường, ít nhiều đáng tin, đứng đắn, và mỗi khi thề hứa một điều gì nghiêm trọng, họ vẫn có thông tục đặt tay lên quyển kinh Thánh.

Từ hai thế kỷ qua, số lượng những người vô thần được biết càng tăng, nhà thờ thưa vắng, nhưng đối với quan điểm “vô thần”, những người phương Tây bình dân vẫn thường vẫn nêu các trường hợp phổ biến như Adolf Hitler Nazi với Holocaust, Xô viết Nga với Stalin cùng những thanh trừng, khủng bố đẫm máu,... như cảnh cáo về hiểm họa của ‘vô thần’, xem đó là những liều thuốc “độc” của hiện tượng phi tôn giáo!

Sự thực là chủ nghĩa dân tộc quá khích ở nước Đức, hay chủ nghĩa cách mạng vô sản ở Nga, hay bất kỳ những trường hợp quá khích nào trong chính trị, mỗi chúng đều là một anh em song sinh với tôn giáo độc thần, trước sau đều có liên hệ với - điển hình là - đạo Kitô. Chúng ra đời từ sự khái niệm về phân biệt “trong-ngoài nhóm”, sự độc tôn tư tưởng (tôn giáo, dân tộc hay chính trị - một Gót duy nhất, duy nhất đúng – không thể sai lầm), lấy cứu cánh biện minh những phương tiện tàn độc thấy trong sự hy sinh thực tại cho những gì ở ngoài thời gian, không gian này; và những gì lịch sử chưa biết có đi đến hay không, những gì – trong đoạn sau – Freud gọi là “những mẫu đất rộng bạt ngàn trên mặt trăng, mùa gặt của chúng chưa ai từng đã thấy?”.

Russell, ở nhiều chỗ khác, đã chỉ ra – văn tắt – điện Kremlin là một “biến thân” của Vatican – những người theo Marx đã lấy “nước cha ta trên trời” của Christ đem xuống trần gian, rồi quyết liệt vượt thời gian, hối hả đi cho đến cuối đường lịch sử, nơi xã hội không còn đấu tranh gia cấp, của cải là chung, tài nguyên phân phối công bằng, mọi người hưởng một thứ hạnh phúc của “thế giới đại đồng”. Nước Chúa mà những hội Nhà thờ của Paul rao giảng chuyển thành thiên đàng hạ giới của những Nhà nước vô sản! – thời hoàng kim của con người sẽ đến, nhưng không phải đợi ngày tận thế vẫn đe dọa với “phán xét cuối cùng”.

Nhưng bây giờ người phương Tây đã tỉnh ngộ, mạnh bạo lên tiếng, đặt câu hỏi phổ thông – có thể có một nền đạo đức mà không dựa trên tôn giáo hay không?

Nói thông thường – nếu không có Gót, không có tôn giáo, lấy gì làm tiêu chuẩn cho tốt xấu, đúng sai. Sau khi họ sáng suốt và tỉnh ngộ nhận ra – những tôn giáo Abraham với những gốc rễ sâu xa của hầu hết những phi luân, vô đạo, chiến tranh tàn ác, và trên hết, sự nô lệ tinh thần con người. Tin vào một Gót là không tin vào con người, điển hình là không tin vào khả năng của con người, tức là khoa học, và lý trí của nó. Tin vào một ảo tưởng trên kia, bên kia, là quên thực tại sự sống bây giờ và ở đây.

Về vấn đề này – chúng ta từ phương Đông, may mắn có câu trả lời từ thực tại lịch sử khẳng định và minh mạch, trong hơn hai nghìn năm qua, trong khi

ở phương tây, từ thánh chiến ở Trung Đông với những người thờ cùng Gót nhưng khác tên gọi, đến chiến tranh diệt chủng, diệt văn hóa với những dân tộc bản địa châu Mỹ, rồi chiến tranh thời Phục hưng giữa những người cùng tín ngưỡng (Catô và Tinlành), ...

Trong khi đó, ở phương Đông với những tôn giáo – hay đúng hơn những tín ngưỡng vô thần – đã có một nền luân lý rất cao, đạo đức xã hội vững mạnh. Ít nhất trong rất nhiều phương diện, không có những chiến tranh diệt chủng, diệt văn hóa vì tôn giáo, không có chiến tranh tôn giáo loại như thánh chiến, cũng không có nạn buôn nô lệ, và sự đàn áp đè nén phụ nữ như ở phương Tây, và nhất là không có ai bị đốt sống vì tội bất đồng tôn giáo, tín ngưỡng.

[2] [Moebius đã dùng từ này (1903). Cf. Bản văn trước đây của Freud về đạo đức tình dục “văn minh” (1908d), Standard Ed., 9]

[3] Theo bản tiếng Pháp (l’inhibition mentale “loyaliste” envers les parents et les éducateurs) – trong bản tiếng Anh giải thích là trung thành với nhà vua, tôi nghĩ là không đúng.

[4] Marx đã – nổi tiếng – gọi tôn giáo là “opium of the people”:

“Tôn giáo, thực vậy, là sự tự ý thức và tự đánh giá của con người, con người ấy hoặc chưa thăng đạt đến chính mình, hoặc đã lại đánh mất chính mình lần nữa. Nhưng con người không là kẻ trừu tượng ngồi xồm thành thoir ngoài thế giới. Người là thế giới của con người – nhà nước, xã hội. Nhà nước này và xã hội này tạo ra tôn giáo, vốn nó là một ý thức ngược đầu của thế giới, bởi vì nó là một thế giới lộn ngược.

Tôn giáo là lý thuyết tổng quát của thế giới này, là bách khoa toàn thư tóm lược của nó, là logic của nó trong hình thức phổ thông, là điểm bảo vệ danh dự tinh thần của nó, là nhiệt tâm của nó, là cấm cản đạo đức của nó, là nghiêm trọng tán thưởng của nó, và là cơ sở phổ quát của nó cho an ủi và biện chính. Nó là sự thể hiện tuyệt vời của yếu tính con người bởi vì yếu tính con người đã chưa thu tập được bất kỳ thực tại chân thực nào. Cuộc đấu tranh chống lại tôn giáo, do đó gián tiếp là đấu tranh chống lại cái thế giới vốn tôn giáo là tinh thần tỏa dậy mùi hương của nó. Thống khổ tôn giáo, là một và đồng thời, là diễn tả của thống khổ thực sự, và phản đối chống lại thống khổ thực sự.

Tôn giáo là tiếng thở dài của sinh vật bị áp bức, trái tim của một thế giới không tim, và linh hồn của những điều kiện sống không hồn. Nó là thuốc phiện của con người. Hủy bỏ tôn giáo như hạnh phúc ảo của con người là nhu cầu cho hạnh phúc thực của họ. Kêu gọi họ bỏ đi ảo tưởng của họ về điều kiện sống của họ là kêu gọi họ bỏ đi những điều kiện vốn nó kéo đòi những ảo tưởng. Phê bình tôn giáo, do đó là, trong trứng nước, phê bình cái thung lũng ngập nước mắt vốn ở đó tôn giáo là vòng sáng lấp lánh”. (K. Marx).

[5] Bài văn viết giữa thời kỳ của “National Prohibition” ở nước Mỹ (1920-1933). Nước Mỹ ban lệnh cấm chuyên chở, bán, và sản xuất các loại rượu. Kết quả thảm hại là chợ đen (rượu) lan tràn, giết người, gäng tư lớn mạnh (nổi tiếng là Al Capone), Các tổ chức tội phạm phát triển nhanh chóng và giết người hàng loạt, chiến tranh băng đảng lan tràn qua việc cung cấp rượu trên thị trường chợ đen. Đây là thời đại của băng đảng, kể cả gangster nổi tiếng nhất Al Capone. Âm nhạc và phương tiện truyền thông khác cũng thay đổi trong thời quốc cấm này, tràn lan trong nhạc Jazz. Phim gangster nhanh chóng trở thành thể loại phổ biến, phản ánh sự coi thường pháp luật của thời đại. Tranh hoạt họa chính trị trở nên thường xuyên hơn, cho thấy cả hai mặt của vấn đề cấm rượu.

Chính phủ Mỹ, sau một thời gian dài vật vã và xấu hổ, các chính trị gia cuối cùng đã nhận ra sai lầm của mình và đã chấm dứt National Prohibition, nhưng nó đã để lại một vết nhơ trong lịch sử của nước Mỹ. Dĩ nhiên, có nhiều nguyên nhân dẫn đến sai lầm này, trong đó có các hội nhà thờ Kitô, thời bấy giờ đã cực đoan lên án rượu là khí cụ của quỷ Satan, hay gọi rượu là “men ngọt của quỷ” (“demon rum” hay “Lucifer Liquids”).

[6] [“Den Himmel überlassen wir, Den Engeln und den Spatzen” - Từ bài thơ Deutschland của Heine (Caput I).]

X

“Những điều đó nghe tuyệt vời! Một giống người là những người đã từ bỏ tất cả những ảo tưởng và như thế trở thành có khả năng làm sự tồn sinh của họ trên mặt đất có thể chịu đựng được! Tuy nhiên, tôi không thể chia sẻ

những mong đợi của bạn. Và đó không phải vì tôi là người phản động cố chấp, có lẽ bạn đã nhìn tôi như thế. Không, đó là vì tôi là một người biết điều hợp lý.

Chúng ta bây giờ dường đã đổi các vai trò: bạn xuất hiện như một người nồng nhiệt, người cho phép mình được những ảo tưởng cuốn đi xa, và tôi bên vực cho những tuyên đòi của lý trí, những quyền của chủ nghĩa hoài nghi.

Những gì bạn đã giảng giải chi tiết dường như với tôi được xây dựa trên những sai lầm, bắt chước thí dụ của bạn, tôi có thể gọi chúng là những ảo tưởng, vì chúng phản bội rõ ràng đủ hết ảnh hưởng của những mong muốn của bạn. Bạn gán hy vọng của bạn về sự khả hữu những thế hệ vốn không trải qua kinh nghiệm bị ảnh hưởng của những học thuyết tôn giáo trong thời thơ ấu sẽ dễ dàng đạt được sự ưu việt mong muốn của trí tuệ bên trên đời sống của những bản năng. Điều này chắc chắn là một ảo tưởng: trong phương diện quyết định này, bản chất con người khó có khả năng thay đổi.

Nếu tôi không nhầm - kẻ biết quá ít về những văn minh khác – ngay cả đến ngày nay, có những giống người đã không lớn dậy dưới áp lực của một hệ thống tôn giáo, ấy thế nhưng họ không đến gần với lý tưởng của bạn hơn so với phần còn lại. Nếu bạn muốn đuổi tôn giáo ra khỏi văn minh châu Âu chúng ta, bạn chỉ có thể làm thế bằng những phương tiện của hệ thống những học thuyết khác, và một hệ thống như thế, ngay từ đầu chắc chắn thế chỗ tất cả những đặc điểm tâm lý của tôn giáo – cũng lại thiêng liêng, cứng nhắc và không khoan dung, lại cùng những cấm đoán tư tưởng – cho sự phòng vệ của chính nó.

Bạn phải có một cái gì đó thuộc loại nhằm đáp ứng những yêu cầu của giáo dục. Và bạn không thể nào mà không có giáo dục. Con đường từ trẻ sơ sinh bên vú mẹ đến con người văn minh là một con đường dài, trên đó quá nhiều người trẻ sẽ đi lạc và thất bại, không đạt được những nhiệm vụ đời người ở thời điểm thích hợp, nếu họ đã bị bỏ mặc không hướng dẫn về sự phát triển của riêng họ. Những học thuyết vốn được áp dụng trong sự giáo dục họ sẽ luôn luôn đặt những giới hạn trên những suy nghĩ của họ những năm trưởng

thành - đó đích xác là những gì bạn khiến trách tôn giáo đương làm ngày nay.

Bạn không quan sát rằng đó là một khuyết tật bẩm sinh không thể xóa sạch được của văn minh chúng ta và của tất cả mỗi văn minh khác hay sao, là nó áp đặt trên trẻ em, chúng bị bản năng lèo lái và yếu đuối trong trí tuệ, làm những quyết định mà chỉ có trí thông minh trưởng thành của những người lớn mới có thể không lầm lỗi ? Nhưng văn minh không thể nào làm khác, vì sự kiện rằng sự phát triển lâu dài qua thời gian của nhân loại đã được nén vào một vài năm của thời thơ ấu, và nó chỉ là bằng những sức mạnh tình cảm mà đứa trẻ có thể được đưa dẫn vào để làm chủ nhiệm vụ đặt trước nó. Như vậy, sau đây, là triển vọng cho ‘sự ưu việt của trí tuệ’ của bạn”.

“Và bây giờ bạn phải dừng ngạc nhiên nếu vì lợi ích tôi xin giữ lại hệ thống giáo lý tôn giáo như là cơ sở của giáo dục và của đời sống cộng đồng con người. Đây là một vấn đề thực tế, không phải là một câu hỏi về giá trị thực tại. Bởi vì, cho lợi ích của việc bảo tồn văn minh của chúng ta, chúng ta không thể trì hoãn việc ảnh hưởng đến cá nhân cho đến khi anh ta đã trở nên chín muồi cho văn minh (và nhiều người sẽ không bao giờ trở nên được thế dù thế nào đi nữa), bởi vì chúng ta buộc phải áp đặt trên những đứa trẻ đương lớn, một vài hệ thống học thuyết vốn sẽ tác hành trong nó như một tiên đề không chấp nhận phê bình; hệ thống của tôn giáo cho đến nay, xem ra như với tôi, là thích hợp nhất cho mục đích này.

Và nó là như vậy, dĩ nhiên, đích xác vì sự mong muốn thành hiện thực của nó và vì sức mạnh an ủi nguôi lòng của nó, vốn qua chúng bạn kêu gọi để nhận rõ nó như là một “ảo tưởng”. Nhìn theo hướng của sự khó khăn trong khám phá ra bất cứ điều gì về thực tại – quả thật vậy, của sự hoài nghi không biết liệu có thể là có thể được cho chúng ta làm như thế tất cả hay không – chúng ta phải không được bỏ qua sự kiện là những nhu cầu con người, cũng vậy, là một mảnh của thực tại, và, trên thực tế, một mảnh quan trọng và một mảnh vốn nó quan tâm chúng ta đặc biệt chặt chẽ.

“Một lợi thế khác của những học thuyết tôn giáo, đối với não thức của tôi, ngụ ở một trong những đặc điểm của nó mà bạn dường như đặc biệt bỏ qua. Bởi vì nó cho phép một dải lọc và thăng hoa của những ý tưởng, làm cho nó

có thể xóa bỏ được hầu hết những dấu vết vốn nó mang thuộc về suy tưởng nguyên sơ và ấu trĩ. Những gì vẫn còn sau đó là một cơ thể gồm những ý tưởng mà khoa học không mâu thuẫn nữa và không có khả năng bác bỏ.

Những thay đổi của những học thuyết tôn giáo, mà bạn đã lên án như những biện pháp nửa chừng và những thỏa hiệp, làm cho nó có thể để tránh cái vực phân chia giữa quần chúng ít học và nhà tư tưởng triết học, và gìn giữ sự gắn bó chung giữa họ vốn là rất quan trọng đối với sự bảo vệ cho văn minh. Với điều này, sẽ không cần phải lo sợ những con người của đám đông sẽ khám phá rằng những tầng lớp trên của xã hội “không còn tin vào Gót”. Tôi nghĩ bây giờ tôi đã chỉ ra rằng nỗ lực của bạn đi xuống đến một cố gắng để thay thế một ảo tưởng có giá trị tình cảm đã được kiểm chứng bằng một ảo tưởng khác, vốn nó còn chưa được kiểm chứng và không có giá trị tình cảm”.

Bạn sẽ tìm thấy không phải là tôi không tiếp nhận những chỉ trích của bạn. Tôi biết khó như thế nào để tránh những ảo tưởng, có lẽ những hy vọng tôi đã thú nhận cũng là thuộc một bản chất ảo tưởng. Nhưng tôi giữ vững một sự phân biệt. Ngoài thực tế là không có hình phạt áp đặt nếu không chia sẻ chúng, ảo tưởng của tôi là không, giống như của tôn giáo, không có khả năng sửa chữa. Chúng không có đặc tính của một ảo tưởng.

Nếu kinh nghiệm sẽ cho thấy - không với tôi, nhưng với những người khác sau tôi, họ nghĩ như tôi, rằng chúng ta đã sai lầm, chúng ta sẽ từ bỏ những mong đợi của chúng ta. Hãy nhận cố gắng của tôi như những gì nó là. Một nhà tâm lý học, một người không tự lừa mình về những khó khăn của việc tìm ra những ứng xử của một người trong thế giới này, làm cho một nỗ lực để đánh giá sự phát triển của con người, dưới ánh sáng của cái phần nhỏ của kiến thức, ông đã đạt được thông qua một nghiên cứu về những tiến trình tinh thần của những cá nhân trong phát triển của họ từ đứa trẻ đến người lớn. Khi làm như vậy, ý tưởng tự nó nảy đến với ông ta rằng tôn giáo thì so sánh được với một xáo động thần kinh thơ ấu, và ông rất lạc quan, đủ để cho rằng nhân loại sẽ vượt qua giai đoạn xáo động thần kinh này, cũng giống như nhiều trẻ em lớn lên ra khỏi xáo động thần kinh tương tự của chúng. Những khám phá này xuất phát từ tâm lý cá nhân có thể là không đủ, ứng dụng của

chúng với giống người là không chính đáng, và lạc quan của ông không có cơ sở.

Tôi nhận cho bạn tất cả những điều không chắc này. Nhưng thường một người không thể kiềm chế không nói những gì người ấy nghĩ, và người ấy tự tha lỗi cho mình trên nền tảng là người ấy không nói nó ra nhiều hơn là trị giá của nó.

Và có hai điểm mà tôi phải dừng lại lâu hơn một chút. Thứ nhất, cái yếu trong vị trí của tôi không bao hàm bất kỳ cái vững thêm nào cho của bạn. Tôi nghĩ rằng bạn đang chống đỡ một sự việc không có cách nào chống đỡ được. Chúng ta có thể nhấn mạnh đi nhấn mạnh lại cho thỏa thích chúng ta rằng tri thức của một người thì yếu đuối khi sánh với đời sống bản năng của chính ông ta, và trong điều này chúng ta có thể là đúng. Tuy nhiên, có cái gì đó đặc biệt về sự yếu đuối này. Giọng nói của trí tuệ là một giọng nói mềm mỏng, nhưng nó không yên nghỉ cho đến khi nó được lắng nghe.

Cuối cùng, sau một chuỗi vô số những cự tuyệt, nó thành công. Đây là một trong vài điểm mà người ta có thể lạc quan về tương lai của nhân loại, nhưng trong tự thân điểm đó, nó không phải là có tầm quan trọng nhỏ. Và từ đó người ta lại còn có thể lấy được những hy vọng khác. Những tính ưu việt của trí tuệ, nó là sự thật, nằm xa trong một tương lai xa lắm, nhưng có lẽ không là một tương lai xa vô hạn.

Nó sẽ giả định đề ra trong chính nó cùng những mục tiêu giống như những mục tiêu mà bạn mong đợi từ Gót của bạn thực hiện (dĩ nhiên trong những giới hạn của con người – miễn là chừng nào thực tại ngoại giới “Ananke”, Ἀνάγκη - “Tất yếu” cho phép nó) [1], cụ thể là tình yêu thương của con người và sự giảm thiểu khổ đau. Với điều này như thế, chúng ta có thể nói với chúng ta rằng sự đối kháng của chúng ta chỉ là một tạm thời và không phải là không thể giải hòa.

Chúng ta mong muốn cùng những điều tương tự, nhưng bạn thiếu kiên nhẫn hơn, đòi hỏi hơn, và - tại sao tôi lại không nên nói - ích kỷ, đòi tư lợi nhiều hơn tôi và những người bên phía tôi?

Bạn sẽ có tình trạng cực lạc bắt đầu ngay sau khi chết, bạn mong đợi từ nó cái không thể có được và bạn sẽ không đầu hàng những tuyên đòi của cá

nhân. Gót của chúng tôi, “Lý trí” - λόγος - logos [2] sẽ đáp ứng bất kỳ điều nào trong những mong muốn này khi tự nhiên bên ngoài chúng ta cho phép, nhưng ông ta sẽ làm điều đó rất dần dần, chỉ trong tương lai không thấy trước được, và cho một thế hệ mới của con người.

Ông sẽ không hứa hẹn bồi thường cho chúng tôi, những người chịu thương đau từ đời sống. Trên đường đi đến mục tiêu xa xôi này, những giáo lý tôn giáo của bạn sẽ phải bị bỏ đi, bất kể những nỗ lực đầu tiên thành công hay không, hay liệu những thay thế đầu tiên chứng minh là không giữ vững được.

Bạn biết tại sao: trong thời gian, về lâu về dài, không có gì có thể đứng vững chống lại được lý trí và kinh nghiệm, và sự mâu thuẫn vốn tôn giáo cung cấp cho cả hai là tất cả hết sức mong manh. Ngay cả những ý tưởng tôn giáo tinh lọc cũng không thể thoát khỏi số phận này, miễn chừng nào chúng cố gắng để giữ lại bất cứ gì từ sự an ủi của tôn giáo. Không nghi ngờ gì nếu chúng tự giới hạn chúng vào một niềm tin ở một hữu thể tinh thần cao hơn, hữu thể này có những phẩm chất không xác định được, và có những cứu cánh không thể nhận thức được, chúng sẽ có bằng chứng chống lại thách thức của khoa học, nhưng sau đó chúng cũng sẽ mất sự nắm giữ của chúng với sự quan tâm của con người.

Và thứ hai: quan sát sự khác biệt giữa thái độ của bạn và của tôi với những ảo tưởng. Bạn phải bảo vệ những ảo tưởng tôn giáo bằng tất cả sức lực mạnh mẽ của bạn. Nếu nó trở nên mất uy tín - và thực sự mối đe dọa với nó là đủ lớn lao - sau đó thế giới của bạn sụp đổ. Không gì còn lại cho bạn, nhưng chỉ tuyệt vọng về tất cả mọi thứ, về văn minh và tương lai của nhân loại. Từ trói buộc đó, tôi, chúng ta thì tự do. Vì chúng tôi đã chuẩn bị để từ bỏ một phần lớn gồm những mong muốn trẻ con của chúng tôi, chúng tôi có thể chịu đựng được, nếu một vài trong số những kỳ vọng của chúng ta hóa ra là ảo tưởng.

Giáo dục được giải thoát khỏi gánh nặng của những học thuyết tôn giáo, nó có thể là, sẽ không tác động thay đổi nhiều lắm trong bản chất tâm lý của con người. Vị Gót Lý trí (logos) của chúng tôi, có lẽ không phải là một vị rất toàn năng, và ông chỉ có thể thực hiện một phần nhỏ của những gì những

người đi trước của ông đã hứa. Nếu chúng tôi phải nhận biết điều này chúng tôi sẽ chấp nhận nó với sự nhẫn nhục cam chịu. Chúng tôi sẽ không vì lý do đó đánh mất quan tâm của chúng tôi vào thế giới và trong đời sống, vì chúng tôi chắc chắn có một hỗ trợ mà bạn thiếu.

Chúng tôi tin là điều có thể có được cho công trình khoa học đạt được một số kiến thức về thực tại của thế giới, bằng cách đó chúng tôi có thể làm tăng khả năng của mình và chúng tôi có thể sắp xếp cuộc sống của chúng tôi ứng hợp với chúng. Nếu niềm tin này là một ảo tưởng, sau đó chúng tôi đang lại ở cùng vị trí giống như của bạn.

Nhưng khoa học đã cho chúng tôi bằng chứng qua những thành công của nó rất nhiều và quan trọng là nó không có ảo tưởng. Khoa học có nhiều kẻ thù công khai, và nhiều hơn nữa những kẻ thù ngấm ngầm, trong số đó là những người không thể tha thứ cho khoa học vì nàng đã làm suy yếu đức tin tôn giáo và đe dọa lật đổ nó. Nàng bị khiển trách vì số lượng nhỏ bé nàng đã dạy chúng tôi, và cho những lĩnh vực lớn lao không thể sánh nàng đã còn để lại trong tối tăm.

Tuy nhiên, trong điều này, mọi người đã quên nàng còn trẻ như thế nào, những khởi đầu của nàng đã khó khăn biết bao nhiêu, và ngăn ngui li ti đến đâu là khoảng thời gian kể từ khi trí tuệ con người đã đủ mạnh mẽ cho những công việc nàng thiết lập. Không phải là chúng ta tất cả đều có lỗi hay sao, khi đặt những phán đoán của chúng ta vào trong những giai đoạn quá ngăn ngui?

Chúng ta nên lấy những nhà địa chất làm mô hình của chúng ta. Người ta phàn nàn về sự không đáng tin cậy của khoa học – như thế nào, nàng loan báo một định luật cho hôm nay, những gì thế hệ kế tiếp nhận thức như một sai lầm và thay thế bằng một luật mới vốn hiệu lực được chấp nhận của nó cũng không được kéo dài hơn. Nhưng điều này là bất công và một phần không đúng sự thật.

Những biến đổi của quan điểm khoa học là những phát triển, những tiến bộ, không phải những cách mạng. Một luật lúc đầu tiên được nhận như có hiệu lực phổ quát, chứng tỏ sẽ là một trường hợp đặc biệt của một sự đồng nhất toàn diện hơn, hoặc bị hạn chế bởi một luật, không được khám phá tận muện

hơn về sau, một phỏng chừng xấp xỉ thô sơ cho sự thật được thay thế bằng một điều chỉnh cẩn thận hơn, vốn lại đến phiên nó, đang chờ đợi cho thêm toàn hảo.

Có nhiều những lĩnh vực khác loại, vốn chúng ta vẫn chưa vượt qua một giai đoạn thuộc về nghiên cứu, trong đó chúng ta làm thử nghiệm với những giả thuyết chúng sớm có thể bị gạt bỏ vì không thỏa đáng, nhưng trong những lĩnh vực khác mà chúng ta đã có một lối kiến thức đảm bảo và gần như không thay đổi. Cuối cùng, một nỗ lực đã được thực hiện để nhằm làm mất uy tín khoa học theo một cách quá khích triệt để, trên nền tảng rằng, bị ràng buộc với những điều kiện của thân xác riêng của chúng ta, nó có thể mang lại không-gì khác hơn ngoài những kết quả chủ quan, trong khi bản chất thật sự của sự vật bên ngoài chúng ta vẫn không thể tiếp cận được.

Nhưng đây là không quan tâm đến rất nhiều yếu tố có tầm quan trọng quyết định cho sự hiểu biết về công trình khoa học. Để bắt đầu, cơ cấu tổ chức của chúng ta - có nghĩa là, bộ máy não thức của chúng ta - đã được phát triển một cách chính xác trong cố gắng để thăm dò thế giới bên ngoài, và như thế, nó phải đã thể hiện được trong cấu trúc của nó một vài mức độ thiết thực,

-thứ hai, tự thân nó là một phần cấu thành của thế giới mà chúng ta bắt đầu dự định để điều tra, và nó sẵn sàng thừa nhận một điều tra như vậy;

-thứ ba, nhiệm vụ của khoa học là hoàn toàn được bảo hiểm nếu chúng ta hạn chế nó vào việc trình bày thế giới phải xuất hiện như thế nào cho chúng ta trong hậu quả của cá tính đặc biệt của cơ cấu tổ chức của chúng ta;

-Thứ tư, những tìm được sau cùng của khoa học, chính vì cách thức mà chúng được gạt hái, được xác định không chỉ của cơ cấu tổ chức của chúng ta, nhưng bởi những điều vốn nó đã ảnh hưởng đến tổ chức đó; cuối cùng, vấn đề bản chất của thế giới mà không quan tâm đến bộ máy tinh thần tri giác của chúng ta là một trừu tượng trống rỗng, không có những lợi ích thực tế.

Không, khoa học của chúng ta không là ảo tưởng. Nhưng một ảo tưởng sẽ có thể có, khi giả định rằng những gì khoa học không thể đem cho chúng ta, chúng ta có thể lấy được từ chỗ nào khác.

Sigmund Freud

(Nov-1927)

Lê Dọn Bàn tạm dịch

(Mar, 2011)

<http://chuyendaudau.blogspot.com/>

<http://chuyendaudau.wordpress.com>

[1] Ἀνάγκη, Necessity - Tất yếu (必要) - (Necessitas) – gốc từ ἀνάγκη, có nghĩa: sức mạnh, ràng buộc, tất yếu (force, constraint, necessity) - ở đây là Tất Yếu

[2] Logo: (Greek λόγος): Có những nghĩa là “lời”, “nghĩ”, “lý trí”, “từ”, “ý nghĩa”, “phát biểu”, “giải thích” – trong gốc Hylạp. Đã dịch là “lý tính” , “lý niệm” (理性; 理念)

Tổng quát, thường được dùng để chỉ nguyên lý lý trí, hợp lý, thuận lẽ phải hay luật nào đó có một số triết gia nghĩ là chịu trách nhiệm cho cách thức vũ trụ vận hành. - ở đây là Lý trí

Chú thích của người biên tập: [Hai Gót song sinh: Logos: Lý trí và Ananke : Tất yếu - của nhà văn Hòalan Multatuli].